

CAO TĂNG DỊ TRUYỆN

高僧異傳

(Truyện Kể Các Vị Cao Tăng Trung Quốc)
[Hạnh Huệ biên soạn - 2001]

Lời ngỏ

Ngài Triệu Châu hỏi ngài Nam Tuyền: Thế nào là đạo?

Đáp: Tâm bình thường là đạo.

Một câu như thế đủ làm cửa ngõ để chúng ta đọc tập sách này. Vì trong đây là những mẫu chuyện về các bậc cao tăng có đời sống khác lạ, khi sinh khi tử đều vượt ngoài giới hạn thường tình. Chúng ta sẽ tưởng rằng các Ngài có một công hạnh hoặc một phép mầu nào lạ lùng. Thật ra, tất cả đều bắt đầu từ chỗ "tâm bình thường". Còn chúng ta, vì tâm không bình thường nên đành chịu trôi nổi trong nghiệp thức lưu chuyển.

Tập truyện này không nhằm dẫn chúng ta đi vào chỗ huyền bí không tưởng.

Chỉ cần trở lại với tâm bình thường, một tâm bình thường mà thấy đất trời cao rộng vô cùng.

Xin được phép kính tặng cho các bậc tăng sĩ thời nay.

Kính ghi

Viên Chiếu Mạnh Đông - Canh Thìn (Cuối năm 2000)

*Hạnh Huệ

MỤC LỤC

Phần 1

- 1) Lão Tử
- 2) Khổng Tử
- 3) Phật Giáo vào Trung Hoa
- 4) Sa môn Nhiếp Ma Đăng, Trúc Pháp Lan đến Lạc Dương
- 5) An Thế Cao
- 6) Mâu Bác
- 7) Tào Thục
- 8) Khương Tăng Hội
- 9) Tăng Kỳ Vực
- 10) Phật Đồ Trừng
- 11) Trúc Phật Điều
- 12) Pháp Sư Chi Độn
- 13) Thích Đạo An
- 14) Thích Huệ Ngung
- 15) Cưu Ma La Thập
- 16) Hồ Khê Tam Tiểu
- 17) Tôn Giả Bôi Độ
- 18) Thích Đạo Sinh
- 19) Huệ Tư Tham Đại sư Huệ Văn
- 20) Trí Khải
- 21) Pháp Sư Tĩnh Ái
- 22) Phục hưng Phật giáo
- 23) Đạo sĩ Tăng Già
- 24) Huệ Mãn
- 25) Bảo Chí
- 26) Ba La Đề

Phần 2

- 27) Phó Đại Sĩ
- 28) Lương Vũ Đế
- 29) Thực Xoa Nan Đề
- 30) Pháp Tạng
- 31) Đạo Thọ

- 32) Huệ An
- 33) Đại sư Pháp Thuận
- 34) Hoà thượng Vạn Hồi
- 35) Cầu Na Bạt Ma
- 36) Pháp sư Huyền Cao
- 37) Pháp sư Huệ Ước
- 38) Pháp sư Đàm Loan
- 39) Pháp sư Khuy Cơ
- 40) Thần Tú
- 41) Thiền sư Nhân Kiệt
- 42) Huệ Khoan đại sư
- 43) Bá Trượng Hoài Hải
- 44) Đàm Tạng
- 45) Bảo Tích
- 46) Thiền sư Minh Toản
- 47) Ấn sỹ Lý Nguyên thăm Tỳ Kheo Viên Trạch
- 48) Thiền sư Pháp Khâm
- 49) Phong Can – Hàn Sơn - Thập Đắc thị hiện Thiên Thai
- 50) Thiền sư Đạo Lâm

Phần 3

- 51) Hoà thượng Hải Ấn Tín
- 52) Thiền sư Quy Tông Tuyên
- 53) Tăng Dạ Đài
- 54) Tăng Thu Nguyệt
- 55) Thiền sư Giác Tông
- 56) Tăng Đồng Tân
- 57) Thiền sư Ngọc Tuyên
- 58) Hoà thượng Hà Tử
- 59) Tăng Thanh Tùng
- 60) Thượng tọa Huệ Viên
- 61) Ngôn Pháp Hoa
- 62) Hoà thượng Thiên Tuế
- 63) Thiền sư Hoàn Trung
- 64) Đại sỹ Hải Vân
- 65) Tuyên Đại Đạo
- 66) Đồ Độc Sách

- 67) Thái úy Lữ Huệ Khanh
- 68) Nam An Vân Phong tự Viên
- 69) Thượng tọa Thái Nguyên
- 70) Đại Tĩnh - Tiểu Tĩnh
- 71) Tăng Đông Tùng
- 72) Tề Tăng Viễn
- 73) Sư Phổ Minh
- 74) Thiền sư Pháp Khánh
- 75) Độ
- 76) Chân tướng

Phần 4

Phụ Lục 33 vị Tổ

- 77) Ưu Ba Cúc Đa
 - 78) Phục Đà Nan Đề
 - 79) Hiếp Tôn Giả
 - 80) Phú Na Dạ Xa
 - 81) Mã Minh
 - 82) Long Thọ
 - 83) Ca Na Đề Bà
 - 84) La Hầu La Đa
 - 85) Tăng Già Nan Đề
 - 86) Cưu Ma Đa La
 - 87) Bà Tu Bàn Đầu
 - 88) Ma Noa La
 - 89) Bồ Đề Đạt Ma
- 33 Bài tán hình tượng Tổ sư của ngài Hám Sơn (còn tiếp)

PHẦN I

1. LÃO TỬ (LÝ NHĨ)

Sanh năm Đinh Tỵ, đời Chu Định Vương năm thứ ba (604 trước Công nguyên), ngày mười bốn tháng chín, Lão Tử sanh ở nước Sở, quận Trần, huyện Khô, làng Lại, xóm Khúc Nhon, họ Lý tên Nhĩ, tự là Bá Dương, húy là Đàm.

Ở trong thai mẹ 81 năm, xẻ hông trái mà sanh, mới sanh đầu đã bạc trắng nên hiệu là Lão Tử; sanh ở dưới cây Lý nên có họ Lý. Mặt vàng, mi đẹp, tai dài, mắt to, mũi có hai cột, tai có ba cửa, trong hội Thích Ca, Lão Tử là Bồ tát Ca Diếp.



(Khi sinh ra đã có dị tướng)

Kinh nói “Ca Diếp ứng sanh Chân Đán, hiệu là Lão Tử, đặt giáo không ngoài để trị quốc, mượn thuật thần tiên để trị thân”. Từ Phật diệt độ đến Lão Tử sanh là 346 năm. (1)

Lão Tử vào Lưu Sa (2)

Chu Giản Vương năm thứ tư (582 trước Công nguyên, Lý Nhĩ ra làm quan Thủ Tạng Sứ, mười ba năm đổi làm Trụ Hạ Sứ, suốt năm mươi bốn năm không đổi chức.

Người đời gọi là Sử Ấn. Kính Vương nguyên niên (519 trước Công nguyên, Ngài 86 tuổi, vì vương thất quá nhiều (lăng tri), ông bỏ Chu, đi về Tây vào Hàm Cốc Quan.

Quan Sinh Doãn Hỷ thấy mây tía từ Tây đến, biết có đạo nhân sẽ đi qua, bèn rước vào làm lễ. Ngài làm Đạo Đức Kinh năm ngàn lời đưa cho Doãn Hỷ rồi vào Lưu Sa năm Nhâm Ngọ.

Đến nước Kế Tân thấy tháp chùa tự thương mình không đến kịp bèn đối trước tượng nói kệ :-

“Ta sinh sao quá muộn
Phật ra đời sớm quá
Chẳng thấy Thích Ca Văn
Trong lòng thường áo não.”

(Ngã sinh hà dĩ vãn,
Phật xuất nhất hà tảo,
Bất kiến Thích Ca Văn,
Tâm trung thường áo não).
Không biết sau thế nào.

(1) Theo sử Trung Quốc – Chu Thư dị ký, Phật đản sanh ngày mồng tám tháng tư năm Giáp Dần, đời Tây Chu Chiêu Vương năm thứ 24 (1028 trước Công nguyên)

(2) Lưu Sa: Vùng sa mạc Taklamakan, phía Tây Trung Quốc. Trên đường sang Ấn Độ ngài Huyền Trang từng đi ngang đây.

*GHI CHÚ :- Nội dung trên đây là theo quan điểm của tác giả sách này, những nghiên cứu về sau có sự khác biệt nhiều, mong quý vị hoan hỉ cho. CN

2. KHỔNG TỬ

Khổng Phòng Thúc ở nước Lỗ, ấp Tru, làng Bình, con Phòng Thúc là Bá Hạ, con Bá Hạ là Thúc Lương Hột. Ông này trước cưới con gái họ Châu sanh con là Mạnh Bì, bất tài. Sau cưới con gái họ Nhan là Chung, cầu khẩn ở núi Ni Khâu mà sanh Khổng Tử bèn đặt tên là Khâu, tự là Trọng Ni.

Tối hôm sanh (năm Canh Tuất) có hai con rồng lượn quanh nhà, Ngũ Lão giáng giáng xuống trước sân, phòng của Nhan Thị nghe tiếng nhạc trời.



Khổng Tử thân cao chín thước sáu tấc; lưng rộng mười vi, tay dài quá đầu gối, xương trán gồ lên như hình chữ nhật, hà mục, hải khẩu, mặt rỗng, trán vuông, hàm én, râu rỗng, nhìn như cọp, lông mi có mười hai vãn, mắt có sáu mươi bốn lý. Sinh ngày 4 tháng 11 năm thứ hai mươi một đời Chu Linh Vương (551 trước Công nguyên) tức năm thứ hai mươi hai đời Lỗ Nhượng Công vậy.

Trên hội Thích Ca, Khổng Tử là Nho Đổng Bô tát, Nhan Hồi là Nguyệt Quang Bô tát. Kinh nói: “Trong cõi Diêm Phù, có nước Chân Đán, ta sai ba Thánh ở đó giáo hóa, nhân dân từ ái, lễ nghĩa đầy đủ”. Phật diệt độ đến Khổng Tử sanh là 400 năm.

Thái Tể nhà Thương hỏi Khổng Tử rằng:

- Phu Tử là bậc Thánh chăng?
- Khâu học rộng nhớ nhiều, chẳng phải Thánh nhân.
- Tam vương là Thánh chăng?

- Tam vương khéo dùng trí dũng, Thánh thì chẳng phải chỗ Khâu biết.

- Ngũ Đế là Thánh chăng?

- Ngũ Đế khéo dùng nhân tín, còn Thánh thì Khâu chẳng biết.

- Tam Hoàng là Thánh chăng?

- Tam Hoàng khéo dùng thời chính (thời cơ, chính trị) còn Thánh thì Khâu chẳng biết.

Thái Tể cả kinh hỏi:

- Như thế thì ai là Thánh nhân?

Phu Tử động dung hỏi lâu đáp:

- Khâu nghe phương Tây có bậc đại Thánh, không trị mà chẳng loạn, không nói mà tự tín, không giáo hóa mà tự hành, mệnh mông người chẳng thể đặt tên.

3. PHẬT GIÁO VÀO TRUNG HOA



(Hán Minh Đế)

Niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ tư (61 TL), Hán Minh Đế (漢明帝) đêm mộng thấy người vàng, thân cao hơn một trượng, cổ đeo vòng mặt trời, ngực đề chữ vạn, bay đến sân điện, ánh sáng chói lọi.

Sáng lại, vua hỏi quần thần, Thái sử Phó Nghị tâu rằng:

Thần theo Chu Thư dị ký, ngày mồng tám tháng tư năm Canh Dần, năm thứ hai mươi bốn đời Chiêu Vương (Tây Chu). Sáng

sớm chợt có gió lạ nổi lên, cung điện nhà cửa thấy đều chấn động, có ánh sáng năm màu vào sâu mọi chỗ, biến khắp bốn phương, màu xanh hồng. Vua hỏi Thái sử Tô Diêu đây là điềm gì? Thái sử đáp: “Tây phương có Đại thánh nhân sanh”. Vua nói: “Đối với đây (Trung Hoa) thế nào?” “Lúc này không có ông ta. Sau một ngàn năm, lời dạy mới đến”. Vua sai khắc lên đá để nhớ, ở trước đền thờ Nam Giao. Tính năm thì đến nay là năm Tân Dậu được một ngàn không trăm lẻ mười năm. Bê hạ năm mộng có lẽ ứng với đây.



(Thái sử Phó Nghị)

Vua thăm tính rồi sai các ông Trung Lang, Tương Thái Âm, Bác sĩ Vương Đạo, Tần Cảnh ... 18 người đến Tây Vực, thăm dò đạo này.

Hán Minh Đế niên hiệu Vĩnh Bình năm Đinh Mão (67 TL), Phật giáo bắt đầu vào Trung Hoa.

4.- SA MÔN NHIẾP MA ĐĂNG, TRÚC PHÁP LAN đến LẠC DƯƠNG

Các ông Thái Âm ... đến nước Nguyệt Chi, một lãnh thổ gần Thiên Trúc, gặp hai Phạm tể là Ma Đăng và Pháp Lan muốn dâng kinh tượng đến nước Trung Hoa, bèn cùng trở về phương Đông. Niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười (67 TL) đến Lạc Dương.

Ma Đăng vào triều hiến kinh tượng. Vua rất vui truyền đến ở Hồng Lô Tự, Pháp Lan đi đến sau.



(Bạch Mã Tự)

Niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười bốn (Kỷ Ty) (*) vua xuống chiếu ở ngoài cửa Tây Ung lập riêng một chùa, mời hai ngài đến ở. Vì Bạch Mã chở kinh đến nên đặt tên chùa là Bạch Mã. Vua đến chùa hỏi Ma Đăng:

- Sau khi Phật ra đời vì sao không giáo hóa đến đây?

Ma Đăng đáp:

- Nước Ca -tỳ- la- vệ ở Ấn Độ, ba đời chư Phật trong tam thiên đại thiên thế giới, trăm ức nhật nguyệt đều ở đây xuất hiện. Thiên

thần rồng quý có nguyện lực đều sanh ở đó nhận sự giáo hóa, ngộ đạo. Chỗ khác Phật tuy không đến, nhưng ánh sáng chiếu khắp mọi nơi. Một ngàn năm trăm năm đều có thánh nhân truyền lời dạy của Phật đến để giáo hóa.

Vua rất vui. Hai ngài hỏi tiếp:

- Phía Đông chùa có quán gì?

Vua đáp:

- Xưa có đồng đất tự nhiên nổi lên, dẹp đi lại nổi, đêm có ánh sáng lạ, dân gọi là mộ Thánh. Do đó thờ, nghi là thần Lạc Dương.

Ma Đằng nói:

- Theo Kim Tạng ở Thiên Trúc ghi. Vua A Dục chôn Xá lợi Phật khắp thiên hạ tới 84,000 chỗ. Nay ở Trung Hoa có mười chín chỗ, đây là một.

Vua thất kinh liền đến lễ bái. Chợt có một vầng ánh sáng tròn hiện trên mộ, ba thân hiện trong ánh sáng. Thị vệ hô “Vạn tuế!”. Vua mừng nói:

- Nếu không gặp hai đại sĩ, đâu biết được Di hựu của Thượng Thánh.

Rồi xuống chiếu xây tháp lên trên theo cách thức của hai ngài. Tháp hoàn thành có chín tầng, cao hai trăm thước. Năm sau ánh sáng lại hiện, có cánh tay sắc vàng lộ trên đỉnh tháp cả thước như trong lưu ly thấy hương trời. Vua lại đến chiêm bái. Ánh sáng theo bước chân xoay vòng, từ Ngọ đến giờ Thân (3 giờ chiều) mới diệt.

(Tượng Ngài Nhiếp Ma Đằng)

Vua đối với Phật pháp rất kính tín. Niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười bốn (71 TL), đạo sĩ Ngũ Nhạc là Trữ Thiện Tín, Phí Thúc Tài ... đồ kỵ, bài xích nói:

- Phật pháp hư nguy.

Ma Đăng, Pháp Lan tâu vua:

- Pháp xuất thế của Phật, nước lửa chẳng thể hoại. Xin vua cho cùng đạo sĩ thí nghiệm.

Vua sắc Thiện Tín ... đem hết kỳ kinh, bí quyết sẵn có cùng sa môn đem kinh Phạn vào ngày rằm tháng Giêng, lập đàn đốt để nghiệm. Các kinh của đạo sĩ đều bị đốt sạch, chỉ có kinh tượng Phật vẫn còn nguyên. Bọn Thiện Tín xấu hổ chết. Bao nhiêu đạo sĩ đều đê đầu khâm phục.



(Tượng Ngài Trúc Pháp Lan)

Ngài Pháp Lan ở trong đại chúng xướng kệ:

“Chồn chẳng phải sư tử
Đèn chẳng phải sáng trời trăng
Ao không có sức chứa của sông biển
Gò chẳng tươi tốt như núi rừng
Mưa pháp rưới thế giới
Giống lành được nứt mầm
Hiển thông pháp hy hữu
Nơi nơi giáo hóa quần sanh.”

(Hồ phi sư tử loại
Đẳng phi nhật nguyệt minh
Trì phi giang hải nạp
Khuru vô sơn nham vinh
Pháp vân thù thế giới
Thiện chủng đắc khai manh
Hiển thông hi hữu pháp
Xứ xứ hóa quần sanh).

Vua càng thêm kinh dị. Hai tăng học chữ Tàu, sau dịch kinh Tứ Thập Nhị Chương, Thập Địa Đoạn Kết, Phật Bản Sanh, Pháp hải Tạng, Phật Bản Hạnh ... năm kinh.

(Bia kỷ niệm)

Niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười sáu (73 TL) Nhiếp Ma Đẳng nhập diệt. Trúc Pháp Lan tự dịch năm bộ kinh mười ba quyển.

(*) Có lẽ là Vĩnh Bình thứ 12 năm Kì Ty hoặc Vĩnh Bình 14 năm Tân Mùi.

5. AN THẾ CAO

Sa môn An Thanh tự Thế Cao người nước An Tức (*), đến kinh đô địch kinh.

Trong khoảng 23 năm từ Mậu Tý (148) (**) đến Canh Tuất (170) (***) Ngài dịch được 90 bộ, 115 quyển kinh.

Năm Tân Dậu, Ngài đến Lô Sơn, ở đây có thần miếu rất linh, dân chúng đến dâng lễ cầu phước đông đến hơn ba mươi thuyền. Thần giáng cơ bảo:

- Dưới thuyền có Sa môn, nên mời lại.

Dân chúng mời Ngài đến, Thần lại giáng cơ nói:

- Tôi xin thưa cùng ông xuất gia học đạo. Tôi ưa bố thí mà sân nhiều, nay làm thần miếu, thọ mạng có thể hết sớm, không biết lúc nào, lại sợ đọa vào địa ngục. Nay tôi có ngàn khúc lụa và một số bảo vật, ông hãy vì tôi làm Phật sự, tạo tháp để cho tôi được sanh chỗ lành.

Ngài bảo thần miếu hiện hình. Thần hiện thành con rắn lớn, khóc lóc như mưa. Ngài bèn tháo lụa, bảo vật rồi từ biệt đi. Đến Dự Chương, Ngài dựng chùa Đại An, xây dựng tháp ở Giang Hòa. Chẳng bao lâu thần miếu chết, về báo đã được sanh cõi lành. Sau người ở Sơn Tây, thấy xác rắn trong đầm, đầu đuôi dài đến mấy dặm.

Đến nay, huyện Tầm Dương vẫn còn thôn Đại Xà.

*Chú thích:-

(*) Nước An Tức (Parthic) – phía Đông Bắc Ba Tư ngày xưa.

(**) Thời Đông Hán – Hoàn Đế niên hiệu Kiến Hòa.

(***) Thời Đông Hán – Linh Đế niên hiệu Kiến Ninh.

6. MÂU BÁC

Nhà Hán niên hiệu Sơ Bình (190 – 194), có Mâu Tử tránh đời ần cư, nghiên cứu Phật đạo, làm 37 thiên Lý Hoặc, rất được sùng mộ.

Luật sư Lương Tăng Hữu thu thập và lưu truyền.

*Phụ ghi:-

Mâu Bác

Theo ông Pelliot khảo cứu trong sách “Mâu Tử lý hoặc” thì Mâu Bác hay Mâu Tử cũng là một. Ngài người quận Thương Ngô tức Ngô Châu bây giờ. Sau khi vua Hán Linh Đế mất (189) ngài theo mẹ qua ở Giao Châu. Bấy giờ nước Trung Hoa rối loạn, các sĩ phu tránh qua đất Giao Châu rất đông, có nhiều người theo đạo Lão học phép tiên.

Ngài thường cùng đạo sĩ biện luận, nhiều khi họ không trả lời được những nghi vấn của ngài; ngài liền phát tâm theo Phật giáo. Theo ông Pelliot kê cứu thì ngài Mâu Bác sanh vào khoảng năm 165 - 170 Tây lịch.

Ta thấy bốn ngài truyền Phật đạo ấy, một ngài là người Trung Hoa (Mâu Bác) còn là người Ấn Độ cả. Và so niên đại thì ta thấy ngài Mâu Bác là người truyền Phật giáo ở đất Giao Châu sớm nhất: năm 189 sau Tây lịch kỷ nguyên. Vậy ta có thể kết luận: Phật giáo du nhập vào nước ta vào khoảng cuối thế kỷ thứ hai.

(Ngoài ra lại có thuyết nói Phật giáo truyền vào Giao Châu từ thế kỷ đầu, ngang với khi Phật giáo du nhập vào Trung Quốc (67 Tây lịch); hoặc giả đó là do Giao Châu bấy giờ ở vào giữa con đường của các nhà truyền đạo, hoặc khách buôn bán của ấn Độ Chi Na qua lại với nhau, có ghé, nhưng không ở nhất định để truyền giáo, nên không còn di tích gì chẳng? Vì theo ông Sylvain và ông Pelliot kê cứu thì Trung Quốc và ấn Độ giao hảo với nhau từ năm 245 trước Thiên Chúa giáng sinh đến thế kỷ thứ bảy đều lấy đất Giao

Chỉ, Giao Châu làm trung gian. Bọn du khách qua lại phải đi ngang qua Bắc Kỳ bấy giờ và bể Nam Hải. Như vậy ta có thể đoán đó chỉ là những nhà đạo sĩ và những người buôn bán sùng đạo Phật mới đem tín ngưỡng đến xứ này về thời ấy, chứ chưa hẳn là truyền bá giáo lý).

Ở bên Trung Hoa từ sau khi vua Hán Linh Đế mất, chính trị trong nước rối ren, những cuộc nội loạn bắt đầu sửa soạn cái loạn Tam quốc sau này, thì đất Giao Châu được yên ổn dưới quyền chính trị của Thái thú Sĩ Nhiếp (187-122).

Trong sách Mâu Tử ký chép: "Sau khi Hán Linh Đế mất, trong nước rối loạn, chỉ có đất Giao Châu là tạm yên, nên những sĩ phu đều sang tránh loạn ở đó. Nhiều nhà đạo sĩ mang truyền các ngoại đạo như Thần đạo, Tiên đạo, Trường sanh đạo..." mà Mâu Bác lại qui y Phật giáo sau khi đã khảo về Lão giáo (theo sách Mâu Tử Lý hoặc).

Vào khoảng năm 194 - 295 ông Mâu Tử sang Giao châu tự khảo Phật đạo và truyền đạo. Những người Trung Hoa khác cũng bắt chước.

(Theo:- Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam
Sa Môn Thích Mật Thể)

7. TÀO THỰC

Trần An Vương Tào Thực, tự là Tử Kiến, con giữa của Tào Tháo, mười tuổi đã thuộc thơ văn trên mười ngàn chữ. Hàm Đan Thuần trông thấy kinh hãi cho là người nhà trời.

Ông mỗi lần đọc kinh Phật đều hết lòng tán thán cho là tông chí đạo, rồi chế cách tụng thành bảy thanh, thảng giáng khúc chiết. Người đời tụng theo đó.

Khi ông dạy Ngư Sơn, nghe có tiếng lạ lùng, giọng điệu ai oán, ông phỏng theo đó để tán tụng kinh Phật.

Ông có viết Biện Đạo Luận có ý chê Hoàng Lão (Lão giáo).

*Phụ ghi :-

TÀO THỰC

Tào Thực (曹植, 192-232) tự là Tử Kiến (子建), khi mất có tên thụy là Tư, nên còn được gọi là Trần Tư Vương.

Ông là một nhà thơ nổi bật nhất trong số văn nhân thời Kiến An[1], Trung Quốc.

1.- Thân thế

Tào Thực, người đất Bái, huyện Tiêu, nay thuộc tỉnh An Huy, Trung Quốc; là con trai thứ tư của Tào Tháo, em của Tào Phi (187-226).

Lúc Tào Tháo xây xong Đồng tước đài thì Tào Thực chỉ khoảng 10 tuổi. Vậy mà, khi nghe cha ra lệnh các con làm thi phú để tán tụng, ông làm xong bài phú Đồng tước đài, khiến cha vừa mừng vừa kinh ngạc, và Tào Phi bắt đầu ganh tị với ông từ đó.

Ban đầu, Tào Tháo đã định lập ông làm Thái tử, nhưng vì tính tình phóng túng, không phục tùng ai; lại bị Tào Phi đổ ky, xúc xiêm, nên ông không còn được cha tin tưởng.

Đau lòng nhất, theo Dịch Quân Tả (một học giả người Trung Quốc), Tào Thực thương một người con gái đẹp là Chân thị mà Tào Tháo có ý muốn tự nạp, về sau lại cưới cho Tào Phi. Khi người yêu dấu mất, Tào Thực mộng thấy gặp lại Chân thị ở bên bờ Lạc Thủy, và nàng đã tặng cho ông một chiếc gối. Khi tỉnh giấc, thiên tình sử ấy được Tào Thực tả lâm ly trong bài Cảm Chân phú [2]

Năm 220, Tào Tháo mất, Tào Phi được thừa kế địa vị của cha, và đã ép Hán Hiến Đế (189-220) thoái vị và tự xưng là hoàng đế Ngụy.

Tào Phi và con là Tào Tuấn (205-239) kiếm đủ cách bức hại Tào Thục, như: giết mất “cánh tay” của Tào Thục là Đinh Nghi, Đinh Dục, chỉ phong ông tước hầu (Bình Nguyên hầu), bị buộc phải rời kinh đô... Về sau, tuy được mang tước vương (Đông A vương, Trần vương), nhưng trong khoảng thời gian hơn mười năm dài, ông bị thuyên chuyển sáu lần và cuộc sống chẳng khác gì người tù bị giam lỏng.

Cũng theo Dịch Quân Tả, thì:

"Tội nghiệp Tào Thục phải chạy ngược chạy xuôi, lo buồn tiêu tụy, không có được một ngày yên tĩnh, nghỉ ngơi, và ông chết trong sự uất hận đó khi tuổi vừa 40." [3]

2.- Sự nghiệp văn chương

-Tào Thục mất có để lại Trần Tư Vương tập, gồm khoảng 80 bài thơ; hơn 40 bài từ, phú, tản văn và có thể làm hai thời kỳ:

-Buổi đầu, thơ Tào Thục thể hiện chí khí tiến thủ, khát vọng lập công như: Đông chinh phú (Bài phú chinh phạt phía Đông, tức Đông Ngô), Chinh Thục luận (Luận về việc đánh nước Thục)...

-Ở thời kỳ sau, vì bị anh và cháu chèn ép, nên thơ ông có chuyển biến rõ rệt. Thơ trở nên u uất bi thương, như: Dã điền hoàng tước hành (Bài hành về con sẻ vàng ngoài cánh đồng), Dao tước Phú (Bài phú về loài chim cắt), Hu ta thiên (Thiên tự than thân), nhưng tiêu biểu nhất là bài Tặng Bạch Mã vương Bru (贈白馬王彪)...

-Tuy nhiên, do cảnh sống mà ông cũng có được một số tác phẩm phản ánh được ít nhiều nỗi khổ của nhân dân trong cơn ly loạn, nhất là nỗi đau đớn của những người phụ nữ bất hạnh, như Khuê tình (Tâm tình chốn phòng khuê), Khí phụ thi (Bài thơ về người vợ bị bỏ rơi), Thất ai thi (Bày nỗi buồn than),...

*GS Nguyễn Khắc Phi đánh giá:

Thơ Tào Thục có số lượng khá nhiều, nghệ thuật khá cao, ngôn từ điêu luyện, phong vị dân ca đậm đà, song nội dung không sâu sắc bằng những bài thơ tiêu biểu của một số thi nhân cùng thời, như Trần Lâm (?-217), Vương Xán (177-217) và Thái Diễm (177-?)...có một vị trí nhất định trong sự phát triển của lịch sử văn học Trung Quốc. Đó là tia hồi quang của một giai đoạn lịch sử đầy biến động khi những phe phái quân phiệt xâu xé nhau trên cái nền sụp đổ của triều Hán, gây cho nhân dân Trung Quốc biết bao thảm họa.

-Ngoài ra, Tào Thục còn là một trong những người đầu tiên biết học tập dân ca một cách sáng tạo. Nhờ ông, thơ ngũ ngôn Trung Quốc đã phát triển đến độ thành thực.[4]

*Bàn về quan niệm văn chương của Tào Thục & Tào Phi, nhà văn Nguyễn Hiến Lê viết:

"Tào Phi và Tào Thục, là hai anh em ruột mà tính tình và đời sống trái nhau hẳn. Tào Phi làm vua chỉ cho văn chương mới là sự nghiệp lớn, đáng lưu truyền lại thiên thu; còn phú quý, công danh hễ chết là hết. Tào Thục, ngược lại, cho văn chương là nghề mọn mà sự lập công mới đáng trọng. Trong một lá thư gửi bạn, ông thổ lộ nỗi lòng, đại ý nói: "Tôi tuy bạc đức, cũng gắng sức giúp nước, để ân huệ cho dân, chứ không muốn lấy công việc bút mực làm công lao, lấy từ phú làm hơn người".

*Mặc dù "cho văn chương là nghề mọn", nhưng cũng theo Nguyễn Hiến Lê thì:

"Tào Thục xứng đáng là đệ nhất thi nhân trong hai đời Tần, Hán và là người mở đường cho lối thơ diễm lệ đời Lục Triều[5]. Thơ của ông đặc sắc vì lời rất điêu luyện, có nhạc, có đối mà vẫn tự nhiên, dù văn vẻ lẫn chất phác."

Danh sĩ Tạ Linh Vận (385 - 433) [6] thời Đông Tấn cũng đã hết sức khen ngợi Tào Thục:

"Văn chương trong thiên hạ có cả thấy một thạch (tức 10 đầu), riêng Tử Kiến (Tào Thực) đã chiếm hết 8 rồi." [7]

*So sánh vai trò & tài năng của Tào Thực trên văn đàn, Nguyễn Hiến Lê viết:

"Thời Kiến An, ba cha con là Tào Tháo, Tào Phi, Tào Thực, làm lĩnh tụ trên thi đàn. Tháo có giọng trầm hùng. Phi thì sâu, nhã. Thực, đa tài hơn cả; thơ vừa diễm lệ, vừa lâm ly và cao kỳ."

*Đến năm 226, Tào Phi và Tào Thực đều đã chết hết, văn đàn rực rỡ thời Kiến An cũng đã tan theo.[8]

8. KHƯƠNG TĂNG HỘI

Tam Tạng Pháp Sư Khương Tăng Hội hành hóa đến nước Ngô.

Sư là con của Đại Thừa Tướng nước Khương Cư, tên Tăng Hội, đi tu.

Đến Kiến Chương, cất am tranh, lập bàn thờ tượng Phật, hành đạo. Người nước Ngô lấy làm lạ. Ngô Tôn Quyền biết được, liền nói:

- Hay là như mộng của Hán Minh Đế, Phật đạo đã truyền đến chăng?

Bèn sai người vời Sư đến hỏi. Tăng Hội trình bày việc Như Lai tịch diệt và nói:

- Như Lai nhập diệt đã ngàn năm rồi nhưng linh cốt xá lợi vô cùng linh ứng. Xưa vua A Dục thờ tám mươi bốn ngàn tháp. Ngay đây cũng có di hóa (xá lợi để lại).

Ngô Tôn Quyền nói:

- Nếu Thầy cầu được xá lợi, ta sẽ tạo tháp phụng thờ. Còn cầu không linh nghiệm, Thầy sẽ bị nghiêm phạt.

Tăng Hội xin kỳ hạn bảy ngày. Trở về bảo quyền thuộc:

- Phật pháp hưng thịnh hay bị phế bỏ đều do lần này. Mọi người nên chí tâm cầu khẩn.

Qua bảy ngày, chẳng thấy hiệu nghiệm. Tăng Hội lại xin triển hạn bảy ngày nữa, cũng chẳng thấy gì. Ngô Tôn Quyền nói:

- Mau đem ông thầy này bỏ vào vạc nấu!

Tăng Hội thâm nghĩ: “Đức Phật từ bi, lẽ nào phụ lòng ta”. Rồi năn nỉ cho thêm bảy ngày. Đến canh năm, nghe co tiếng leng keng, Sư liền trở dậy nhìn vào bình, thấy hiện ngũ sắc, bèn kêu to:

- Quả đúng như nguyện của ta!

Hôm sau Sư đem vào triều. Ngô Tôn Quyền cùng công khanh xúm vào xem, khen:

- Thật là điềm hiếm có!

Tăng Hội nói:

- Oai thần của xá lợi, tất cả thế gian không gì làm hoại được.

(Ngô - Tôn Quyền)

Tôn Quyền sai lực sĩ lấy chùy đập, ánh sáng vẫn rực rỡ. Vua bèn lập chùa, dựng tháp, đặt tên làng là Phật Đà, chùa là Kiến Sơ. Đây là ngôi chùa, tháp đầu tiên của Giang Nam.

Tôn Quyền hỏi Thái phó Hám Trạch:

- Phật giáo vào Trung Quốc năm nào của thời Hán Minh Đế? Do đâu lại không đến phương Đông?

Hám Trạch nói:

- Niên hiệu Vĩnh Bình năm thứ mười một Phật pháp mới đến, cách đây một trăm bảy mươi năm. Đến năm thứ mười bốn, đạo sĩ Ngũ Nhạc là nhóm Trừ Thiện Tín đầu phép với tăng Ấn Độ. Thiện Tín thua, hổ thẹn mà chết. Người Trung Quốc không được xuất gia, nên không có người truyền bá. Hơn nữa, vì loạn ly nhiều năm. Bây giờ Phật giáo mới đến nước ta.

Tôn Quyền nói:

- Đã có Không Tử viết kinh sách dạy dỗ đời sau; rồi Lão, Trang tu thân tự vui; phóng lãng chốn núi rừng, tâm hồn đạm bạc. Vậy còn thờ Phật làm chi nữa?

Hám Trạch thưa:

- Hai đạo Không Lão là pháp trời chế ra để dùng, nên không dám ngược ý trời. Phật giáo thì chư thiên vâng làm, không dám trái ý Phật. Xem đó thì rõ hơn, kém.

(Bia kỷ niệm chùa Kiến Sơ)

Ngô Tôn Hạo sau nối ngôi cha, hạ lệnh dẹp đền chùa, miếu mạo. Quân thần can:

- Tiên đế cảm điềm lành mà lập chùa, Chúa công chẳng nên phá hủy!

Tôn Hạo bèn cho gọi Sư lại hỏi:

- Phật nói có báo ứng thiện ác, Thầy có thể giảng cho ta nghe chăng?

Sư nói:

- Minh chủ lấy hiếu từ trị thiên hạ, thì đế hiệu Xích Ô được rõ ràng, người dân sống lâu. Dùng nhân đức nuôi vạn vật thì সুối ngọt tuôn trào, lúa tốt nảy mầm. Lành có cảm ứng, ác cũng vậy. Nếu làm ác ở chỗ kín đáo, quỷ sẽ giết, làm ác ở chỗ công khai,

người sẽ giết. Kinh Dịch nói “Tích thiện dư khánh” chứa điều lành thì niềm vui có dư, còn dù văn thơ hay, cầu phước cũng chẳng đến. Tuy đó là cách ngôn của nhà Nho, mà thực làm sáng tỏ lời Phật dạy.

Tôn Hạo nói:

- Thế thì Chu Khổng đã nói rồi, đâu cần Phật giáo?

Sư nói:

- Chu Khổng chẳng muốn nói sâu, nên chỉ dạy sơ lược. Phật giáo chẳng dừng ở lời cạn cợt, nên chỉ rõ ràng tường tận cái cốt yếu. Tất cả đều tốt. Thánh nhân chỉ sợ làm thiện không được nhiều. Bệ hạ sao lại không ưa?

Tôn Hạo không đáp được, bèn bỏ lệnh hủy chùa.

9. TẶNG KỶ VỤC

Sư ở Thiên Trúc, lúc mới đến Giao Châu và Quảng Châu, người ta thấy có nhiều điều linh dị.

Sư đến Lạc Dương, thấy các tỳ kheo ăn mặc hoa lệ bèn nói:

- Thật trái giới luật! Chẳng phải ý Phật!

Sư xem các cung thất ở đế đô, liền nói:

- Đại khái giống cung trời Đao Lợi. Nhưng người khác với trời, làm dân chúng khổ cực, sửa sang như thế, không phí hay sao?

Niên hiệu Thái An năm đầu (303). Sư biết Lạc Dương sắp có loạn, liền từ giã về Thiên Trúc. Có vị tăng xin được chỉ dạy. Sư cho nhóm chúng, lên toà nói:

"Giữ miệng, nhiếp thân ý.

Cẩn thận chớ phạm ác,

Tu hành tất cả thiện,

Như vậy được độ thể."

Nói xong Sư làm thỉnh. Mấy trăm người đều thỉnh Sư về nhà mình thọ trai. Sư nhận lời hết. Hôm sau, năm trăm nhà đều có Sư đến thọ thực.

10. - PHẬT ĐỒ TRÙNG

Sư người Thiên Trúc, họ Bạch.

Đời Tấn, niên hiệu Vĩnh Gia năm thứ tư (310), Sư đến Lạc Dương, tự nói mình hơn trăm tuổi, hợp không khí mà sống, rành về chú thuật. Bên hông Sư có một lỗ hồng, lấy bông nhét lại. Ban đêm lấy bông ra, có ánh sáng từ lỗ chiếu ra. Mỗi khi gặp suối, Sư móc bao tử, ruột ra rửa, xong lại nhét vào bụng. Sư định cất chùa ở Lạc Dương để hoằng hóa Đại pháp nhưng giặc Lưu Diệu làm loạn nên không thành.

Thời Thạch Lặc Truân Cát Pha tàn sát dân chúng rất nhiều, bộ hạ ông ta là đại tướng Quách Hắc Lược lại rất mộ Phật pháp. Sư liền truyền ngữ giới cho ông. Sau Quách Hắc Lược đi chinh phạt, Sư thường báo trước sự thắng bại, Thạch Lặc nghi bèn hỏi ông ta, Hắc Lược nói:

- Có một sa môn trí thuật phi thường bảo rằng tướng quân sẽ chiếm được khu Hạ. Thần đã nhận Ngài làm thầy. Chỗ thần tâu rõ trước sau đều là lời của Ngài.

Thạch Lặc vui mừng nói:

- Trời ban cho ta!

Bèn gọi Sư đến hỏi:

- Phật đạo có linh nghiệm gì?

Sư biết Thạch Lặc không đạt được lý thâm sâu, chỉ có thể dùng đạo thuật để biểu diễn, liền rút một bát nước, đốt hương chú nguyện, giây lát có hoa sen xanh hiện ra. Thạch Lặc nhân đó tin phục, Sư cũng nhân đó can:

- Vua lấy đức trị nước thì tứ linh sẽ hiện điềm lành.

Thạch Lặc rất vui. Sau đó vì phần nô, Thạch Lặc định hại các đạo sĩ và làm khổ Sư. Sư bèn tránh mặt. Thạch Lặc sai người kiểm chẳng ra, thất kinh nói:

- Ta có ý hướng về Thánh nhân, Thánh nhân lại bỏ ta mà đi!

Đêm đó, Thạch Lặc không ngủ được, thao thức nghĩ đến Sư, muốn được gặp. Sư biết ông ta đã hối lỗi, sáng hôm sau bèn đến, Thạch Lặc nói:

- Hôm qua ngài đi đâu?

Sư đáp:

- Chúa công có lòng giận nên tôi phải tạm tránh. Nay Ngài đổi ý, tôi mới dám đến.

Thạch Lặc cười to.

Sau Thạch Lặc chết, em là Hồ nổi ngôi, hết lòng phụng sự Phật Đà Trìng, Sư bảo Hồ:

- Đế vương thờ Phật cần “Cung - Kiệm - Từ - Nhẫn” khen ngợi đạo pháp, không làm điều bạo ngược, không hại người vô tội. Dân có làm ác thì giáo hóa họ. Ai không sửa đổi mình mới nên dùng hình phạt, nhưng nên thương xót chớ lạm dụng hình phạt nhất là những tội tử hình.

Niên hiệu Vĩnh Hòa thứ tư (348), tháng mười hai, Sư bảo đệ tử:

- Họ Thạch sắp diệt! Nước chưa loạn ta đã tịch rồi!

Bèn sai người đến từ già Thạch Hổ, Thạch Hổ hoảng kinh nói:

- Đại Hòa thượng vội bỏ nước ta! Sắp có nạn chăng?

Liên đến chùa thăm Sư. Sư nói:

Ra sông, vào chết, đó là đạo thường. Phân định dài ngắn, không do thêm, bớt. Có điều đáng hận là quốc gia để tâm vào Phật pháp, lập chùa độ tăng, mong được phước đức, mà cai trị lại bạo ngược, hình phạt hỗn loạn, thật trái lời Phật dạy, trọn không được phước đức. Nếu phô bày nhân chính thì lộc có thể kéo dài.

Thạch Hổ khóc lóc nghẹn ngào, biết Ngài sẽ tịch, liền đục đá làm mộ phần. Đến ngày tám, Ngài ngồi yên thị tịch thọ một trăm bảy mươi tuổi.

Sư vào đạo một trăm lẻ chín năm mà rượu chẳng thấm môi, ăn không quá ngọt, việc phạm giới chẳng làm, lập tám trăm chín mươi ba chùa, độ hơn bảy ngàn tăng. Sư ở chỗ nào, mọi người không dám hướng về đó khạc nhổ, phóng uế, họ thường dặn nhau:

- Chớ khởi ác, Đại Hòa thượng biết đó!

Đại giáo vào phương Đông, đến thời Sư rất thịnh hành.

Về sau, có vị tăng từ Ủng Châu đến, thấy Sư đi vào cửa Tây. Bèn kể lại cho Thạch Hổ, Thạch Hổ cho mở mộ ra xem, chỉ thấy còn khối đá.

11. TRÚC PHẬT ĐIỀU

Sư là đệ tử của ngài Phật Đò Trưng, sau trụ chùa Thường Sơn nhiều năm.

Sư có thần thông, thường phân thân đi nơi khác, hoặc vào núi suốt năm, đem theo mấy đấu cơm khô, lúc trở về vẫn còn dư cơm.

Có vị tăng theo Sư dạo núi, gặp tuyết xuống nhiều. Sư vào hang cạo ngủ, cạo cũng đến nằm chung.

Sau tự báo ngày thị tịch, mọi người xa gần kéo nhau đến. Sư nói:

- Thân người vô thường, nếu có tâm rộng rãi trong sạch, thì hình hài mạng số tuy khác, nhưng vẫn đồng khế hợp nhau.

Nói xong, ngồi ngay ngắn mà tịch.

Đệ tử đi núi, lại thấy Sư ngồi trên núi. Mọi người đánh lễ hỏi:

- Hòa thượng vẫn còn sống sao?

Sư đáp:

- Ta vốn thường còn.

Nói xong, Sư biến mất. Chúng mở quan tài, chỉ thấy y và giày.

12. PHÁP SƯ CHI ĐỘN

Sư tự là Đạo Lâm, xuất gia khi đã đứng tuổi.

Niên hiệu Hưng Ninh năm thứ hai (364), Sư đến kinh đô giảng đạo, thực hành kinh Bát Nhã.

Sư kết bạn phương ngoại với Tạ An Vương, Nghĩa Chi, An Hạo, Vương Thân Chi ...

Niên hiệu Thái Hòa năm thứ hai (367), Sư ở ẩn tại Diệm Sơn. Có người đem ngựa đến cho, Sư nhận nuôi, nói:

- Ta thích ngựa thần.

Có người cho bạc, Sư thả đi, bảo:

Chim trời chẳng lẽ giữ để vui tai mắt mình.

13. THÍCH ĐẠO AN

Sư quê ở Thường Sơn, họ Vệ, theo Nho giáo.

Năm mười một tuổi xuất gia với Phật Đồ Trưng, Sư đọc sách một ngày cả vạn lời, biện tài vô địch.

Sư thông minh như thế nhưng dung mạo quá xấu. Người đời gọi là “Tất đạo nhân, kinh tứ lân” (Đạo nhân đen thui, làm kinh hãi bốn bên).

Khi Phật Đồ Trưng thị tịch, Sư thống lãnh đồ chúng ở núi Lục Hồn. Niên hiệu Ninh Khang nguyên niên (373), Sư đến Nhượng Dương lập chùa Đàn Khê, có cao sĩ Tập Tạc Xi đến tự xưng: “Tứ Hải Tập Tạc Xi”, Sư ứng tiếng đáp: “Di thiên Thích Đạo An”.

Niên hiệu Thái Nguyên năm thứ tư (379), vua Tần Phù Kiên công phật Nhượng Dương, rước được Ngài rất mừng, bảo tả hữu rằng:

- Ta dùng mười vạn binh lấy Nhượng Dương, vừa được một người rưỡi.

Tả hữu hỏi:

- Là ai?

Đáp:

- An Công là một, Tập Tạc Xi là nửa người.

Sư ở Trường An hoằng dương chánh pháp. Niên hiệu Thái Nguyên thứ mười bốn (389), vào ngày 27 tháng giêng, Sư thấy có một dị tăng ra vào ở lỗ hồng cửa sổ. Sư hỏi quê quán, dị tăng lấy tay chỉ hướng Tây Bắc, tức thì mây vệt ra, thấy lâu các như huyền hiện lên, Tăng bảo:

- Đó là cõi trời Đâu Suất.

Ngày tám tháng hai, Sư ngồi kiết già thị tịch.

Sư mỗi lần sơ kinh nghĩa đều cầu Thánh nhân chứng minh. Một lần cảm được tôn giả Trường Mi giáng. Sư đưa bản sơ giải của mình cho Tôn giả xem. Tôn giả rất thần phục, khen là hợp hết tâm Phật, rồi hứa sẽ ngầm giúp Sư truyền bá rộng rãi. Sư biết Tôn giả này chính là ngài Tân Đầu Lô, bèn thiết trai cúng dường. Sư có mười đệ tử thông đạt sự nghiệp sơ giải này.

Một đệ tử Sư là Pháp Ngộ truyền pháp ở Trường Sa, đồ chúng mấy trăm người. Một hôm có người lên uống rượu, Pháp Ngộ làm ngơ không cử tội. Sư biết được, bèn gọi roi đến. Pháp Ngộ ôm roi khóc nói:

- Trông coi chúng không công minh, khiến Thầy ở xa phải lo.

Rồi phủ phục nhận phạt.

Trên cánh tay Sư có một lõi thịt, nổi lên như cái ấn, có thể nhấn lên nhấn xuống mà không ra khỏi bắp tay. Người đời gọi Sư là Bồ tát Ấn Thủ.

Sư có đệ tử là ngài Huệ Viễn, Tổ Sư tông Tịnh Độ, lập Liên Xã để niệm Phật cầu vãng sanh.

14. THÍCH HUỆ NGUNG

Sư vào núi thiên định, qui núi hiện đủ hình tướng đều bị Sư điềm hóa mà ẩn đi.

Một hôm, trời tuyết lớn, có một cô gái hình dung yếu điệu, y phục đẹp đẽ, đến nói với Sư:

- Thượng nhân có đức lớn nên trời sai tôi đến hầu hạ Ngài.

Rồi dùng đủ lời cảm dỗ. Sư an nhiên chẳng động, bảo cô gái rằng:

- Lòng ta như tro nguội, đừng đem túi da đó thử thách làm chi!

Cô gái bèn cười mà đi, quay lại khen rằng:

Nước biển cạn được,

Tu di nghiêng được,

Bậc thượng nhân kia,

Kiên trinh vượt bực.

15. CƯU MA LA THẬP

Sư người Trung Thiên Trúc, cha tên Cưu Ma La Viêm, làm Tướng quốc mà bỏ vinh hoa đi chu du. Vua nước Quy Tư đem em gái gả cho ông, sanh ra Cưu Ma La Thập.

Sư còn bé mà tinh thần linh mãnh, bảy tuổi đi theo mẹ đến chùa . Thấy bát sắt, thử nhấc để lên cổ, rồi sực nhớ: “Bát này rất nặng, sao ta nhấc nổi?”. Sư nhấc lại, bát không nhúc nhích, liền ngộ được vạn pháp duy tâm. Sự học rộng nhớ giỏi của Sư không ai bì kịp.

Năm Sư hai mươi tuổi, mẹ Sư từ giã vua, đến Thiên Trúc, bảo Sư rằng:

- Giáo lý Phương đẳng thâm sâu, chẳng thể suy lường. Chỉ có con mới truyền được đến phương Đông. Nhưng việc này đối với con có chỗ bất lợi, chẳng biết phải làm sao đây!

Sư đáp:

- Chỉ cần cho đại pháp được lưu truyền, con tuy chịu khổ sở cũng không có gì hối hận.

Mẹ Sư đến Thiên Trúc, tu đắc quả A na hàm.

Phù Kiên chiếm nước Tần, công phật Nhượng Dương, rước được Đạo An. Đạo An khuyên Phù Kiên đến Tây Vực rước Sư. Gặp ngay lúc Thái sử tâu:

- Đức tinh hiện ở rừng, thuộc địa phận Tây Vực, sẽ có bậc đại trí đến Trung Quốc.

Phù Kiên nói:

- Trẫm nghe nước Quy Tư có ngài La Thập, chẳng phải là đây sao?

Bèn sai tướng Lữ Quang, bảo:

- Trẫm chẳng phải tham đất mà dụng binh. Nhưng nghe ngài La Thập hiểu sâu về pháp tướng, làm tông phú cho kẻ hậu học. Người nếu khắc phục được Quy Tư, nên đón Ngài về.

Lữ Quang đem quân phá Quy Tư, đưa La Thập về. Giữa đường, nghe tin Phù Kiên bị Diêu Trường hại, bèn dừng lại không về nữa. Vì thế Sư không đến được kinh đô nhà Tần. Sau Diêu Trường cũng nghe danh Sư, muốn thỉnh nhưng Lữ Quang không chịu. Diêu Trường chết, con là Diêu Hưng lại thỉnh nữa, cũng không được, liền đem quân đánh Lữ Quang. Lữ Quang thua phải hàng. Tần mới rước được Sư.

Tháng mười hai, Sư đến Trường An. Tần chủ sai đưa Sư vào vườn Tiêu Dao ở Tây nội dịch kinh. Sư xem lại kinh sách cũ thấy nhiều chỗ sai lầm, không phù hợp với bản tiếng Phạn, bèn tập hợp sa môn Tăng Triệu, Tăng Duệ ... để dịch lại.

Sư ở đất Tần, thường giảng kinh ở chùa Thảo Đường. Tần chủ Diêu Hưng, triệu thần và sa môn khoảng mấy ngàn người, nghiêm túc lắng nghe. Một hôm Diêu Hưng bảo với Sư:

- Đại sư thông minh, biện tài vô song. Sao lại để hạt giống Pháp không nối tiếp được!

Rồi đem mười cung nữ ép nhận. Sư từ đó không ở trong tăng phòng, cất nhà riêng ở. Chư tăng có người muốn bắt chước. Sư bèn lấy một bát đựng đầy kim, bảo mọi người:

- Nếu ai bắt chước ta ăn được bát này thì cho phép cất nhà riêng để ở.

Sư nói xong, lấy bảy cây kim đưa vào miệng nhai nuốt. Chư tăng nể phục bèn thôi.

Phật Đà Da Xá (Giác Minh) đến Cô Tàng, nghe La Thập nhận cung nữ nhà Tần, liền than:

- La Thập như bông vải, có thể khiến gập gai góc sao?

Sư nghe tin Da Xá vì mình mà lặn lội từ xa đến, nên khuyên Tần chủ tiếp đón. Sứ giả đến nơi, Da Xá nói:

- Chiếu chỉ của vua từ xa đến, lẽ ra nên đem ngựa tiếp đón long trọng như lễ La Thập, mới là đàn việt chiêu đãi kẻ sĩ. Bần đạo nên đến phía bắc Bắc Sơn thôi!

Sứ trở về. Diêu Hưng lại đi giục đi thỉnh nữa, Da Xá liền đến. Tần chủ nghinh tiếp, lập tịnh xá riêng, cúng dường như bậc vương giả. Da Xá không nhận gì cả. Đến giờ ăn, chỉ ăn ngày một bữa thôi.

Cưu Ma La Thập ưa thích Đại thừa, muốn được diễn giảng, Sư thường than:

- Ta nếu cảm viết, làm luận Đại thừa thì Ca Chiên Tử cũng không bì kịp. Nay người hiểu sâu quá ít ỏi, biết luận gì bây giờ?!

Sư vì Diêu Hưng mà tạo hai quyển Thành Thật Luận.

Đời Hậu Tần, niên hiệu Hoảng Thủy thứ mười lăm (41), tháng tư Ngài có bệnh, bèn đọc ba biến thần chú, sai đệ tử ngoại quốc

(Thiên Trúc) tụng đề tự cứu chữa nhưng chưa đúng sức. Sư biết bệnh mình nguy kịch, bèn nhóm chúng bảo:

- Chúng ta nhân nơi Phật pháp mà được gặp nhau, nhưng vẫn chưa được trọn tâm lòng. Tôi sợ người sau có thể trách mình còn mờ tối, dở tệ lắm lẫn dầy đầy mà truyền bá những bản kinh đã dịch. Mong rằng sự truyền bá sau này được trôi chảy. Nay tôi thành tâm xin phát nguyện trước chúng: “Nếu chỗ truyền chẳng lầm, nghĩa khế hợp với tâm Phật, thì cho tôi sau khi thiêu thân, lưỡi vẫn còn nguyên vẹn”.

Nói xong, Sư thị tịch. Khi trà tì, củi tàn, thân cháy hết mà lưỡi Ngài vẫn tươi hồng như màu sen. Sư thọ bảy mươi hai tuổi.

Ban đầu, Sư thường cùng mẹ đến yết kiến tôn giả Bắc Sơn ở nước Đại Nguyệt Thị. Bắc Sơn bảo mẹ Sư:

- Hãy khéo gìn giữ Sa di này. Năm ba mươi lăm tuổi, tỳ ni sẽ không thiếu sót, độ người như ngài Ưu Ba Cúc Đa.

Ngài Bôi Độ ở Bành Thành, nghe tin ngài La Thập tịch, than rằng:

- Ta cùng người này tạm biệt đã hơn ba trăm năm, mờ mịt chẳng biết đâu gặp lại, nay thì lại chậm đến đời sau vậy.

Đệ tử Sư hơn ngàn người. Bốn vị: Đạo Sinh, Tăng Triệu, Đạo Dung, Tăng Duệ là Tứ thánh dưới cửa Ngài.

Kinh luận Sư dịch hơn 390 quyển.

PHỤ GHI VỀ NGÀI CƯU MA LA THẬP

Cru-ma-la-thập

鳩摩羅什

Cru-ma-la-thập (chữ Hán : 鳩摩羅什; tiếng Phạn: kumārajīva; dịch nghĩa là Đổng Thọ; sinh năm 344, mất năm 413) là một dịch giả Phật học nổi tiếng, chuyên dịch kinh sách từ văn hệ tiếng Phạn ra tiếng Hán.

1.- Tiểu sử

Cru-ma-la-thập xuất phát từ một gia đình quý tộc tại Dao Tần (kucha), thuộc xứ Tân Cương ngày nay.

Mới lên bảy, Cru-ma-la-thập đã cùng mẹ là một công chúa gia nhập Tăng-già. Hai mẹ con đến Kashmir và học giáo lý Tiểu thừa với các vị sư nổi tiếng nhất. Sau đó hai người lưu lại tại Kashgar một năm và Sư học thêm ngành thiên văn, toán học và khoa học huyền bí. Cũng nơi đó, Sư bắt đầu tiếp xúc với Đại thừa và sau đó chuyên tâm tìm hiểu giáo pháp này. Dần dần danh tiếng của Sư là luận sư xuất sắc lan xa, đến tới triều đình Trung Quốc.

Năm 384 Sư bị bắt trong một cuộc chiến tranh tại Dao Tần và bị một viên tướng Trung Quốc giam giữ 17 năm. Năm 401 Sư được đưa về Trường An và được triều đình Trung Quốc ủng hộ trong công tác dịch kinh. Sư bắt đầu công trình dịch thuật với sự góp sức của hàng ngàn nhà sư khác. Cùng năm này, Sư được phong danh hiệu "Quốc sư".

2.-Đóng góp

Công lớn của Cru-ma-la-thập trước hết là thay đổi phương pháp phiên dịch. Bản thân Sư nói được tiếng Trung Hoa và cộng sự viên cũng đều là người giỏi Phật giáo và tiếng Phạn. Cách dịch kinh của

Sư như sau: giảng kinh hai lần bằng tiếng Trung Hoa, sau đó các tăng sĩ Trung Quốc thảo luận và viết lại bằng tiếng Hán. Sau đó Sư lại kiểm soát và so sánh nguyên bản cũng như bản dịch để ra bản chung quyết. Khác với các nhà dịch thuật khác tìm cách dịch từng chữ, Sư là người đưa được nội dung sâu xa của kinh sách vào chữ Hán và, nếu thấy cần thiết, cũng mạnh dạn cắt bỏ một vài đoạn kinh không hợp và biến đổi văn từ cho hợp với người Trung Quốc.

*** Những kinh sách quan trọng được Cưu-ma-la-thập dịch là:

- * A-di-đà kinh (amitābha-sūtra, năm 402)
- * Diệu pháp liên hoa kinh (saddharmapuṇḍarīka-sūtra, năm 406)
- * Duy-ma-cật sở thuyết kinh (vimalakīrtinirdeśa-sūtra, năm 406)
- * Bách luận (śataśāstra, năm 404) của Thánh Thiên (āryadeva)
- * Trung quán luận tụng (madhyamaka-kārikā, năm 409)
- * Đại trí độ luận (mahāprajñāpāramitā-śāstra, năm 412)
- * Thập nhị môn luận (dvādaśadvāra-śāstra, năm 409) của Long Thụ (nāgārjuna), người thành lập Trung Quán tông (mādhyamika)
- * Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Nhờ ba công trình cuối kể trên Sư đã truyền bá giáo pháp của Trung Quán tông rộng rãi tại Trung Quốc.

16. HỒ KHÊ TAM TIỂU

Huệ Viễn trụ ở chùa Đông Lâm, dưới chùa có dòng Hồ Khê. Mỗi khi tiễn khách, đến đây thì dừng lại.

Niên hiệu Nghĩa Hy thứ ba (407), đạo sĩ Lục Tu Tĩnh cùng thi sĩ Đào Tiềm vào núi gặp Sư. Sư đưa tiễn, cầm tay trò chuyện, bắt giác qua Hồ Khê. Cọp bèn rống lên.

Ba người quay lại nhìn nhau cười to. Đòi lưu truyền làm Tam Tiểu Đò.

17. TÔN GIẢ BÔI ĐỘ

Ban đầu Sư thị hiện ở Ký Châu, diện mạo rất khô cằn, lạnh lùng, thường cuồi cây trên sông Bôi Độ, thần hóa khôn lường. Sư không tu tế hạnh, có lúc đập băng mà tắm, lúc lại mang guốc lên núi, hoặc đi chân không vào chợ, vác một cái bị mà thôi, chẳng có gì khác.

Một hôm Sư đến Quảng Lăng, gặp nhà họ Lý trong làng đang cúng trai tăng, Sư đặt bị giữa sân rồi vào thẳng trai đường mà ngồi, mọi người đều nhìn mà Sư vẫn tự nhiên.

Khi ấy, có mấy người thấy chiếc bị để chắn giữa đường, bèn dời qua một bên, nào ngờ dùng hết sức mà không nhúc nhích. Ăn xong, Sư vác bị lên, cười nói:

- Tứ thiên vương!

Có đứa bé họ Lý lên nhìn thấy trong bị có bốn đứa bé cao mấy tấc, mi mắt như tranh vẽ. Họ Lý thấy lạ, bèn thỉnh Sư lại cúng dường rất lâu. Một hôm, Sư đòi áo cà sa, họ Lý chưa lo kịp, Sư nói:

- Tôi ra ngoài kia một chút!

Đợi đến chiều cũng chưa thấy Sư trở lại, lại nghe trong không có mùi hương lạ, mọi người theo tìm thì gặp Ngài ở dưới chân Bắc Sơn, trải cà sa rách trên đất, an nhiên thị tịch, trên đầu và dưới chân có hoa sen mọc, cả người tỏa hương thơm, qua đêm bỗng héo. Người ta chôn Ngài đã mấy hôm, sau lại có người từ phương Bắc đến nói rằng thấy Ngài vác bị đi về hướng Bành Thành. Họ Lý mở quan tài, chỉ thấy có đôi giày.

Ngài đến Bành Thành, có ông Hoàng Hân tin sâu Phật Pháp, thấy Ngài bèn chào hỏi rồi thỉnh về nhà. Nhà ông lại quá nghèo chỉ ăn gạo tẻ mà thôi, nhưng Ngài ăn vào lại ngọt như mạch nha. Sau Ngài đi về phương Đông đến Ngô Quận, thấy người chài đang lưới cá, Ngài theo xin, người chài nổi giận không cho. Ngài lượm hai

cục đá nhỏ ném xuống nước, phút chốc có hai con trâu húc vào lưới làm rách nát rồi trâu biến mất.

Chu Linh Kỳ, dân ở Ngô Quận, từ Cao Ly trở về, bị gió thổi đến một hòn đảo, thấy một ngôi bảo tự. Tăng trong chùa đang dọn cơm, ông liền đến vái chào, xin giúp trở về làng. Vị tăng ấy hỏi:

- Ông biết đạo nhân Bôi Độ chăng?

- Biết!

Vị tăng chỉ một cái đĩa treo trên vách, có tích trượng và bình bát, nói:

- Đây là của Bôi Độ. Nay tôi gửi ông đưa bình bát này cho ông ta.

Và viết thơ. Xong đưa gậy trúc xanh bảo đặt trước thuyền. Linh Kỳ theo lời, ba ngày liền đến Thạch Đầu. Bôi Độ bỗng đi đến, nhận thơ xem rồi cười to, lấy tay tung bình bát lên không, rồi đón lấy nói:

- Ta chẳng thấy bình bát này cách đây đã bốn ngàn năm.

Đời Tống, niên hiệu Nguyên Gia thứ ba, tháng 9 Sư thị tịch. Sau khi diệt độ, người ta vẫn gặp Ngài luôn.

Ngài có làm bài ca “Một Bình Bát” như sau:

Sợ kinh khiếp!

Đều là liên miên tạo xoa sát (mạt thát).
Như đói ăn muối càng thêm khát,
Uổng cả một đời đầu cạo miết
Cứu cánh chẳng thể biết gốc ngọn
Ném tử thi đi, chỗ nào thoát?
Khuyên anh nỗ lực cầu giải thoát
Việc nhàn rớt cuộc phải nắm bắt

Lửa rớt trên thân cần phải phủi
Chớ đợi gần chết kêu Bò tát.
Trượng phu nói năng hải khoáng đạt
Chớ học phàm phu ưa vuốt ve
Theo thời, kết quả học bỏ hết
Cũng học nhu hòa, ăn gạo dờ
Cũng cạo đầu, cũng đắp y
Học phàm phu tạo sanh hoạt
Nói thẳng với anh, anh chưa đạt
Lại làm trường ca, ca một bát.
Một bát ca, một trong nhiều,
nhiều trong một.

Chớ cười người quê ca một bát
Tùng đem một bát độ ta bà.
Trời xanh lồng lộng trắng vừa lên
Lúc này ảnh – không gồm vạn tượng
Bao chồn phù sinh tự thị phi
Một nguồn thanh tịnh không lai vãng.
Lại chớ đem tâm tạo bọt nước
Trăm lông máu chảy ai dạy thế.
Chẳng bằng ngòi lặng đất Chân như
Trên đánh mặc cho chim làm ổ.
Mấy đời con Kim Luân Thánh Vương
Chỉ là Chân như Linh giác này
Dưới cội Bò đề độ chúng sanh
Độ hết chúng sanh không sanh tử.
Chẳng sanh chẳng tử, chân Trượng phu
Không hình không tướng, đại Tỳ Lô
Trần lao diệt hết, Chân như đây.
Một viên tròn sáng, châu vô giá.
Mắt không thấy, tai chẳng nghe.
Chẳng thấy, chẳng nghe, thật thấy nghe.
Từ xưa một câu, không ngôn thuyết
Hôm nay ngàn lời gượng phân tích.

Hãy lắng nghe!
Người người đều có tánh Chân như

Giống như hoàng kim ở trong quặng
Luyện đi luyện lại, thể vàng sạch.
Chân là vọng, vọng là chân.
Nếu trừ chân vọng lại không người
Chân tâm chớ dối sanh phiền não
Cơm áo tùy thời nuôi sắc thân.
Tốt cũng mặc, xấu cũng mặc
Tất cả vô tâm chớ dính mắc
Cũng không tốt, cũng không xấu
Hai mé thảo nhiên, đạo bình đẳng.
Thô cũng ăn, tế cũng ăn
Chớ học phàm phu nhìn trên tướng
Cũng không thô, cũng không tế
Hương tích cõi trên không cội rễ.
Ngồi cũng đi, đi cũng ngồi
Dưới cây sanh tử, quả Bồ đề
Cũng không ngồi, cũng không đi
Không sanh đâu cần kiếm vô sanh!
Sanh cũng được, tử cũng được
Xú xú đương lai thấy Di Lặc
Cũng không sanh, cũng không tử
Ba đời Như Lai đều như thế.
Lià thì dính, dính thì lià
Trong cửa huyền hóa không nghĩa thật
Không thể lià, không thể dính,
Chỗ nào lại câu không bệnh thuốc?
Nói thời im, im thời nói
Nói nín ngang dọc không chỗ nơi.
Cũng không nói, cũng không nín
Chớ gọi Đông Tây là Nam Bắc.
Sân tức hỉ, hỉ tức sân,
Ta tự hàng ma, chuyển Pháp Luân
Cũng không sân, cũng không hỉ
Nước chẳng lià sóng, sóng tức nước.
Tiệc thời bỏ, bỏ thời tiệc
Chẳng lià trong ngoài và ở giữa
Cũng chẳng tiệc, cũng chẳng bỏ
Tịch tịch liêu liêu không chỗ nắm.

Khổ thì vui, vui thì khổ.
Chỉ tu hành này dứt cửa nẻo
Cũng không khổ, cũng không vui
Xưa nay tự tại không dây nợ
Dơ tức sạch, sạch tức dơ
Hai bên rốt cuộc không sau trước
Cũng chẳng dơ, cũng chẳng sạch
Đại thiên đồng một tánh chân như.
Thuốc là bệnh, bệnh là thuốc
Cuối cùng hai việc cần nêu hết
Cũng không thuốc, cũng không bệnh
Chính là chân như tánh giác linh.
Ma làm Phật, Phật làm ma
Trong gương tìm bóng, sóng trên nước
Cũng không ma, cũng không Phật
Ba đời xưa nay không một vật.
Phàm tức thánh, thánh tức phàm
Keo trong màu xanh, trong nước lam
Cũng không phàm, cũng không thánh
Vạn hạnh tông trì, không một hạnh.
Giả trong chân, chân trong giả.
Tự là phàm phu khởi vọng trần
Cũng không chân, cũng không giả
Nếu không lúc gọi đâu vâng dạ!
Xưa nay không họ cũng không tên
Chỉ vậy đàng đàng chân tin bước
Có lúc quán chợ cùng hàng thịt.
Một đóa sen hồng trên lửa sanh
Cũng từng gây trúc đạo kinh lạc
Thân dường mây nổi không vương mắc
Huyễn hóa từ lâu tự ở nhờ
Nhà người chỗ chạm lại thanh hư
Nếu tìm giới!
Ba độc lở loét bao giờ khỏi?
Nếu kiếm thiên!
Ta tự tung hoành tìm đá ngủ
Thật đáng thương, chẳng phải điên
Thế gian, xuất thế, thiên trung thiên

Người đời chẳng hiểu được ý này
Đánh nhằm bên Nam, động bên Bắc.
Nếu kiếm pháp!
Trong núi Kê Túc hỏi Ca Diếp
Đại sĩ giữ y ở trong này
Xưa nay chẳng cần cầu giữ võ.
Nếu tìm kinh!
Pháp tánh Chân Nguyên không thể nghe.
Nếu kiếm luật!
Cùng tử chẳng nên dạy chạy ra.
Nếu tìm tu!
Tám vạn phù đồ cầu chỗ nào?
Chỉ biết lá vàng dừng tiếng khóc.
Bất giác mây đen che mặt trời
Chớ lạ lời cuồng không thứ lớp
Sàng lưới dần vào tế trong thô
Chỉ cái tế trong thô cũng không
Tức là viên minh chân thật đế.
Chân thật đế vốn không chân
Chỉ là danh văn, tức là trần
Nếu hướng trong trần hiểu chân thật
Liên là đường đường người xuất thế.
Người xuất thế, chớ tạo tác
Độc hành, độc bộ, không thân thang
Không sanh, không tử, không Niết Bàn
Xưa nay sanh tử không quan hệ.
Không thị phi, không động tĩnh
Chớ dối đem thân vào giếng không
Không thiện ác, không đến đi
Cũng không gương sáng treo đài cao
Kiến giải son tắng chỉ như thế
Chẳng tin tùy họ tạo kiếp tro.

18. THÍCH ĐẠO SINH

Sư họ Ngụy, người rất đĩnh ngộ, không ưa sự ồn náo trần tục, cạo tóc xuất gia thọ giới. Ban đầu Sư vào Lô Sơn, ở U Thê bảy

năm. Sau đạo đến Quan Trung, theo ngài La Thập thọ nghiệp. Tăng chúng khâm phục như thần.

Lúc trước, Sư thấy phân đầu kinh Niết Bàn nói “Trừ hạng Nhất xiển đề ra, tất cả đều có Phật tánh”. Sư bèn nói: “Xiển đề sao lại riêng không có Phật tánh được? Kinh này đến đây chưa đủ. Rồi xướng thuyết “Xiển đề đều sẽ thành Phật”.

Các vị sư khác đời ấy đều trách mắng Sư, cho là tà thuyết, theo luật đáng bị tẩn xuất. Sư bèn thề:

- Nếu tôi nói không hợp với nghĩa kinh, thì xin cho hiện thân chịu ác báo. Nếu thật khế hợp tâm Phật, nguyện lúc xả thọ mạng, ngồi tòa sư tử.

Và Sư rũ áo vào Hồ Khuru sống lặng lẽ. Khi tâm có chỗ hội, Sư đến chùa Thanh Viên, ngồi dưới rặng tùng, xếp đá làm đồ chúng, giảng kinh Niết Bàn. Một hôm giảng đến chỗ Xiển đề, bèn nói có Phật tánh. Lại nói:

- Lời của ta có hợp với tâm Phật chăng?

Hàng đá đều gập đầu. Mùa hạ năm đó, sấm rền Phật điện Thanh Viên, người ta chợt thấy một con rồng bay lên múa lượn, ánh sáng trời phát ra, bóng hiện ở vách Tây. Chùa liền được đổi tên là Long Quang. Người đời đó than:

- Rồng đã bay, Sư chắc cũng đi!

Mấy ngày sau, quả nhiên Sư trở về Lô Sơn, để lại một di ảnh rơi trong hang núi. Tăng chúng đều đến chiêm lễ.

Sau Sư nghe Đàm Vô Sấm dịch lại phẩm sau của kinh Niết Bàn, quả nhiên có nói: “Người Nhất xiển đề tuy đoạn thiện căn, vẫn có Phật tánh”. Sư rất mừng rỡ.

Niên hiệu Nguyên Gia năm thứ chín (432). Sư đến Kim Lăng, chưa bao lâu trở lại Lô Sơn. Trụ tịnh xá Lô Sơn, giảng kinh Niết Bàn.

Tháng mười một, niên hiệu Nguyên Gia thứ mười một (434)*, Sư thăng tòa luận nghĩa mấy phen, mọi người nghe đều vui vẻ. Chợt thấy phát trần rơi xuống đất, Sư ngồi ngay ngắn, nghiêm trang tựa ghế mà tịch, thọ 80 tuổi. Sớ luận để lại là những tác phẩm rất quý báu.

* Có thuyết nói Sư tịch năm Nguyên Gia thứ 9 (432).

SAU NHỊ TỒ

19. HUỆ TƯ

(Tham Đại Sư Huệ Văn)

Huệ Tư, họ Lý người Vũ Tân, đỉnh đầu có cục thịt nổi lên, đi như trâu, nhìn như voi. Lúc trẻ rất hiền từ, nổi tiếng ở xóm làng, thường mộng thấy Phạm Tăng khuyên xuất gia, bèn từ cha mẹ cạo tóc, đắp y và thọ Đại giới. Ngày chỉ ăn một bữa, tụng Pháp Hoa ngàn biến.

Niên hiệu Thừa Thánh năm thứ ba (554) đời Lương, nghe ngài Huệ Văn ở Bắc Tề có đồ chúng đến mấy trăm, Sư liền đến đó xin thọ pháp. Ngày đêm nhiếp tâm, hông không dính chiếu; ngồi hạ hai mươi một ngày Sư được túc mạng thông. Bỗng có chướng nổi lên, tay chân yếu ớt, không thể đi được. Ngài tự nghĩ: “Bệnh từ nghiệp sanh, nghiệp từ tâm khởi, nếu nguồn tâm không khởi, thì ngoại cảnh có hình trạng gì? Bệnh nghiệp cùng với thân đều như bóng này”.

Ngài quán như thế xong, thân thể nhẹ nhàng như cũ. Hết hạ, vẫn không được gì, thâm ôm lòng hổ thẹn; dựa vào vách, lưng chưa tới vách, hoát nhiên khai ngộ Pháp Hoa tam muội.

Trụ Đại Tô

Dạy chúng:

- Nguồn đạo không xa, biển tánh rất gần. Chỉ hướng mình tìm, chớ theo người khác tìm. Tìm thì chẳng được mà được cũng chẳng phải chân thật.

Ngài nói kệ:

Đốn ngộ nguồn tâm mở kho báu
Ẩn hiển linh thông hiện chân tướng
Đường bộ thường đi, ngồi một mình
Hóa thân trăm ức không kể xiết
Dù cho đầy dẫy khắp hư không
Lúc xem chẳng thấy một mảy bụi
Đáng cười vật chừ, không so sánh
Miệng nhả châu sáng chiếu rõ ràng
Tâm thường thấy nói không nghĩ nghĩ
Một lời nêu tên, ngay lời nhận.

(Đốn ngộ tâm nguyên khai bảo tạng
Ẩn hiển linh thông hiện chân tướng
Độc hành độc tọa thường nguy nguy
Bách ức hóa thân vô số lượng
Túng linh biến tắc mãn hư không
Khán thời bất kiến vi trần tướng
Khả tiểu vật hề vô tỷ hưởng
Khẩu thổ minh châu quang hoàng hoàng
Tâm thường kiến thuyết bất tư nghĩ
Nhất ngữ tiêu danh ngôn hạ đương).

Ngài thường đăng tòa giảng kinh Đại Bát Nhã, bị các Luận sư ganh ghét đánh thuốc độc. Ngài nhất tâm niệm Bát Nhã, thuốc độc liền tiêu, sai môn nhân Trí Khải giảng thay. Trí Khải giảng đến “Một tâm đủ vạn hạnh” chợt có chỗ nghi, thỉnh Sư giải quyết. Ngài nói:

- Như điều ông nghi là ý thứ lớp của Đại Phẩm, chưa phải là ý chỉ viên đốn của Pháp Hoa. Xưa ta ở trong hạ, một niệm chống phát các pháp hiện tiền. Ta đã thân chứng, chẳng cần phải nghi.

Trí Khải hỏi:

- Thầy chúng Thập địa chẳng?

Đáp:

- Ta một đời mong được nhập vào Đồng luân (Viên Thập Trụ); vì lãnh đồ chúng sớm quá, làm tổn mình ích cho người. Nên chỉ ở Thiết luân thôi (Viên Thập Tín).

Huệ Tư thường cảm gậy như ý chỉ Trí Khải bảo:

- Có thể nói là pháp giao cho pháp thân, còn pháp vương thì vô sự.

Rồi Đại Tô bị phòng vệ, đại chúng không an. Huệ Tư bèn bảo ngài Trí Khải rằng:

- Ta từ lâu muốn đến Nam Nhạc mà hậu pháp chưa có chỗ ký thác. Nay ông có thể truyền đăng, chớ làm người cuối cùng đoạn dứt hạt giống Phật. Ông có duyên với nước Trần, nên đến đó làm lợi ích.

Trí Khải vâng lời đi đến nước Trần, trụ chùa Ngôã Quan; khai đề kinh Pháp Hoa. Còn ngài Huệ Tư, niên hiệu Quang Đại năm thứ hai (568) tháng 6, đem hơn bốn mươi Tăng về Nam Nhạc. Lên ngọn Chúc Dung, gặp Nhạc thần đang đánh cờ. Thần nói:

- Sao Sư đến đây?

Ngài bảo:

- Xin đàn việt một miếng đất bằng tọa cụ.

- Được!

Sư phóng gậy để định chỗ (nay là chùa Phước Nghiêm). Nhạc Thần xin thọ giới. Sư thuyết pháp cho, nhân đó nói:

- Ta ở nhờ núi này, chỉ hạn mười năm. Sau xong việc sẽ đi xa. Tiền thân của ta từng đi đến chôn này.

Đi lần đến hành Dương, gặp một chỗ suối rừng đẹp lạ.

Ngài nói:

- Đây là chùa cổ. Ta ngày xưa từng ở đây.

Ngài sai đào đất, thấy nền đất vẫn còn.

Ngài lại chỉ chân núi nói:

- Xưa ta ngồi thiền ở đây. Giặc đến chém đầu ta.

Rồi tìm được hài cốt đã khô đầy đủ. Từ đây tạo hóa càng thanh. Trần chúa gọi là Đại thiên.

Ngài trụ ở Nam Nhạc, có một lão túc nhấn người đến bảo:

- Sao chẳng xuống núi giáo hóa chúng sanh, cứ ngắm nhìn Vân Hán (cảnh đẹp) làm gì?

Ngài đáp:

- Ba đời chư Phật bị ta nuốt trọn. Còn có chúng sanh nào để giáo hóa nữa.

Niên hiệu Thái kiến năm thứ chín (577) ngày 6 tháng 6. Ngài bảo môn nhân rằng:

- Nếu có được mười người chẳng tiếc thân mạng, thường tu Pháp Hoa, Bát Nhã, Niệm Phật Tam muội, Phương đẳng, Sám hối,

hẹn phải kiến chứng thì tùy chỗ cần ta sẽ cung cấp cho. Nếu không có người như thế thì đã xa cách ta rồi vậy.

Lúc đó, chúng cho là việc khổ hạnh khó khăn nên không ai đáp lại. Ngài bèn đuổi chúng ra rồi nhập diệt. Có một thầy nhỏ tên Linh Biện kêu khóc. Sư mở mắt nói:

- Sao được kinh động ta? Đồ ngu, đi ra!

Rồi Ngài niệm Phật chấp tay mà tịch, nhan sắc như lúc sống, hương lạ đầy thất.

20. TRÍ KHẢI

(538-597)

Trí Khải tự Đức An, họ Trần ở Hoa Dung, cha được phong làm Khai quốc hầu, mẹ họ Từ, lúc có thai mộng nuốt một con chuột trắng và mây hương năm màu vòng quanh ở bụng. Đêm đản sanh, ánh sáng khắp nhà. Mất Ngài có hai đồng tử, da không dính bụi. Khi nằm thường chấp tay, ngồi thì hướng mặt về Tây.

Năm bảy tuổi vào chùa nghe Tăng tụng phẩm Phổ Môn, liền niệm theo, chợt tự nhớ hết văn bảy cuốn rành rõ như đã học.

Mười lăm tuổi lễ Phật, chợt thoảng như giấc mộng, thấy có núi lớn gần mé biển, trên đỉnh có vị Tăng vẫy tay, lại dẫn vào một ngôi chùa nói: “Ông sẽ ở đây. Ông sẽ chết ở nơi này”.

Sau Ngài xuất gia, thọ giới cụ túc, rồi đến núi Đại tô yết kiến ngài Huệ Tư. Huệ Tư vừa gặp liền bảo:

- Xưa, trên núi Linh Thứu, ta và ông cùng nghe kinh Pháp Hoa, nay ông lại đến!

Huệ Tư dạy làm đạo tràng Phổ Hiền thuyết Tứ An Lạc Hạnh. Trí Khải nhập quán hai mươi một ngày, tụng kinh Pháp Hoa, đến phẩm Dược Vương, nói: “Đây là chân tinh tấn, gọi là chân pháp

cúng dường Như Lai". Liền ngộ Pháp Hoa Tam muội, thấy một hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan, túc mạng thông liền phát, đem chỗ chứng bạch với ngài Huệ Tư. Huệ Tư nói:

- Chẳng phải ông thì chẳng chứng được. Chẳng phải ta thì không biết được. Đây là Pháp Hoa Tam muội, là phương tiện ban đầu, là Triền Đà la ni ban đầu vậy. Dù cho bậc thầy văn tự có đến ngàn vạn cũng không thể cùng ông biện luận.

Trong những vị thuyết pháp, Ngài là đệ nhất.

Trí Khải trụ chùa Ngõa Quan ở Kim Lăng tám năm. Vào tháng 8 niên hiệu thái Kiến năm thứ bảy nhà Trần (575) dẫn đồ chúng trụ núi Thiên thai. Ngọn Phật Lũng có Đại sư Định Quang bảo đệ tử rằng:

- Chẳng bao lâu sẽ có bậc thiện tri thức thù thắng, dẫn đồ chúng đến đây.

Không bao lâu, Trí Khải đến. Định Quang nói:

- Còn nhớ ngày xưa, lúc đưa tay vẫy đất không?

Đến am, đêm đó trên không có tiếng chuông. Ngài hỏi:

- Là điềm gì vậy?

Đáp:

- Đây là kiền chùy để nhóm Tăng chúng, là tướng ở được. Ngọn này là Kim địa, tôi đã ở. Ngọn phía Bắc là Ngân địa, ông sẽ ở đó.

Ngài Trí Khải thường một mình đến ngọn Hoa lĩnh tọa thiền. Bỗng nhiên đêm sau, gió lớn làm tróc cây, sấm chớp rền núi, quỷ ma (ly my) ngàn bày, một hình biến trăm dạng, biến hóa chớp nhoáng không thể tính kể. Lại hiện hình cha mẹ, thầy, Tăng, chọt dựa ôm, bình thường thương khóc lóc.

Ngài vẫn an tâm không tịch, thâm niệm thực tướng, hai duyên mạnh yếu chẳng thể làm động. Lúc sao mai vừa mọc, thần tăng khen:

- Chế phục kẻ địch, thắng được kẻ oán, đáng gọi là dũng, có thể qua được sự khó khăn này không ai bằng ông.

An ủi xong, lại thuyết pháp cho Ngài. Ngài nói:

- Đây gọi là Thực đế, nên học Bát Nhã, nên tuyên Đại bi. Từ đây về sau tự thực hành và dạy người khác. Ta đều chịu ảnh hưởng pháp này.

Trí Khải đến Kinh Châu, Ngọc tuyên nhập định trong cây to. Một hôm có con rắn lớn, dài hơn mười trượng, há miệng hướng vào, âm ma la liệt, tên đá như mưa. Trải qua một tuần ngài Trí Khải vẫn không có vẻ sợ, còn thương xót nó mà nói:

- Người tạo các nghiệp sanh tử, tham đắm chút phước thừa, chẳng tự bi hối.

Nói xong các yêu ma biến mất. Tối đó mây tan, trăng sáng, Ngài thấy có hai người uy nghi như vua đến trước cung kính nói:

- Tôi là Quan Vũ. Cuối đời Hán nhiều nhường, Cửu Châu tàn phá, Tào Tháo bất nhân, Tôn Quyền tự cố thủ. Tôi là nghĩa thần nhà thực Hán, mong khôi phục ngôi vua, nhưng thời sự trái nhau, có chí mà không toại nguyện, chết đi còn chút công nghiệp được làm vua núi này. Đại đức thánh sư sao phí sức thân mà đến đây?

Ngài đáp:

- Muốn ở đất này kiến lập đạo tràng để báo đáp đức sinh thân.

Quan Vũ nói:

- Xin thương xót con ngu muội, rũ lòng nhĩệp thọ. Cách đây một xá (30 dặm), có núi như thuyền úp, đất đỏ thâm hậu, đệ tử sẽ cùng

Tử Bình, dựng chùa để cúng. Mong thầy an thiên bảy ngày, sẽ hoàn tất.

Khi Ngài xuất định, thấy đầm sâu ngàn thước trở thành đất bằng, mái chùa tráng lệ, đẹp đẽ ưa nhìn. Ngài bèn dẫn chúng vào ở; rồi diễn pháp một ngày. Thần bạch Ngài rằng:

- Đệ tử hôm nay được nghe pháp xuất thế gian, mong rửa lòng đỗi niệm, cầu thọ giới quy y, mãi mãi làm gốc Bồ đề.

Ngài bèn truyền ngũ giới.

Năm Đinh Tỵ tháng 11 (597), Tùy Vương sai sứ rước Ngài. Khi sắp đi, Ngài bảo môn nhân:

- Ta đi lần này không trở lại. Các người nên thành tựu chùa Phật Lũng Nam.

Lại nói thêm:

- Đó là nhà vua sắp đặt, các ông thấy được, còn ta chẳng thấy.

Ngài đến trước tượng đá ở chùa Thạch Thành, Diệm Đông, dừng lại quay nhìn thị giả bảo:

- Ta biết mạng dứt tại đây, không tiến đi nữa, dây đàn đứt tuyệt hôm nay.

Rồi Ngài xướng đề kinh Quán Vô Lượng Thọ xong, lại nói:

- Bốn mươi tám nguyện trang nghiêm Tịnh độ. Ao hoa, cây báu, tuy dễ đến mà không có người, khi lửa, xe cùng hiện mà một niệm cải hối còn được vãng sanh, huống là người giới định huân tu, đạo lực thánh hạnh, công chẳng phế bỏ.

Lúc đó Phật đá phóng đại quang minh trùm khắp hang núi. Môn nhân thính:

- Chưa rõ Đại sư ở địa vị nào? Sanh thế nào?

Đáp:

- Ta nếu không lãnh chúng thì sáu căn được tịnh, vì bỏ mình lợi người nên chỉ lên Ngũ phẩm. Ông hỏi là sinh thế nào à? Các thầy bạn của ta theo hầu Quan Âm đều đến rước ta.

Nói xong Ngài tịch.

21. PHÁP SƯ TỈNH ÁI

Ân núi THÁI ÁT

Ban đầu Tỉnh Ái nghe Chu Vũ Đế phế giáo (547) (cấm đạo Phật) khảng khái than rằng:

- Ăn hạt dẻ nhà Chu mà quên việc này, đáng gọi là trung sao?

Ngài liền đến cung vua xin yết kiến, hết lòng bày tỏ sự báo ứng phước họa của việc hủy bỏ giáo pháp, chỉ bày dẫn chứng rõ ràng.

Vua đôi nét mặt bảo:

- Chiếu chỉ đã ban hành, không thể thu lại được.

Rồi chối từ. Ngài lui ra, khóc nói:

- Đại giáo bị bẻ tắc, ta làm sao cam đứng nhìn cho được.

Ngài bèn trở về núi Chung Nam. Vua muốn được yên, sai vệ sĩ tìm Ngài. Ngài nghe được bèn chạy vào núi Thái Át, kêu khóc bảy ngày đêm không ngớt, soạn hai mươi quyển Tam Bảo Lục. Tháng 7 niên hiệu Tuyên Chính khai nguyên (578), bảo đệ tử rằng:

- Ta sống chẳng bỏ ích cho đời, nay muốn xả thân.

Chúng kêu khóc. Ngài sai thị giả ra khỏi núi, rồi trích máu viết một thiên thư kệ. Ngài ngồi trên tảng đá, mặc áo trong, tụt mỗ bụng bày trên đá, đem ruột gan treo trên cây tùng, ngũ tạng đều phơi ra, còn gân thịt, tay chân, đầu mặt miệng lóc ra gần hết, lấy dao khoét tim, đưa lên, ngồi ngay ngắn mà tịch. Còn hài cốt không vấy chút máu, chỉ thấy sữa trắng chảy ra, đọng ở đá. Người nghe ai cũng rơi lệ.

22. PHỤC HUNG PHẬT GIÁO

Khai Hoàng Nguyên Niên (581)

Chu Vũ đế phế giáo làm vua hai mươi năm.

Tùy Văn Đế lên ngôi đổi niên hiệu là Khai Hoàng. Xuống chiếu lập chùa Tăng ở núi Ngũ Nhạc, lại lập một ngôi già lam ở chiến trường Tương Châu.

Vua ráp tâm hoàng pháp. Mùa Đông năm đó, có các sa môn Trí Chu ... đem hai trăm sáu mươi bộ kinh đúng hẹn từ Tây Vực trở về. Vua bèn giao cho Hữu Ty, mời người phiên dịch.

Vua họ Dương tên Kiên, người Hoa Âm, lúc mới sanh hào quang đỏ chiếu trong nhà, khí tía đầy sân.

Bên cạnh nhà có chùa ni. Ni cô tên Trí Tiên, người đời gọi là Thân Ni. Gặp lúc nóng bức, mẹ lấy quạt quạt cho lạnh muốn gần chết. Ni cô từ ngoài đến bảo người cha rằng:

- Đứa bé này do Phật trời ban cho. Thân như xá lợi, chẳng thể tiêu hoại.

Bèn gọi ông là Na La Diên, Ni cô lại nói:

- Đứa bé này sẽ đến chỗ khác thường. Nhà thế tục ô uế, nên đem đến chùa nuôi dưỡng.

Người cha bèn giao đứa bé cho Ni cô. Một hôm Ni cô ra ngoài. Người mẹ đến ôm con, chợt thấy con hóa thành rồng, vẩy sừng đầy đủ, kinh sợ té xuống đất. Ni cô trở về thấy nói:

- Tại sao dám chạm đến con ta, làm cho nó muộn được thiên hạ.

Đến năm bảy tuổi, Ni cô bảo vua rằng:

- Con sau là bậc đại quý, sẽ từ phương Đông đến. Lúc Phật pháp diệt, nhờ con mà hưng thịnh lại.

Vua mười ba tuổi mới trở về nhà. Đến khi Chu Vũ Đế phế giáo, Ni cô ẩn tại nhà Dương Kiên, chưa được bao lâu thì tịch. Sau Dương Kiên quả nhiên từ Sơn Đông vào làm thiên tử, đại hưng Phật pháp, như lời Ni cô nói.

Lên ngôi rồi, mỗi lần thăm quần thần đều truy niệm A Xà Lê để làm “khẩu thật” (*), lại nói:

- Trẫm hưng ngôi vị đều do Phật pháp, lại thích ăn mè đậu. Đòi trước như từ dòng đạo nhân mà đến. Vì lúc nhỏ ở chùa, đến nay ưa nghe tiếng chuông trống.

(*) Khẩu thật: Câu chào hỏi, hay câu làm chứng lời mình không dối.

23. ĐẠI SĨ TĂNG GIÀ

Đại sĩ Tăng Già từ nước Toái Diệp đạo Tây Lương, niên hiệu Tống Chương năm thứ hai (669) hiển hóa ở Lạc Dương; tay cầm cành cành dương lẫn lộn trong dòng tu.

Có người hỏi:

- Thầy họ chi?

Đáp:

- Tôi họ chi.

Hỏi:

- Sư người nước nào?

Đáp:

- Tôi người nước nào.

Ngài thường ở trên sông Tứ muốn lập già lam. Nhân có dân Túc Châu là Hạ Bạt phá chỗ ở. Tăng Già nói:

- Đây vốn là chùa.

Cho người đào đất quả nhiên thấy bia cũ đề: Chùa Hương Tích; lại được tượng vàng.

Tăng Già nói:

- Phật Phổ Quang Vương.

Bèn lấy đây làm tên chùa.

Trung Tông rước Tăng Già ở Tứ Châu vào cung. Mời ở chùa Tiên Phước độ Huệ Nghiễm, Huệ Ngạn, Mộc Xoa ba người. Sau thị tịch. Vua ra lệnh đến núi Tiên Phước thân dựng tháp.

Chợt mùi hôi thúi xông lên khắp thành. Vua cầu khẩn xin đưa về Lâm Truy.

Khẩn xong, mùi hương lạ thơm ngào ngạt.

24. HUỆ MÃN

Huệ Mãn họ Trương, ở Vĩnh Dương nổi pháp Mã Tang Na. Theo hạnh đầu đà chỉ chứa hai kim, mùa đông xin vải vá, mùa hạ bỏ ra.

Tâm chẳng sợ sệt, ngủ không mộng寐, thường đi khát thực. Đến già lam thì chẻ củi làm giày (guốc), không ở đến đêm thứ hai.

Niên hiệu Trinh Quán năm Nhâm Dần (642) ở bên chùa Thiện Hội ở Lạc Dương, trong ngôi mộ cổ gặp tuyệt lớn. Sáng sớm vào chùa gặp Đàm Khoáng. Đàm Khoáng ngạc nhiên hỏi từ đâu tới, Huệ Mãn nói:

- Pháp có đến sao?

Đàm Khoáng sai người tìm lối đến, bốn bên tuyết ngập năm thước. Khi nghe có việc (bắt Tăng ghi sổ sách) bó buộc, chur tăng bỏ trốn. Huệ Mãn vẫn ôm bát đi khắp xóm làng chẳng ngại ngừng gì. Tùy được, tùy tan, vẫn ung dung nhàn nhã. Có người thỉnh thọ trai. Huệ Mãn bảo:

- Thiên hạ không còn tăng, tôi mới nhận lời mời này.

Lại thường dạy người:

- Chư Phật thuyết tâm, khiến cho chúng ta biết tâm hư vọng. Nay lại lập thêm tâm tướng, thật trái ý Phật rất xa, còn lại tăng thêm luận nghị, quá trái đạo lý.

Thường đem bốn quyển Lăng Già cho là tâm yếu. Sau ở trong Đào Trì không bệnh ngồi tịch.

25. BẢO CHÍ (CHÍ CÔNG)

Ngài là người Kim Lăng. Ban đầu vợ của họ Chu dân Đông Dương nghe tiếng của trẻ con khóc trong trong tổ chim ưng; bắc thang lên cây thấy được, đem về nuôi làm con. Năm bảy tuổi Ngài nương Tăng Kiệm ở Chung Sơn xuất gia chuyên tu thiền quán. Đến lúc xuất thế, lấy kéo, thước, phát tử treo đầu gây vác đi. Đi qua làng xóm, trẻ con ùa theo Ngài; hoặc đòi uống rượu hoặc nhiều ngày nhịn ăn, thường gặp người ăn cá thì theo đòi ăn. Người ăn chia cho mà có tâm khinh bạc, Ngài bèn mửa trong nước, thức ăn đều trở thành cá sống. Ngài thường qua lại núi Hoàn Sơn, Kiếm

Thủy, để tóc, đi chân không, mặc áo gấm, mặt vuông mà sáng láng như gương, tay chân đều như móng chim; thường thường đề thơ, lúc đầu xem như không hiểu được, sau đều thấy ứng nghiệm.

Ban đầu Tề Vũ Đế giận Ngải mê hoặc mọi người, cho bắt nhốt vào ngục Kiến Khang. Ngày ấy, người ta thấy Ngải du hành trong phố chợ. Kiểm soát lại, vẫn thấy Ngải trong ngục. Chiều đó, Ngải bảo sứ rằng:

- Ngoài cửa có hai xe thức ăn, bát vàng đầy cơm. Ông nên lấy đi.

Quả nhiên, Thái tử Văn Huệ, Cảnh Lăng Vương đưa đến Kiến Khang để cúng dường. Vua nghe được, hối hận tạ lỗi rước Ngải vào cung cấm. Khi vua nghỉ ở hậu cung, Ngải bèn tạm ra ngoài. Đi rồi mà người ta vẫn thấy hành đạo ở Hiền Trường. Vua kinh ngạc sai sứ đến hỏi. Sứ thưa:

- Chí Công ra ngoài lâu rồi mà hiện đang ở trong (tĩnh) cung.

Vua càng cho là thần kỳ. Sau Ngải mượn thần lực cho vua thấy Cao Tổ đang bị khổ chùy, đao ở dưới đất. Từ đây vua bỏ hẳn chùy, đao.

Vương Trọng Thái hỏi Ngải:

- Kẻ sĩ này sẽ đến địa vị nào?

Ngải không đáp, cỡi sợi dây bên trái của đầu trượng đưa cho. Sau quả nhiên Thái làm đến chức Thượng thư Tả thừa. Từ Lăng lúc còn bé, cha bế đến yết kiến Chí Công. Ngải xoa đỉnh đầu:

- Đứa bé này là kỳ lân đá ở trên trời.

Sau quả nhiên hiển vinh ở đời.

Năm Nhâm Ngọ (502), Lương Vũ Đế lên ngôi, mời Ngải vào triều. Một hôm vua nghiêm trang hỏi rằng:

- Đệ tử chưa trừ được phiền não. Lấy gì để trừ?

Đáp:

- Hai mươi.

Hỏi:

- Là thế nào?

Nói:

- Ở chữ viết, thời tiết đến sẽ rõ.

Vua càng chẳng hiểu, lại hỏi:

- Đệ tử đến lúc nào thì được tỉnh tâm tu tập?

Ngài đáp:

- An Lạc Cấm (cung An Lạc).

Ban đầu Lương Vũ Đế nằm mộng thấy thần Tăng bảo rằng:

- Lục đạo, tứ sanh chịu khổ não lớn. Sao không làm đại trai thủy lục để cứu bạt cho họ?

Vua bèn hỏi Sa môn, chỉ có Chí Công khuyên vua tìm kinh, chắc chắn sẽ có nhân duyên. Vua bèn lấy kinh Phật tự mở xem, rồi sáng tạo văn nghi thức. Ba năm xong. Ban đêm cầm bản văn, tắt đuốc, bạch Phật:

- Nếu lý của văn này hợp với Thánh phạm, nguyện lục lễ bái xong đứng lên thì đèn này cháy sáng, còn nghi thức nếu chưa rõ ràng thì đèn tối như cũ.

Nói xong phục lạy một lạy, vừa mới ngược lên, đèn đuốc sáng rực. Niên hiệu Thiên Giám năm thứ tư (506), ngày rằm tháng hai ở Kim Sơn, Trần Giang y theo nghi thức này sắp đặt.

Chí Công lại thường nương thần lực cho vua thấy những tướng khổ ở địa ngục. Vua hỏi:

- Làm sao cứu họ được?

Đáp:

- Định nghiệp đời trước không thể diệt mau chóng được, chỉ khi họ nghe tiếng chuông, thì sự khổ tạm dừng.

Do đây, vua xuống chiếu cho các tự viện trong nước đánh chuông nên đánh thông thả.

Vua thường ra lệnh cho họa công Trương Tăng Diêu, vẽ tượng Chí Công. Tăng Diêu cầm bút, chẳng tự định được; Chí Công bèn lấy ngón tay rạch giữa trán, vạch ra mười hai vẽ mặt Quan Âm; hoặc từ bi, hoặc oai nghi. Diêu rốt cuộc vẽ chẳng được.

Chí Công nói:

Tỳ Bà Thi Phật sớm lưu tâm

Thăng đến hôm nay chẳng được diêu.

Ngày khác cùng vua đến bờ sông xem, có một vật ngoi lên ngược dòng. Chí Công lấy gậy khều lên, theo gậy vào bờ. Thì ra một khúc tử chiên đàn; vua liền đưa cho vị quan hầu cận sai khắc tượng Chí Công. Trong khoảnh khắc hoàn thành, thần thái rất sống động.

Chí Công thị hiện bốn mươi năm hơn. Niên hiệu Thiên Giám năm thứ mười ba (515), chợt bảo chúng Tăng:

- Hãy dời tượng thần Kim Cang trong chùa đặt ở bên ngoài.

Rồi nói với người rằng:

- Bờ tát sắp đi.

Ngài vào nội điện cùng Lương Vũ Đế vĩnh biệt. Vua thất kinh hỏi:

- Trẫm thọ bao lâu?

Chí Công không đáp, lấy tay chỉ cằm và cổ rồi ra. Trở về núi, Ngài đốt một ngọn đuốc trao cho người làm là Ngô Khánh ở lầu sau. Ngô Khánh tâu lại vua. Vua than:

- Đại sư chẳng lưu lại nữa. Đuốc là đem việc sau soi ta chẳng?

Ngày 6 tháng 12, Ngài không bệnh mà chết, khắp người thom mềm, thọ 92 tuổi. Vua lập tháp trên miếng đất Độc Long ở Chung Sơn. Vua sai Lục Thùy làm bài minh, Vương Cật lập bia. Lúc trước, Chí Công cùng vua lên Chung Sơn, Ngài chỉ miếng đất ở sườn núi Độc Long phía trước nói:

- Đây là âm trạch, sẽ được hậu duệ lâu dài.

Vua hỏi:

- Ai sẽ được?

Chí Công nói:

- Người đi trước được.

Năm ấy Ngài thị tịch, vua bèn lấy hai mươi vạn lượng vàng, sửa đất ấy dựng tháp năm tầng, trần bảo châu vô giá ở đây. Ngày chôn Ngài, vua đích thân xa giá đến. Chí Công chợt hiện trong mây. Vạn người hoan hô, tiếng vang khắp hang núi.

Chí Công thường dạy rằng:

- Suốt ngày thấp hương đốt đèn chẳng biết thân mình là đạo tràng.

Lại nói:

- Kinh đô, nghiệp đô mệnh mang lại là đạo tràng Bồ đề.

Lại nói:

- Như thân ta không, các pháp cũng không. Ngàn phẩm vạn loại thấy đều đồng.

Lại thường hỏi một Phạm tăng:

- Nghe tôn giả thường gọi tôi là đồ tể, có từng thấy tôi sát sanh chăng?

Đáp:

- Thấy.

Hỏi:

- Thấy có mà thấy, hay thấy không mà thấy (hữu kiến kiến, vô kiến kiến), hay chẳng có, chẳng không mà thấy? Nếu thấy có mà thấy là cái thấy của phàm phu; thấy không mà thấy là cái thấy của Thanh văn; Chẳng có, chẳng không mà thấy là cái thấy của ngoại đạo. Chưa rõ tôn giả thấy thế nào?

Phạm tăng nói:

- Ông có những cái thấy này sao?

Chí Công bèn thôi.

26. BA LA ĐỀ

Ba La Đề (tông Vô Tướng) đáp vua Dị Kiến (kêu Bồ Đề Đạt Ma bằng chú, con của Nguyệt Tịnh Đa La).

Vua hỏi:

- Thế nào là Phật?
 - Thấy tánh là Phật.
 - Thầy thấy tánh chăng?
 - Tôi thấy Phật tánh.
 - Phật tánh ở đâu?
 - Tánh ở tác dụng.
 - Là tác dụng nào? Nay ta chẳng thấy?
 - Hiện đang tác dụng mà vua chẳng thấy.
 - Ở ta có chăng?
 - Vua nếu có tác dụng thì không có gì chẳng phải tánh. Nếu không tác dụng thì thế này khó thấy.
 - Nếu đang lúc tác dụng thì có mấy chỗ xuất hiện?
 - Nếu lúc xuất hiện thì có tám chỗ.
 - Xin hãy nói cho tôi về tám chỗ xuất hiện?
- * Ba La Đề liền nói kệ:

“Tại thai là thân

Ở đời là người
Ở mắt là thấy
Ở tai là nghe
Ở mũi ngửi mùi
Ở miệng đàm luận
Ở tay nắm bắt
Ở chân chạy nhảy.

Hiện khắp sa giới,
thu về trong một vi trần.

Người biết gọi là Phật tánh,
người chẳng biết gọi là linh hồn.”

Vua nghe khai ngộ.

CAO TĂNG DỊ TRUYỆN
高僧異傳
PHẦN II

27. PHÓ ĐẠI SĨ

Phó Đại Sĩ, tên Hấp tự là Huyền Phong hiệu là Thiên Huệ, người Nghĩa Ô. Niên hiệu Kiến Vũ thứ tư (497) đời Tề, Ngài sanh ngày 8 tháng 5 ở làng Song Lâm, trong nhà Phó Tuyên Từ. Năm mười sáu tuổi lấy con gái họ Lưu tên Diệu Quang, sanh được hai con trai là Phổ Kiến, Phổ Thành.

Năm 24 tuổi, theo dòng sông bắt cá đem đến ao Kê Đình, dìm giỏ vào nước nói:

- Đi thì thả, ở thì bắt.

Người ta bảo là ngu. Một hôm có Tung Đầu Đà người Thiên Trúc đến thăm Ngài, bảo rằng:

- Xưa tôi với ông ở trước Phật Tỳ Bà Thi cùng phát thệ nguyện độ sanh. Nay ở cung Đầu Suất vẫn còn y bát. Ngày nào sẽ trở lại?

Rồi dẫn đến suối nhìn bóng, thấy bảo cái tròn sáng. Đại sĩ liền ngộ được nhân duyên đời trước cười to nói:

- Lò rèn còn nhiều sắt, thô. Cửa thầy thuốc đầy bệnh nhân, việc độ sanh gấp gáp, đâu rảnh mà nghĩ đến cái vui thú ở thiên cung.

Rồi Ngài bỏ đồ bắt cá, dẫn nhau về nhà, nhân đó Ngài hỏi đất để tu đạo. Tung Đầu Đà chỉ rừng Song Lâm núi Tùng nói:

- Nên ở nơi này!

Ngài bèn kết am tự xưng là “Bồ tát Thiện Huệ tương lai sẽ giải thoát, ở dưới cây Song Lâm”, ở đó cày cấy, trồng rau quả như người tầm thường. Khi thu hoạch lúa má, dưa trái, Ngài lấy giỏ đựng đem bán. Ngài cùng với vợ là Diệu Quang, ngày thì làm lụng, tối về hành đạo.

Ngài ở Sơn Lâm bảy năm, một hôm hành đạo xong, cảm được bảy Phật theo đến. Phật Thích Ca đi trước, sau cùng là Duy Ma. Chỉ có đức Thích Ca mấy lần nhìn, bảo với Ngài:

- Ta bỏ xứ cho ông đây!

Lại có một hôm thấy ba vị Phật Thích Ca, Kim Túc, Định Quang phóng hào quang chiếu thân mình. Ngài tự bảo đắc định Thủ Lăng Nghiêm.

Vì thế đệ tử càng đông thêm. Niên hiệu Trung Đại Thông năm thứ hai (530) Ngài sai đệ tử là Phó Vãng đến kinh đô dâng thư cho Lương Vũ Đế rằng:

“Đại sĩ Thiện Huệ, người tương lai giải thoát, ở dưới rừng cây Song Lâm tâu với Quốc vương:

Bồ tát cứu thế có ba điều thiện bậc thượng, trung, hạ phải nên nhận giữ:

1. Điều thiện bậc thượng: Lấy hư hoại làm gốc, chẳng vương mắc làm tông, vô tướng làm nhân, Niết Bàn làm quả.

2. Điều thiện bậc trung: Lấy trị thân làm gốc, trị nước làm tông, được quả báo an lạc trên trời, trong loài người.

3. Điều thiện bậc hạ: Lấy việc bảo vệ nuôi nấng chúng sanh, thẳng tắn bạo, bỏ giết hại, khiến dân chúng đều giữ lục trai.

Nay mộ lòng sùng pháp của Hoàng đế, muốn đến tranh luận nghị mà chưa được mãn nguyện, nên sai đệ tử đến để cáo bạch”.

Vua rất vui, sai Hà Xương viết chiếu đến, đón Ngài về triều. Vũ Đế hỏi:

- Xưa nay ai là thầy của Ngài?

Đáp:

- Theo không chỗ theo, đến không chỗ đến, thờ thầy cũng thế.

Lại hỏi:

- Sao không luận nghĩa?

Đáp:

- Lời Bồ tát chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng rộng, chẳng hẹp, chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên, như như chính lý, còn nói gì nữa?

Niên hiệu Đại Đồng năm thứ hai (536), lại vào kinh đô. Vũ Đế mời vào hỏi:

- Thế nào là chân đế?

Đáp:

- Dứt mà chẳng diệt.

Vua nói:

- Dứt mà chẳng diệt tức là có sắc, có sắc nên trì độn. Như thế cư sĩ chưa khỏi được dòng tục.

Ngài đáp:

- Gặp tiền tài không cầu thả để được, gặp khó không cầu thả để tránh.

Vua nói:

- Cư sĩ rất biết lễ.

Ngài nói:

- Tất cả các pháp không có cũng không không, những sắc tượng trong đại thiên thế giới, tất cả đều không, trăm sông trôi chảy không ra khỏi biển. Vô lượng diệu pháp không ra khỏi chơn như. Như Lai vì sao một mình vượt hẳn chín mươi sáu đường trong ba cõi? Xem tất cả chúng sinh như con đê. Thiên hạ không phải đạo thì Ngài chẳng an, không phải lễ thì Ngài chẳng vui?

Vua làm thỉnh. Ngày khác, Vũ Đế thỉnh Ngài giảng kinh Kim Cang. Đại sĩ vừa lên tòa, lấy thước đập xuống bàn một cái rồi bước xuống. Vua ngạc nhiên, Đại sĩ hỏi:

- Bệ hạ hiểu không?

Đáp:

- Không hiểu.

Đại sĩ nói:

- Đại sĩ giảng kinh xong rồi!

Một hôm, Ngài đang giảng kinh thì vua đến, mọi người đều đứng dậy. Đại sĩ ngồi yên chẳng động. Họ bảo Ngài:

- Vua đến đây rồi, sao không đứng dậy?

Đại sĩ nói:

- Đất pháp nếu động, tất cả chẳng yên.

*** Ngài trở lại Song Lâm, viết bài minh “Tâm Vương”:-

Quán tâm không vương
Quán tâm không vương

Kỳ diệu khó lường.
Nguyên diệu nan trắc.

Không hình không tướng
Vô hình vô tướng

Có thần lực lớn
Hữu đại thần lực

Hay diệt ngàn tai
Năng diệt thiên tai

Thành tựu muôn đức
Thành tựu vạn đức

Thể tánh tuy không
Thể tánh tuy không

Hay bày phép tắc
Năng thí pháp tắc

Xem chẳng thấy hình
Quán chi vô hình

Hồ thì có tiếng
Hồ chi hữu thanh

Làm đại pháp tướng
Vi đại pháp tướng

Tâm giới truyền kinh
Tâm giới truyền kinh

Vị muối trong nước
Thủy trung cố vị

Keo xanh trong màu
Sắc lý giao thanh

Quyết định là có
Quyết định thị hữu

Chẳng thấy được hình
Bất kiến kỳ hình

Tâm vương cũng vậy
Tâm vương diệc nhĩ

Nằm ở trong thân
Thân nội cư đình

Ra vào trên mặt
Diện môn xuất nhập

Ứng vật tùy hình
Ứng vật tùy hình

Tự tại vô ngại.
Tự tại vô ngại

Việc làm đều thành.
Sở tác giai thành.

Rõ gốc, biết tâm
Liều bổn thức tâm

Biết tâm thấy Phật
Thức tâm kiến Phật.

Tâm này là Phật.
Thị tâm thị Phật.

Phật này là tâm
Thị Phật thị tâm.

Niệm niệm Phật tâm
Niệm niệm Phật tâm

Phật tâm niệm Phật
Phật tâm niệm Phật

Muốn được sớm thành
Dục đắc tảo thành

Răn tâm tự luật
Giới tâm tự luật

Tịnh luật, tịnh tâm
Tịnh luật tịnh tâm

Tâm tức là Phật
Tâm tức thị Phật

Trừ tâm vương này
Trừ thử tâm vương

Không có Phật khác
.Cách vô biệt Phật.

Muốn cầu thành Phật

Dục cầu thành Phật

Chớ nhiễm vật gì
Mặc nhiễm nhất vật

Tâm tánh tuy không,
Tâm tánh tuy không,

Tham sân thể thực
Tham sân thể thực.

Vào pháp môn này
Nhập thử pháp môn

Ngồi ngay thành Phật.
Đoan tọa thành Phật.

Đến bờ kia rồi
Đáo bỉ ngạn dĩ

Được Ba la mật
Đắc Ba la mật

Chân sĩ mộ đạo
Mộ đạo chân sĩ

Tự xét tâm mình
Tự quán tự tâm

Biết Phật ở trong
Tri Phật tại nội

Không hướng ngoài tìm.
Bất hướng ngoài tầm.

Tức tâm tức Phật
Tức tâm tức Phật.

Tức Phật tức tâm
Tức Phật tức tâm,

Tâm sáng, biết Phật
Tâm minh thức Phật

Rõ ràng biết tâm
Liều liểu thức tâm.

Lìa tâm không Phật
Ly tâm phi Phật

Lìa Phật không tâm
Ly Phật phi tâm

Chẳng Phật khó lường
Phi Phật mạc trắc

Không kham nhận nổi.
Vô sở kham nhậm.

Chấp không kẹt tịch
Chấp không trệ tịch

Ở đó trôi chìm
Ư thử phiêu trầm

Chư Phật Bồ tát
Chư Phật Bồ tát

Chẳng an tâm (như) vậy.
Phi thử an tâm.

Đại sĩ sáng tâm
Minh tâm đại sĩ

Ngộ nguyên âm này
Ngộ thử nguyên âm

Thân tâm tánh diệu
Thân tâm tánh diệu

Dùng không sửa đổi
Dụng vô canh cải

Thế nên bậc trí
Thị cố trí giả

Buông tâm tự tại
Phóng tâm tự tại

Chớ bảo tâm vương
Mạc ngôn tâm vương

Không, không thể tánh
Không vô thể tánh

Hay khiến sắc thân
Năng sử sắc thân

Làm tà làm chánh
Tác tà tác chánh

Chẳng có, chẳng không
Phi hữu phi vô,

Ẩn hiện không định
Ẩn hiện bất định

Tâm tánh lia không
Tâm tánh ly không

Thánh phàm thành Thánh
Năng phàm năng Thánh

Thế nên khuyên nhau
Thị cố tương khuyến

Khéo nên cẩn thận
Hảo tự phòng thận.

Sát na tạo tác
Sát na tạo tác

Lại bị trôi chìm
Hoàn phục phiêu trầm

Thanh tịnh tâm trí
Thanh tịnh tâm trí

Như thể vàng ròng
Như thể hoàng kim.

Kho pháp Bát Nhã
Bát Nhã pháp tạng

Đều ở thân tâm
Tịnh tại thân tâm

Pháp báu vô vi
Vô vi pháp bảo

Không cạn không sâu.
Phi thiên phi thâm.

Như Phật Bồ tát
Như Phật Bồ tát

Rõ bốn tâm này
Liễu thủ bốn tâm

Người ngộ có duyên
Hữu duyên ngộ giả

Chẳng có ba đời

Phi khứ lai kim.

**** Lại có kệ rằng:

Đêm đêm ôm Phật ngủ
Sáng sáng cùng thức dậy
Đứng ngồi vẫn theo nhau
Nói nín chung ăn ở
Mảy may không cách biệt
Giống hệt hình với bóng
Muốn biết chỗ Phật đi
Chính ngay tiếng nói này.

(Dạ dạ bão Phật miên
Triêu triêu hoàn cộng khởi
Khởi tọa trần tương tùy
Ngũ mặc đồng cư chỉ
Ti hào bất tương ly
Nhu thân ảnh tương tợ
Dục thức Phật khứ xứ
Kỳ giá ngữ thanh thị).

**** Lại nói:

Có vật trước trời đất
Không hình vốn tịch tiêu
Hay làm chủ muôn vật
Chẳng theo bốn mùa tàn.

(Hữu vật tiên thiên địa
Vô hình bản tịch liêu
Năng vi vạn tượng chủ
Bất trục tứ thời điếu).

Ngài ở niên hiệu Đại Đồng nhà Lương năm thứ mười (544), thiết lập đại pháp hội, khắp vì chúng sanh, sám hối diệt mọi tội khổ, chóng được giải thoát.

Ngài lại cho mục lục kinh Phật quá nhiều, người ta chẳng thể xem khắp, bèn dựng Luân tạng, lập nguyện rằng:

- Người lên tạng môn của ta, đời đời kiếp kiếp, không mất thân người, người phát tâm Bồ đề có thể đẩy Luân Tạng cùng người trì tụng kinh, công đức không khác.

**** Ngài ở Song Lâm làm Phật sự rộng lớn, thường có kệ:

Tay không nắm cán mai
Đi bộ lưng trâu ngội
Trên cầu người cất bước
Cầu trôi nước chẳng trôi.

(Không thủ bả sừ đầu
Bộ hành ky thủy ngư
Nhơn tòng kiêu thượng quá
Kiêu lưu thủy bất lưu).

Nhà Trần niên hiệu Thái Kiến năm đầu (569), có pháp sư Huệ Hòa, chẳng bệnh mà tịch. Tung Đầu Đà cũng ở chùa Linh Nham, Kha Sơn nhập diệt. Đại sĩ thâm biết bảo Phổ Kiên, Phổ Thành rằng:

- Tung Công đang đợi ta ở cung trời Đâu Suất, không thể ở lại nữa.

Khi ấy, bốn phía, cây vừa đơm hoa đẹp đẽ chợt khô héo. Ngày 24 tháng 4, Ngài dạy chúng rằng:

- Thân này là nơi mọi khổ nhóm họp, rất đáng chán ghét. Phải tu tam nghiệp, tịnh tu lục độ, nếu đọa địa ngục, thật khó ra được, thường nên sám hối.

Lại nói:

- Ta diệt rồi, không được dời giường ngủ, bảy ngày sẽ có thượng nhân Pháp Mãn đem tượng và chuông đến trần ở đây.

Đệ tử hỏi:

- Sau khi quy tịch, thân thể nên làm sao?

Ngài bảo:

- Dem lên đỉnh núi thiêu.

Hỏi:

- Nếu không được thì sao?

Đáp:

- Không cần liệm vào quan tài, chỉ lấy gạch tường làm đàn tế, dờn xác lên trên, bình phong màu đỏ che chung quanh, trên dựng tháp phù đồ, lấy tượng Di Lặc trấn vào.

Lại hỏi:

- Chư Phật diệt độ đều thuyết công đức, gốc gác của Thầy, chúng con có thể nghe được chăng?

Đáp:

- Ta từ trời Đệ Tứ Thiên đến, để độ các ông. Kế phụ giúp đức Thích Ca, và giúp Phổ Mẫn (Văn Thù), Huệ Tập (Quan Âm) Hà Xương (A Nan) cùng đến tán trợ, điều này trong Thích Ca Đại Phẩm có nói: “Có Bồ tát từ trời Đâu Suất đến, căn tánh mãnh lợi, chóng cùng Bát Nhã tương ưng” chính là thân ta đó.

Nói xong, ngồi kiết già mà thị tịch, thọ 73 tuổi. Đến bảy ngày sau có thượng nhân Pháp Mãnh quả nhiên đem lụa dệt tượng Di Lặc và chuông chín lỗ đến trấn ở khám. Chốc lát không thấy nữa.

Nhà Tấn niên hiệu Thiên Phước năm thứ chín (944) *. Tiên Vương mở tháp, lấy mười sáu miếng linh cốt toàn màu vàng tía và

đạo cụ hơn mười món, đến Phủ Thành – Long Sơn dựng chùa Long Hoa, đắp tượng đặt thờ.

Truyền thuyết nói rằng Ngài là Di Lặc hóa thân.

* Tấn Cao Tổ niên hiệu Thiên Phước từ 936-942

* Tấn Xuất Đế niên hiệu Thiên Phước từ 942-944

28. LƯƠNG VŨ ĐẾ

Lương Vũ Đế, tên Tiêu Diễn, hình dung kỳ vĩ, vàng trán chữ nhật, mặt rỗng, cổ có ánh sáng tròn, thân sáng như ánh trời chiều. Nhà ở thường có hơi mây.

Thuở nhỏ hiếu học, từ thi thơ cho đến âm dương bói toán, chiêm đoán, bốc phệ; viết chữ thảo, chữ lệ trên tờ bồi (xích độc); cung tên, cưỡi ngựa, săn bắn thủy đều rành rẽ. Tuy lên địa vị to lớn, tay vẫn không rời quyển sách.

Về già thờ phụng Phật đạo. Ngày chỉ ăn một bữa, nếu không có đại hội, yến tiệc, tế tự Tông Miếu thì không cử nhạc. Khi hành quyết tử tù thì rơi nước mắt. Chăm lo chính sự, mùa Đông qua nửa đêm vẫn cầm bút xem xét công việc, tay bị nứt nẻ; tánh ngay thẳng, ở trong nhà tối cũng mặc áo mào; tháng nóng chưa hề vén áo, cởi trần, tuy thấy bày tôi thấp hèn cũng như gặp khách quan trọng.

Niên hiệu Thái Thanh năm thứ ba (549); Hầu Cảnh vây hãm Thành Đài; đem năm trăm quân mặc giáp tự vệ, mang kiếm lên trên điện. Vua thần sắc vẫn không thay đổi, bảo Hầu Cảnh đến giường của bậc Tam Công ngồi, rồi bảo:

- Khanh ở trong binh lính lâu ngày không mệt nhọc sao?

Cảnh sợ hãi không đáp được, lui ra bảo tả hữu rằng:

- Ta mỗi lần lên ngựa ra trận, tên đá bời bời, không hề hãi sợ. Nay thấy Tiêu Công khiến người khiếp sợ. Há chẳng phải oai trời khó phạm. Ta chẳng gặp ông ta nữa.

Sau Lương Vũ Đế nằm giường bệnh, ngày đêm niệm Phật luôn miệng. Dần dần chẳng thể đưa thức ăn, lâu ngày miệng đắng đời ăn mật, giờ tay nói:

- Hà, hà.

Rồi băng ở Điện Tịnh Cư, thọ 86 tuổi.

Phụ ghi về LƯƠNG VŨ ĐẾ

1.- Lương Vũ Đế (梁武帝), tên thật là Tiêu Diễn (蕭衍), vị hoàng đế sáng lập ra nhà Lương trong lịch sử Trung Hoa. Ông đã trị vì từ năm 502 đến năm 549. Thời kỳ trị vì của ông ổn định và thịnh trị nhất của Nam triều. Ông cho mở mang Nho giáo, khảo thí và phát triển nghệ thuật.

Hầu Cảnh chiếm kinh đô Kiến Khang, kiểm soát chặt Lương Vũ Đế và người kế vị ông là Lương Giản Văn Đế và thao túng việc triều chính. Lương Vũ Đế đã qua đời khi đang bị quản thúc tại gia, một vài sử gia cho rằng Lương Vũ Đế bị Hầu Cảnh giam đói đến chết.

*Tóm tắt:

Lương Vũ Đế
Vua nhà Lương
Trị vì 502 – 549
Tiền nhiệm :-Tề Hòa Đế (Nam Tề)
Kế nhiệm :-Giản Văn Đế
Tên thật :-Tiêu Diễn
Thụy hiệu :-Vũ hoàng đế
Miếu hiệu :- Cao Tổ
Triều đại :-Nam Lương
Thân phụ :-Tiêu Thuần Chi

Thân mẫu :- Trương Chí Nhu
Sinh 464---Mất 549
An táng :- Tu lăng

2.-Niên hiệu

Niên hiệu trong thời gian trị vì của Lương Vũ đế (Niên hiệu - chữ Hán - thời gian):

- * Thiên Giám (天監) 502-519
- * Phổ Thông (普通) 520-527
- * Đại Thông (大通) 527-529
- * Trung Đại Thông (中大通) 529-534
- * Đại Đồng (大同) 535-546
- * Trung Đại Đồng (中大同) 546-547
- * Thái Thanh (太清) 547-549

3.- Hậu Cảnh

Đến giữa thế kỷ 6, Trung Quốc thời Nam-Bắc triều chia làm 3 nước: phía nam là nhà Lương, phía bắc chia hai: nhà Tây Ngụy dưới tay quyền thần họ Vũ Văn và nhà Đông Ngụy dưới tay quyền thần họ Cao.

Hậu Cảnh là đại thần Đông Ngụy, phản Đông Ngụy theo Lương. Bất chấp nhiều lời can gián, Lương Vũ Đế vẫn thu nhận Cảnh. Cảnh lợi dụng mâu thuẫn giữa các con cháu Lương Vũ Đế muốn giành ngôi bên phản Lương năm 548. Cảnh mang quân đánh chiếm Kinh thành Kiến Khang, vây Vũ Đế chết đói ở Đài Thành (Cung Thành, Nam Kinh) tháng 3 năm 549 rồi lập Tiêu Cương lên ngôi, tức là Lương Giản Văn Đế.

Trần Bá Tiên được lệnh mang quân về bắc cứu nạn. Hai bên giằng co trong mấy năm. Năm 551, Hậu Cảnh phế Giản Văn Đế tự xưng đế. Trần Bá Tiên mang quân đánh bại Hậu Cảnh, chiếm lại Kinh thành Kiến Khang. Năm 552, Hậu Cảnh thua trận bỏ chạy, giữa đường bị giết chết.

Tháng 11 năm 552, Trần Bá Tiên và các triều thần lập Hoàng thân Tiêu Dịch lên ngôi, tức là Lương Nguyên Đế.

29. THỰC XOA NAN ĐỀ (SIKSÂNANDA)

(GIÁC HỈ)

Dịch kinh Đại Hoa Nghiêm

Ban đầu Vũ Hậu (Võ Tắc Thiên) nghe nước Vu Điền có Đại kinh Hoa Nghiêm bằng tiếng Phạn, bèn sai sứ đến thỉnh, và mời một học giả rành tiếng Phạn cùng về.

Quốc vương Vu Điền đưa Thực Xoa Nan Đề đến theo lệnh của Vũ Hậu. Tháng 3 năm Ất Mùi (695); mời vào chùa “Đại Biển Không” phiên dịch.

30. PHÁP TẠNG

Pháp Tạng họ Khương người nước Khương Cư. Ban đầu Đỗ Thuận truyền bản dịch Hoa Nghiêm Pháp Giới Quán đời Tấn cho Trí Nghiễm. Pháp Tạng hầu hạ Trí Nghiễm rất lâu, được truyền hết yếu chỉ kinh này. Nghiễm tịch. Pháp Tạng làm cư sĩ thuyết pháp. Vũ Hậu độ cho làm tăng. Năm Ất Mùi xuống chiếu mời Pháp Tạng khai thị tông chỉ Hoa Nghiêm. Mới nêu đề tựa kinh, hào quang trắng từ miệng Ngài lóe ra. Chốc lát biến thành một cái lọng dừng ở trên không.

Vũ Hậu rất vui ban cho Ngài hiệu là Hiền Thủ. Vũ Hậu vời Pháp Tạng đến chùa Phật Thọ Ký giảng kinh Tân Hoa Nghiêm, đại địa chấn động cả thời mới dừng. Ngay ngày ấy, mời đến điện Trường Sanh hỏi về Đê Võng mười lớp huyền môn.

Pháp Tạng tuyên thuyết có đầu mối, huyền chỉ thông suốt. Vũ Hậu nghe xong kinh dị. Pháp Tạng chỉ con sư tử vàng ở góc điện để làm thí dụ cho rõ ràng, đến chỗ sư tử trên đầu một sợi lông có trăm ức sư tử, Vũ Hậu hoát nhiên liễu ngộ.

31. ĐẠO THỌ

Đệ tử của Thần Tú, sau khi đắc pháp kết am tranh trên núi Tam Phong ở Thọ Châu. Thường có người rừng ăn mặc giản dị, nói năng lạ lùng, có lúc chợt hóa làm Phật, hoặc cách hình Bồ tát, La Hán, Thiên Tiên ... hoặc phóng hào quang, hoặc tạo âm vang, học đồ đều không lường được. Sau mười năm, lặng lẽ chẳng còn chút bóng dáng.

Đạo Thọ bảo chúng rằng:

- Người rừng làm đủ trò khéo léo, mê hoặc mọi người. Lão nhân chẳng thèm thấy, chẳng thèm nghe. Cái khéo léo ấy có cùng, còn cái chẳng thấy chẳng nghe của ta vô tận.

32. HUỆ AN

Huệ An họ Vệ ở Kinh Châu, xuất gia thọ đại giới, hành hạnh đầu đà. Đời Đường niên hiệu Trinh Quán (627) đến Hoàng Mai, yết kiến Hoảng Nhẫn được tâm yếu. Lân Đức nguyên niên (664) ẩn cư ở Thạch Bích Chung Nam.

Ở Thạch Bích, vua Cao Tông xuống chiếu rước, Ngài không đi, rồi dạo khắp các danh thắng. Đến Tung Nhạc, Ngài nói:

Đây là đất cuối cùng của ta.

Hai vị tăng Thản Nhiên và Hoài Nhượng đến tham vấn hỏi:

- Thế nào là ý Tổ Sư từ Tây sang?

- Sao chẳng hỏi ý của chính mình?

- Thế nào là ý của chính mình?

- Nên quán mật tác dụng.

- Thế nào là quán mật tác dụng?

- Ngài nhắm mắt mở mắt để dạy.

Năm Ất Mùi, có chiếu rước Ngài và Thần Tú đến kinh đô, tôn làm Quốc sư. Vũ Hậu thường hỏi:

- Ngài bao nhiêu tuổi?

- Chẳng nhớ thân sanh tử xoay vần, vần xoay không đầu đuôi khởi diệt, hưởng thức tâm lưu chú không có gián đoạn. Cái thấy như bọt nước khởi diệt tức là vọng tưởng. Từ lúc ban đầu đến lúc tướng động diệt cũng chỉ như thế, có năm tháng nào để nhớ?

Sau Ngài già từ cung cấm trở về Tung Nhạc, một hôm chợt bảo môn nhân rằng:

- Ta chết hãy đem thầy vào rừng, đọi lửa rừng đốt.

Đến ngày 8 tháng 7 đóng cửa ngòi yên mà tịch, thọ 128 tuổi. Môn nhân đem thầy vào rừng. Quả nhiên có rửa lưng tự thiêu cháy, được xá lợi tám mươi viên, năm viên rất lớn màu hồng tím, sáng chói mắt.

33. ĐẠI SƯ PHÁP THUẬN

Họ Đỗ, đời truyền là hóa thân Văn Thù. Sinh ở Ứng Châu.

Người bệnh đến trước tòa của Sư liền được lành.

Người điếc, Sư kêu tai liền thông;

Người câm, Sư nói chuyện liền nói được.

Người điên khùng, Sư ngồi thiền trước họ, họ liền bái tạ rồi đi.

Đường Thái Tông gọi Sư bảo:

- Trẫm nóng nảy, khổ nhọc, nhờ thần lực của Sư làm sao trị được?

- Chỉ cần ban lệnh đại xá, thì thánh thể tự an.

Vua theo lời, bệnh liền khỏi. Nhân đây ban cho Ngài hiệu Đê Tâm. Thường vờ vào cung cấm, hoàng truyền ý chỉ viên đồn của Hoa Nghiêm, tạo Pháp Giới Quán. Thiên hạ đều tôn sùng.

Thường có kệ pháp thân:

Trâu Gia Châu ăn lúa
Ngựa Ích Châu no bụng.

(Gia Châu ngư khiết hòa
Ích châu mã phúc trường).
Thiên hạ kiếm thầy thuốc
Châm cứu trên vai trái heo.
(Thiên hạ mịch y nhân
Cứu trụ tả bác thượng).

34. HÒA THƯỢNG VẠN HỒI

Vạn Hôi ở Văn Hương, họ Trương, tuổi trẻ tiêu ngao, nông cuồng, làng xóm không ai lường được. Có anh tên Vạn Niên đi chinh phạt Liêu Tả. Mẹ Ngài mong tin anh. Ngài nói:

- Việc này quá dễ.

Rồi từ biệt mẹ đi, đến chiều trở về, đem theo thư của anh. Lân lý đều kinh ngạc, nhân đó gọi là Vạn Hôi. Ngài cùng Sa môn Long Hưng và thiếu tướng Đại Minh kết giao, thường qua lại nhà. Cấp Giác Minh Sùng Nghiễm ban đêm qua chùa thấy thần binh đứng hầu hai bên Ngài. Nghiễm kinh hãi.

Một hôm Ngài sai gia nhân quét dọn nhà cửa nói:

- Có khách quý tới!

Hôm ấy Huyền Trang từ Tây Vực trở về đến thăm Ngài. Ngài hỏi thăm phong cảnh Ấn Độ rõ ràng như tự mình trông thấy. Huyền Trang làm lễ đi nhiễu quanh Ngài gọi là Bò tát.

Niên hiệu Hàm Hanh năm thứ tư (673).

Vua Cao Tông vời Ngài vào cung, độ làm sa môn. Khi ấy có tăng Mông Cổ Phù Phong, trước ở trong cung, thường nói: “Hồi đến! Hồi đến!” Và Ngài đến. Tăng Mông Cổ nói:

- Người thay thế đến, ta sẽ đi.

Nội trong một tuần Tăng ấy tịch.

Đến lúc hiển hóa, Vạn Hồi được ban hiệu là Pháp Vân. Thường có kệ:

Sáng tối cùng quên mở mắt Phật
Chẳng cột một pháp, trở rừng sen
Chân không chẳng hoại tánh linh tri
Diệu dụng thường còn công vô tác
Trí thánh xưa nay thành Phật đạo
Tịch quang chẳng chiếu tự viên thông.

(Minh ám lưỡng vong khai Phật nhãn
Bất hệ nhất pháp xuất liên từng
Chân không bất hoại linh tri tánh
Diệu dụng thường tồn vô tác công
Thánh trí bản lai thành Phật đạo
Tịch quang phi chiếu tự viên thông).

35. CẦU NA BẠT MA (GUNAVARMAM)

Cầu Na Bạt Ma (Công Đức Khải) đến Kim Lăng. Ban đầu, bỏ nước xuất gia, quán thông tam tạng, các vua thuộc quốc đều quy y thọ giới. Ngài đạo nước Đề Bà, vua nước này muốn theo Ngài xuất gia, quần thần cố thỉnh nên không thể đi được, bèn ra lệnh trong nước rằng:

- Nếu mọi người theo Hòa thượng quy y thọ giới thì ta sẽ theo lời thỉnh.

Vì thế thân dân nước ấy đều cúi đầu tuân mệnh.

Đầu niên hiệu Nguyên Gia (424), Tống Văn Đế nghe danh Ngài, sai sứ rước về. Ngài vui vẻ nhận lời ghé thuyền đến Hàng Châu. Đạo pháp do đây được hưng thịnh. Ngài mền núi ở đây giống Linh Thứu, bèn lưu lại suốt năm.

Trên vách chùa Ngài vẽ tượng Định Quang trải tóc ..., ban đêm có hào quang chiếu sáng, Ngài thường ngồi nhập định trải mấy ngày chẳng ra. Tảng trong chùa sai Sa -di hầu hạ. Sa -di này bỗng thấy sư tử trắng vờn cột mà giỡn, khắp trời đều có hoa sen xanh. Sa -di cả kinh bỏ chạy và la lớn. Tảng trong chùa đổ xô đến chẳng thấy gì cả. Niên hiệu Nguyên Gia thứ tám (431) Ngài đến Kim Lăng, vua hỏi:

- Quả nhân thường muốn trì trai chẳng sát sanh; đem thân tiếp vật, mà chẳng tròn sở nguyện, xin thầy dạy cho.

Ngài đáp:

- Đạo tại tâm chứ không phải nơi việc. Pháp do mình chứ chẳng do người. Hơn nữa, Đế vương tu khác với thất phu. Thất phu nếu không khắc kỷ, tiết chế thì còn làm gì nữa? Còn Đế vương lấy bốn biển làm nhà, muôn dân làm con. Ban một lời khen thì sĩ thứ đều vui, công bố một chính sách tốt thì thần dân an hòa. Hình phạt không chết người, sưu dịch không làm nhọc sức người, thì mưa gió đúng thời, nóng lạnh hợp tiết, lúa đậu dồi dào, cây trái tốt tươi. Lấy điều này mà trì trai, trì trai cũng lớn, lấy đây mà chẳng sát sanh, thì lợi cũng nhiều. Đâu phải ở chỗ ngày ăn một bữa, bảo toàn tính mệnh cho một con vật, mới gọi giúp đỡ rộng rãi ư?

Vua vỗ ghế than rằng:

- Người tục thì mê những triết lý xa xôi, Tảng thì trệ ở kinh điển thiên cận. Còn như lời của Thầy, có thể nói gồm cả trời người vậy.

36. PHÁP SƯ HUYỀN CAO

Nguy Thái Vũ nghe lời sàm tấu của Thôi Hạo, bắt giam Thái tử Triều. Triều bèn kêu cầu với Huyền Cao. Ngài làm bài sám Kim Quang Minh cho Triều. Vua mộng thấy vua cha là Tổ Nhượng nói:

- Chớ nên vì lời sàm báng mà nghi Thái tử.

Tỉnh dậy, vua kể lại cho quần thần. Quần thần đều tâu là Thái tử vô tội. Vua thả Thái tử cho phục quyền như cũ. Thôi Hạo sợ bất lợi cho mình nên tâu vua:

- Trước đây Thái tử quả thật có âm mưu tạo phản, nhưng cầu kết với Huyền Cao, dùng pháp thuật đến tiên đế. Bộ hạ nếu không trừ sớm, e có hại lớn.

Vua nổi giận bắt Huyền Cao và Huệ Sùng thất cố.

Huyền Sướng là đệ tử của Huyền Cao, từ xa chạy đến. Huyền Cao chợt mở mắt nói:

- Đại pháp ứng duyên, tùy theo duyên mà thành suy, thành suy là đối với thân xác chứ lý thường trạm nhiên. Chỉ tiếc các ông hành như ta vậy. Chỉ có Huyền Sướng về Nam hóa độ. Các ông chết rồi, giáo pháp sẽ hưng thịnh lại, khéo tự tu tâm chớ để sau hối hận.

Nói xong liền chết. Sa môn Pháp Tấn kêu gào:

- Thánh nhân đã qua đời, tôi còn sống làm chi?

Dứt lời liền thấy ngài Huyền Cao ở trên không bảo Pháp Tấn rằng:

- Ta chẳng quên mọi người, chẳng lẽ bỏ mình ông sao?

Pháp Tấn nói:

- Hòa thượng với Sùng Công sanh về đâu?

Ngài đáp:

- Ta đến cõi ác để cứu giúp chúng sanh, còn Sùng Công nước An Dưỡng (Cực lạc).

Nói xong biên mất. Ngài tịch khoảng 427 - 451 thời Ngụy Vũ đế trị vì.

Lúc Huyền Cao ở núi Mạch Tịch, nghe Đàm Vô Sấm đến Lương, liền đến thờ làm thầy. Qua một tuần liền ngộ. Vô Sấm tán thán cho là hơn mình. Ngụy Vũ sai sứ rước Huyền Cao làm thầy Thái tử Triều, môn nhân đặc pháp rất đông.

Ngài có một đệ tử tên Tăng Ấn, tự nói mình đắc quả A la hán. Lúc mới nhập hạ, Ngài liền dùng thần lực khiến Tăng Ấn trong định thấy mười phương vô tận thế giới và nghe chẳng phải thuyết pháp, mỗi mỗi chẳng động. Cả một hạ đó tìm chỗ thấy này chẳng dứt, bèn sanh lòng hồ thẹn sám hối.

37. PHÁP SƯ HUỆ ƯỚC

Huệ Ước họ Sở, lúc trẻ đạo đức đã vang xa, nội tổ (ông nội) là Cấp sự Trung Sở Áu Du, mỗi lần thấy Huệ Ước đến thì đứng lên làm lễ. Có người hỏi:

- Đây là hạng con cháu của ông, sao ông lại cung kính thế?

Du đáp:

- Đây là Bồ tát ra đời sẽ làm thầy trong thiên hạ, há chỉ có mình lão phu kính mà thôi sao?

Lương Vũ Đế thỉnh Ngài ở trong cung. Ngày mùng 8 tháng 4 năm thứ mười tám (520) niên hiệu Thiên Giám. Vua thọ giới Bồ tát với Ngài, rồi thiết lập đại hội vô giá. Ngày ấy chợt có cam lộ rơi xuống sân. Ba chim Túc Điều và hai chim Không Tước nằm

đâu trên thêm. Thái tử và các vương tử công khanh, đạo tục theo Ngài thọ giới đến bốn vạn tám ngàn người. Nhân đây vua đại xá thiên hạ.

Nguyên hiệu Đại Đồng nguyên niên (546), tháng 9, Huệ Ước có chút bệnh. Vũ Đế cho người đến hỏi thăm. Ngài nói:

- Đêm nay sẽ đi.

Đến canh năm, hương lạ đầy nhà, môn nhân lặng đứng. Ngài dạy:

- Hễ có sanh thì có tử, đó là việc thường. Hãy siêng năng tu niệm huệ, chớ khởi loạn tưởng.

Nói xong, chấp tay mà tịch. Trâu xanh Ngài thường cỡi, roi lệ kêu rống không thôi. Một đôi hạc trắng từ lúc dựng tháp, bay quanh kêu thương, tiếng rất thê thảm. Sau ba ngày, bay đi.

38. PHÁP SƯ ĐÀM LOAN

Đàm Loan, ở Đông Ngụy, xuất gia chí muốn được trường thọ.

Sau tu Phật pháp, nghe ẩn sĩ Đào Hoàng Cảnh ở Giang Nam có tiên thuật. Liên đến nước Lương yết kiến Cảnh. Cảnh vui vẻ truyền cho mười cuốn phép tiên.

Ông trở về Ngụy đến Lạc Dương, gặp Bồ Đề Lưu Chi bèn hỏi:

- Trong Phật pháp có phép trường sinh bất tử không?

Đáp:

- Sao lại nói vậy? Đất này từng có phép trường sinh? Dù được ít lâu cũng chết, lại vẫn luân hồi.

Rồi Bồ Đề Lưu Chi bèn truyền cho ông Quán kinh nói:

- Đây là trường sinh thuộc họ Kim Tiên của ta vậy. Y theo đây mà tu, sẽ ra khỏi sanh tử vĩnh viễn.

Đàm Loan bèn đốt kinh Tiên chuyên tu Tịnh độ.

Nguy chủ gọi Ngài là Thần Loan.

Niên hiệu Hưng Hòa năm thứ tư (542) thấy hương, hoa, tràng phan đến rước, thần nhiên mà tịch.

39. PHÁP SƯ KHUY CƠ

Thời Đường Thái Tông là thời kỳ Phật giáo Trung Quốc phát huy rực rỡ, sự tích đại sư Huyền Trang thỉnh kinh, thấu qua sự tường thuật được thần thoại hóa trong tiểu thuyết Tây Du ký, cũng đã thành câu chuyện truyền khắp mọi nhà.

Lúc thỉnh kinh từ Ấn Độ trở về, Sư có thâu được một đồ đệ rất lý thú: Pháp sư Khuy Cơ (còn gọi là pháp sư Ba Xe).

Pháp sư Khuy Cơ từ bé đã thông minh lanh lợi, xuất thân trong gia đình phú quý, chú là đại tướng của vua Thái Tông, tức là Ngạc Quốc Công Cảnh Đức. Ngài là con của tướng quân Kim Ngô Vệ Kính Tông, mẹ nằm mộng thấy cầm mặt trăng nuốt vào bụng rồi có thai. Chiều sanh Ngài, hào quang đầy nhà. Sáu tuổi đã viết sách. Ban đầu, Huyền Trang qua Tây Vực được một cậu bé, đỉnh ngộ tuyệt luân, nhân Huyền Trang bế đến Kính Tông, Tông gọi Khuy Cơ ra chào Huyền Trang. Nhân Kính Tông sai tụng binh thư của Cơ làm, mấy ngàn lời. Huyền Trang đếm đề mục. Đợi đồng tử và Khuy Cơ tụng xong. Bèn nói gạt rằng:

- Đây là sách cổ.

Rồi bảo đồng tử Tây Vực che lại, đọc không sót một chữ. Kính Tông nổi giận, cho là Khuy Cơ trộm sách cổ để gạt, đòi giết. Huyền Trang xin cho Ngài xuất gia. Ngài đưa ra ba điều kiện: Đòi sống xuất gia rất khổ cực, Ngài đòi mang theo một xe vàng ròng; rất ham đọc sách, Ngài đòi mang một xe sách vở; Ngài lại đòi

mang theo một xe mỹ nữ để hầu hạ mình, vì thế người đời gọi Ngài là “Pháp sư ba xe”.

Tuy bấy giờ bị người dị nghị, nhưng cuối cùng pháp sư Khuy Cơ trở thành một Cao tăng đương thời, Ngài rất giỏi cả Đại thừa và Tiểu thừa. Niên hiệu Vĩnh Huy thứ năm (654) vua Cao Tông đặc biệt xuống chiếu chỉ cho Khuy Cơ làm Đại tăng, vào chùa Đại Từ Ân, tham gia dịch chánh nghĩa của kinh. Khuy Cơ bèn theo Huyền Trang thọ tông chỉ Du Già Duy Thức. Tọa luận đến 100 bộ, người đời gọi là Bách Bản Luận Sư, ngoài ra còn có trước tác 25 bộ 118 quyển về các kinh Pháp Hoa Huyền Tán ...

Có một tác công án rất nổi tiếng phát sanh từ Ngài. Luật sư Đạo Tuyên ở núi Chung Nam là Sơ Tổ của Luật Tông. Ngài trì giới tinh nghiêm, ngày ăn một bữa, cảm động lòng trời, có chur Thiên cúng dường. Do đó, không cần ôm bát khát thực, đến giờ cơm, thiên nhân tự nhiên cúng dường.

Một hôm, pháp sư Khuy Cơ đi qua Chung Nam, nghe đồn luật sư Đạo Tuyên ở đây tinh tấn, muốn lên núi bái phỏng. Luật sư Đạo Tuyên nghe Pháp sư Khuy Cơ muốn đến, đối với học vấn của khuy Cơ, đương nhiên Sư rất bội phục, nhưng đối với lối sống của Ngài thì Sư sanh tâm coi thường. Do đó, Sư định chờ cơ hội này khuyên bảo pháp sư Khuy Cơ, cho ông xem thấy Thánh cảnh chur Thiên đưa thức ăn cúng dường vào giữa ngo để phô bày sự cảm ứng do đức hạnh nghiêm trì giới luật của mình. Đâu dè giờ ngo đã qua mà Thiên nhân chẳng đem thức cúng dường đến. Khi pháp sư Khuy Cơ đi rồi, giờ ngo hôm sau, thiên nhân mới đem cúng dường. Luật sư Đạo Tuyên bèn hỏi:

- Hôm qua sao không cúng dường?

Thiên nhân thưa:

- Hôm qua có Bồ tát Đại thừa ở đây, thần Hộ pháp vây quanh núi này nghiêm mật, tôi vào chẳng được!

Luật sư Đạo Tuyên toát mồ hôi, lập tức sanh lòng sám hối.

Khuy Cơ người to lớn, cao tám thước (Tàu), khí thể trùm vạn người. Trên gáy có ngọc chằm; mười ngón tay có vân xoay tròn rõ ràng như ấn. Người thấy nể phục. Lòng từ thiện dạy người. Về già cầu sanh nội viện, nên hết lòng giữ giới.

Ban đầu Vô Trước và Thế Thân ở Thiên Trúc, lên trời Đâu Suất tham hỏi tông chỉ Duy thức với đức Từ Thị, rồi cùng nhau tạo luận. Nước ấy có Thánh hiền hoằng dương giáo pháp này. Đến luận sư Giới Hiền truyền cho Huyền Trang. Huyền Trang truyền cho Khuy Cơ. Khuy Cơ tạo số luận giải thích rộng rãi. Gọi là Từ Ân giáo.

Niên hiệu Vĩnh Thuần năm đầu (682) Khuy Cơ nhập diệt, thọ 50 tuổi, là năm Võ Hậu lên ngôi.

40. THẦN TÚ

Thần Tú họ Lý quê ở Khai Phong. Thân cao tám thước, mày đẹp tai to. Lúc nhỏ theo Nho giáo học rộng biết nhiều.

Sau bỗng đến Hoàng Mai gặp Hoàng Nhẫn bèn thán phục nói:

- Đây thật là thầy ta.

Hầu hạ Ngũ Tổ sáu năm. Ngũ Tổ biết là pháp khí, bảo:

- Ta độ người rất nhiều, mà kẻ ngộ giải chưa ai bằng ông.

Rồi sai phân tòa thuyết pháp. Phía đông cách chùa bảy dặm, đất bằng phẳng, núi hùng vĩ. Thần Tú nói:

- Đây chính là ngọn cô phong Lăng Già, là độ môn Lan Nhã, bóng tùng thăm cỏ, ta về già sẽ đến đó vậy.

Thần Tú trụ ở Đương Dương, Võ Hậu xuống chiếu rước về kinh đô, cùng Huệ An ở trong đạo trường để cúng dường.

Tú thường có kệ:

Tất cả Phật pháp
Tự tâm sẵn có
Đem tâm cầu ngoài
Bỏ cha chạy trốn.

(Nhất thiết Phật pháp)
Tự tâm bản hữu
Tương tâm ngoại cầu
Xả phụ đào tẩu).

Thần Tú thường tâu Vũ Hậu thỉnh Huệ Năng đến cung. Năng cố từ chối. Thần Tú lại tự viết thơ mời nữa. Huệ Năng bảo sứ rằng:

- Ta hình dung xấu xí. Ở đó thấy ta, sợ chẳng kính pháp ta. Hơn nữa, thầy ta bảo ta có duyên miền Nam, không thể trái lời.

Và từ chối không đi.

Thần Tú ở Đông đô, thiên hạ gọi là Pháp chủ Lương kinh, Môn sư Tam Đế. Niên hiệu Thần Long năm thứ hai (706) ngày 2 tháng 2 Ngài nhập diệt, hiệu Đạo Thông. Ngài sanh cuối đời Tùy hơn 100 tuổi. Chưa hề tự nói nên mọi người không rõ biết là bao nhiêu.

*Phụ ghi :-

THẦN TÚ

Thần Tú (zh. shénxiù 神秀, ja. jinshū), ~ 605-706, cũng được gọi là Ngọc Tuyên Thần Tú, là Thiền sư Trung Quốc, một trong những môn đệ xuất sắc của Ngũ tổ Hoàng Nhẫn.

Theo truyền thuyết, Sư thua cuộc trong việc chọn người nối pháp của Hoàng Nhẫn và Huệ Năng được truyền y bát. Sư vẫn tự xem mình là người nối pháp của Hoàng Nhẫn và sáng lập Bắc tông thiền, một dòng thiền vẫn còn mang đậm sắc thái Ấn Độ với bộ kinh Nhập Lăng-già làm căn bản.

Sư thuở nhỏ đã thông minh hơn người. Ban đầu, Sư học Nho giáo nhưng không hài lòng, sau đó (năm 46 tuổi) đến núi Hoàng Mai nhập hội của Hoàng Nhẫn. Nơi đây, Sư là môn đệ xuất sắc của Ngũ tổ (Sử sách có ghi lại tên của 11 người đệ tử của Hoàng Nhẫn đã giáo hoá danh tiếng). Sau khi Hoàng Nhẫn viên tịch, Sư rời Hoàng Mai và đi du phương gần 20 năm. Sau, khi Vũ Hậu là Tắc Thiên mời đến kinh đô, Sư chân chừ rồi nhận lời. Nơi đây, Sư giáo hoá rất nhiều người, danh tiếng lừng lẫy.

Năm Thần Long thứ hai (706), Sư viên tịch. Vua sắc phong là Đại Thông Thiên sư. Đến giữa thế kỉ 8, vương triều công nhận Sư là người thừa kế Ngũ tổ, nhưng dòng Thiên của Sư tàn lụi sau vài đời, có lẽ vì liên hệ chính trị nhiều với vương triều.

*Phụ ghi :-

HUỆ NĂNG

Ảnh: Nhục thân của thiền sư Huệ Năng đặt tại chùa Hoa Nam huyện Thiệu Quang, tỉnh Quảng Đông Trung Quốc(ở đây cũng lưu giữ nhục thân của sư Hám Sơn và Đan Điền)

Huệ Năng (zh. huìnéng/ hui-neng 慧能, ja. enō), 638-713, là vị Tổ thứ sáu của Thiền tông Trung Quốc, môn đệ và pháp tự của Ngũ tổ Hoàng Nhẫn.

Trước Huệ Năng, Thiền còn mang nặng ảnh hưởng Ấn Độ nhưng đến đời Sư, Thiền bắt đầu có những đặc điểm riêng của Trung Quốc. Vì vậy mà có người cho rằng Sư mới thật sự là người Tổ khai sáng dòng Thiền tại đây. Huệ Năng không chính thức truyền y bát cho ai, nên sau đó không còn ai chính thức là truyền nhân. Tuy nhiên Sư có nhiều học trò xuất sắc.

Môn đệ chính là Thanh Nguyên Hành Tư và Nam Nhạc Hoài Nhượng là hai vị Thiền sư dẫn đầu hầu như toàn bộ các dòng Thiền về sau. Cả hai dòng này cũng được truyền đến Việt Nam qua các vị như Thảo Đường, Nhất Cú Tri Giáo, Vô Ngôn Thông và Chuyết Công.

Sư là tác giả của tác phẩm chữ Hán duy nhất được gọi là "Kinh", một danh từ thường chỉ được dùng chỉ những lời nói, bài dạy của chính Phật Thích-ca, đó là Lục tổ đại sư pháp bảo đàn kinh, một tác phẩm với ý nghĩa rất sâu xa về thiền. Cũng nhờ Pháp bảo đàn kinh mà người ta biết được ít nhiều về Huệ Năng. Sư họ Lô (zh. 盧) sinh trong một gia đình nghèo, cha mất sớm, lớn lên giúp mẹ bằng cách bán củi. Một hôm, trong lúc bán củi, nghe người ta tụng kinh Kim cương, Sư bỗng nhiên có ngộ nhập. Nghe người đọc kinh nhắc đến Hoàng Nhẫn, Sư liền đến tìm học. Hoàng Nhẫn nhận ra ngay căn cơ của Sư, nhưng không truyền pháp ngay, bắt tiếp tục chẻ củi, vo gạo.

Truyền thuyết nổi tiếng về việc truyền tâm ấn cho Huệ Năng và việc phân đôi hai phái Thiền Nam-Bắc được kể lại như sau:

Hoàng Nhẫn biết tới lúc mình phải tìm người kế thừa nên ra lệnh cho học trò mỗi người viết kệ trình bày kinh nghiệm giác ngộ. Cuối cùng chỉ có Thần Tú, một đệ tử với tri thức xuất sắc mới dám làm. Thần Tú viết bài kệ, so sánh thân người như cây Bồ-đề và tâm như tấm gương sáng và người tu hành phải lo lau chùi, giữ tấm gương luôn luôn được trong sáng. Sư đang làm việc trong bếp, nghe đọc bài kệ biết người làm chưa Kiến tính. Sư cũng nhờ người viết bài kệ của mình như sau:

菩提本無樹。
明鏡亦非臺
本來無一物。
何處有(匿)塵埃

Bồ-đề bản vô thụ,
Minh kính diệc phi đài
Bản lai vô nhất vật,
Hà xứ hữu (nặc) trần ai?

Bồ-đề vốn chẳng cây,
Gương sáng cũng chẳng phải là đài
Xưa nay không một vật,
Nơi nào dính bụi trần?

Nghe bài kệ, Hoàng Nhãn biết căn cơ của Sư vượt hẳn Thần Tú, nhưng sợ di hại nên nửa đêm gọi Sư vào thất và thuyết trọn kinh Kim cương cho Sư. Đến câu "Đừng để tâm vương víu nơi nào" (ung vô sở trụ nhi sinh kì tâm 應無所住而生其心), Sư hoá nhiên đại ngộ. Ngũ tổ truyền y bát cho Sư và khuyên đi về phương Nam. Khi tiễn Sư xuống thuyền, Tổ muốn tự chèo đưa Sư sang sông, Sư bèn nói: "khi mê thầy độ, ngộ rồi tự độ" và tự chèo qua sông. Suốt 15 năm sau, Sư ở ẩn, và trong thời gian này vẫn là cư sĩ. Sau đó, Sư đến chùa Pháp Tính ở Quảng Châu. Đó là nơi sản sinh công án nổi tiếng "chẳng phải gió, chẳng phải phướn" (Vô môn quan, công án 29). Sau khi Sư chen vào nói "tâm các ông động" thì Ấn Tông, vị sư trụ trì của chùa hỏi Sư "Nghe nói y pháp Hoàng Mai đã truyền về phương Nam, phải chăng là hành giả?" Lúc đó Sư mới nhận mình là truyền nhân của Ngũ tổ Hoàng Nhãn. Ấn Tông sai người cạo đầu cho Sư, cho Sư gia nhập Tăng-già rồi xin nhận Sư làm thầy.

Sau đó, sư bắt đầu giáo hoá ở chùa Pháp Tính, về sau về Bảo Lâm tự ở Tào Khê và thành lập Nam tông, trong lúc đó Thần Tú và đệ tử thành lập Bắc tông và cũng tự nhận là truyền nhân của Ngũ tổ. Nam tông cho rằng, giác ngộ là một sự nhảy vọt bất ngờ, mang tính trực giác trong lúc Bắc tông chủ trương dùng suy luận, tu tập dần dần theo chỉ dạy của kinh sách mà giác ngộ. Trong cuộc tranh chấp giữa hai phái đốn ngộ (ngộ ngay tức khắc) và tiệm ngộ này, Nam tông đã chứng tỏ sinh lực của mình, sản sinh vô số Đại sư và trở thành truyền phái đích thật của Phật pháp tại Trung Quốc. Phái Thần Tú chỉ vài thế hệ sau là khô kiệt.

Với Huệ Năng, được xem là người "ít học" nhất lại được truyền tâm ấn, Thiền đã qua một bước ngoặt quyết định, trở thành Thiền tông Trung Quốc với sự ảnh hưởng ít nhiều của đạo Lão. Các hiền triết Lão giáo cũng là những người cười nhạo văn tự, họ đã có ảnh hưởng lên cái "bất lập văn tự" của Thiền tông để từ sự dung hợp này, tất cả các tông phái Thiền Trung Quốc ra đời. Với Huệ Năng và các vị Đại sư nối tiếp, Thiền tông Trung Quốc đi vào thời đại hoàng kim trong đời nhà Đường, nhà Tống. Và cho đến ngày nay, Thiền tông vẫn còn là nguồn cảm hứng sâu xa, vẫn là một pháp môn cho nhiều Phật tử

41. THIÊN SƯ NHÂN KIỆM

Nhân Kiệm tức Hòa thượng Đăng Đăng, tháng tư năm Nhâm Thìn (692), Vũ Hậu xuống chiếu rước vào cung. Ngài đến nhìn Thái Hậu im lặng giây lâu nói:

- Hội chăng?

- Không hội.

- Lão tăng giữ giới không nói.

Nói xong bỏ đi. Có làm 19 bài ca ngắn, có bài:

Tu đạo, đạo chẳng thể tu.

Hỏi pháp, pháp không thể hỏi.
Người mê chẳng rõ sắc không.
Người ngộ vốn không nghịch thuận.
Tâm vạn bốn ngàn pháp môn.
Chí lý không rời gang tấc.
Biết giữ thành quách nhà mình.
Chớ dối tìm châu quận khác.
Chẳng cần học rộng nghe nhiều.
Chẳng cốt biện tài, thông suốt.
Chẳng biết tháng này đủ thiếu:
Chẳng quản năm này dư nhuận.
Phiền não tức là Bồ đề.
Hoa sạch sanh trong bùn phẩn.
Ngài đến hỏi ta thế nào?
Chẳng thể cùng y đàm luận.
Sáng sớm dùng cháo đỡ đói.
Đúng ngộ ăn thêm một bần.
Hôm nay nhậm vận đấng đấng.
Ngày mai đấng đấng nhậm vận.
Trong tâm rõ ràng biết hết.
Hãy làm ngu ngơ ám độn.

42. HUỆ KHOAN ĐẠI SƯ

Huệ Khoan họ Dương, người Ích Châu. Cha là Dương Vĩ làm đạo sĩ hiệu Tam Động Tiên sinh, có chị là Tín Tướng mới sanh đã biết đạo, trọn ngày thiền tịch.

Năm sáu tuổi Huệ Khoan hàng ngày cùng chị luận bàn đạo lý, người nghe không ai hiểu. Gia thế theo đạo Lão, một mình Khoan chẳng vui.

Cha quả mắng bắt lạy Thiên Tôn. Ngài bắt đắc dĩ lễ bái, tượng đồng bỗng đổ xuống vỡ ra. Thân tộc kinh dị, nhân đó chép ngôn cú đã luận.

Trước là thiền sư Đàm Tướng ở chùa Long Hoài, lúc lâm chung bảo đệ tử tên Hội rằng:

- Ta bảo duyên sẽ sanh vào nhà họ Dương, ở đỉnh núi Miên Trúc, Quảng Hán. Sau bảy năm hãy đến gặp ta.

Nói xong thị tịch. Sau Hội năm mộng thấy Đàm Tướng trách mình lỗi hẹn. Hội thất kinh tỉnh dậy liền đến đỉnh núi gõ cửa. Khoan hỏi:

- Ai gõ cửa?

Hội thưa:

- Dạ, đệ tử là Hội.

Khoan cười nói:

- Làm sao biết ta mà xưng là đệ tử?

Hội thưa:

- Nghe tiếng Thầy giống tiếng ngày xưa.

Ngài bèn ra gặp. Người cha đem những lời ghi chép sự đàm luận của Ngài và Tín Tướng ra, Ngài dạy là luận Đại Trang Nghiêm.

Hội liên rước Ngài về chùa Long Hoài xuống tóc, khi ấy mười ba tuổi, Hội kính sợ như thần. Chúng ở Long Hoài ba ngàn người, Hội đều đích thân tận lực làm, Huệ Khoan một mình nhân nhả. Mọi người bàn tán, Hội nói:

- Đây là tiên sư của ta. Do đó đã đầy đủ đạo đức.

Từ đây thân dị ngày một hiển lộ. Người đời gọi là Hòa thượng Thánh. Niên hiệu Vĩnh Huy năm thứ tư (653) ngày 25 tháng 6, Ngài Thị tịch.

Người đời cho là ứng thân Quan Thế Âm.

43. BÁ TRƯỢNG HOÀI HẢI

Sư nói:

- Ở đất Thánh mà tập phàm. Vì Phật vào trong chúng sanh, thị hiện đồng loại để dẫn dắt về và cùng loài với ngựa quý, thân thể bị lửa đốt, thuyết cho chúng Bát Nhã Ba la mật, khiến chúng phát tâm. Nếu cứ ở mãi đất thánh thì nương vào đâu mà nói chuyện với chúng được. Phật vào chốn khổ cũng đồng như chúng sanh chịu khổ, chỉ khác là đi đứng tự do không giống chúng sanh.

Sư trụ ở Bá Trượng, thấy luật Thiên Tông từ Thiểu Thất đến Tào Khê, phần nhiều nương theo luật chùa. Thuyết pháp, trụ trì, chưa có quy củ. Ngài bèn than:

- Nếu muốn Tổ đạo truyền bá chẳng mất, há nên theo hạnh của Tiểu thừa sao?

Vì thế Ngài sáng lập Thiên cư, hễ người đủ đạo nhân, đức đáng tôn trọng thì gọi là Trưởng lão. Ai làm Hóa chủ thì ở phương trượng, không lập điện Phật, chỉ tạo Pháp đường.

Học chúng bao nhiêu đều vào trong tăng đường hết, y theo tuổi hạ an bài. Đặt giường nổi dài, khi nằm thì gối xéo, quay bên phải theo thể kiết tường mà ngủ.

Khi vào thất thỉnh ích dù người học siêng hay lười, hoặc lớn hoặc chẳng câu nệ theo lệ thường. Tất cả đại chúng trong viện, sáng tham thỉnh chiều nhóm họp, trưởng lão thượng đường, thăng tọa, chủ sự theo chúng thứ tự đứng lắng nghe.

Khách chủ vấn đáp, kích dương tông yếu, ngày hai buổi cơm cháo, tùy chúng chia đều. Thi hành pháp phổ thỉnh, đặt mười nhà vụ liêu.

Mỗi nhà một người cầm đầu trông coi nhiều người, để cho mỗi ty thuộc trong nhóm, có ai giả hiệu, trộm hình lẫn lộn trong thanh chúng, gây sự quấy nhiễu người khác, duy na sẽ đưa lên, kéo ra khỏi bốn vị quả tháp (khi được nhận vào chúng, gọi là cho quả tháp), tẩn xuất đuổi ra khỏi viện. Hoặc người kia xúc phạm, như lẩy gậy đánh, thì nhóm chúng đốt y bát đạo cụ, đuổi ra theo cửa bên, coi như để sĩ nhục.

*Phụ ghi:-

BÁCH (BÁ) TRƯỢNG HOÀI HẢI

1.- Bách Trượng Hoài Hải (zh. bǎizhàng huáihǎi 百丈懷海, ja. hyakujō ekai), 720-814, là một Thiền sư Trung Quốc, một trong những vị Thiền sư danh tiếng nhất đời nhà Đường, nói pháp Thiền sư Mã Tổ Đạo Nhất.

Học nhân đến Sư tham vấn rất đông, trong đó Hoàng Bá Hi Vận và Quy Sơn Linh Hựu là hai vị thượng thủ.

2.- Cơ duyên và hành trạng

Sư họ Vương, quê ở Trường Lạc, Phúc Châu. Lúc nhỏ theo mẹ đi chùa lễ Phật, Sư chỉ tượng Phật hỏi mẹ: "Đây là gì?" Mẹ bảo: "Phật." Sư nói: "Hình dung không khác gì với người, con sau cũng

sẽ làm Phật." Sư xuất gia lúc còn đẽ chỏm và chuyên cần tu học Giới, Định, Huệ. Sau, Sư đến tham học với Mã Tổ làm thị giả và được Mã Tổ truyền tâm ấn. Câu chuyện Mã Tổ mở mắt cho Sư rất thú vị (HT Thích Thanh Từ dịch):

Sư theo hầu Mã Tổ đi đạo, thấy một bầy vịt trời bay qua, Tổ hỏi: "Đó là cái gì?" Sư đáp: "Con vịt trời." Tổ hỏi: "Bay đi đâu?" Sư đáp: "Bay qua." Mã Tổ bèn nắm lỗ mũi Sư kéo mạnh, đau quá Sư la thất thanh. Mã Tổ bảo: "Lại nói bay qua đi!" Nghe câu ấy, Sư tỉnh ngộ.

Sư để lại nhiều bài thuyết giảng quý báu trong Bách Trượng quảng lục và Bách Trượng ngữ lục. Trong đó Sư đề cao việc "liạ bỏ tất cả những vọng tưởng tức như như Phật" và khuyên thiền sinh tu tập pháp môn vô phân biệt, Bất nhị (HT Thích Thanh Từ dịch):

"Phàm người học đạo nếu gặp các thứ khổ vui, việc vừa ý không vừa ý tâm không lui sụt, chẳng để tâm đến danh dự lợi dưỡng ăn mặc, chẳng tham tất cả phúc đức lợi ích, không bị các pháp thế gian buộc ngại, không thân mến khổ vui, tâm hằng bình đẳng, ăn cơm hẩm cốt nuôi mệnh sống, mặc áo vá chỉ để ngừa lạnh, ngơ ngơ như ngu như điếc, sẽ được ít phần tương ưng. Nếu trong tâm ham học rộng biết nhiều, cầu phúc cầu trí, đều là ở trong sinh tử, đối với lí đạo thật vô ích, lại bị gió hiểu biết thổi trôi giạt trong biển sinh tử."

Có vị tăng hỏi: "Nhu nay Thu giới rồi thân khẩu được thanh tịnh, lại làm đủ các việc thiện, như thế được giải thoát chăng?" Sư đáp: "Được ít phần giải thoát, chưa được tâm giải thoát, chưa được tất cả chỗ giải thoát."

Tăng hỏi: "Thế nào là tâm giải thoát và tất cả chỗ giải thoát?" Sư đáp: "Chẳng câu Phật, Pháp, Tăng, cho đến chẳng câu phúc trí tri giải, tình cảm như sạch hết, chẳng chấp tâm không câu là phải, chẳng trụ chỗ hết, cũng chẳng mến thiên đường sợ địa ngục, trói buộc cõi mờ không ngại, tức thân tâm và tất cả chỗ đều gọi giải thoát. Người chớ có cho ít phần giới thân khẩu ý tịnh là xong, đâu

biết môn giới định huệ như hà sa, mà vô lậu giải thoát toàn chưa dính một may...

Cố gắng! Nhắm hiện nay cố tìm xét lấy, đừng đợi mắt mờ, tai điếc, tóc bạc, mặt nhăn, già khổ đến thân, buồn thảm triền miên mắt hàng rơi lệ, trong tâm hoảng sợ không còn một nơi y cứ, chẳng biết chỗ đi. Đến khi ấy, muốn nghiêm chỉnh tay chân cũng không thể kiềm được, dù có phúc trí, danh dự lợi dưỡng trọn không cứu được. Vì mắt tâm chưa mở, chỉ nhớ các cảnh, không biết phản chiếu, lại chẳng thấy Phật đạo. Một đời có tạo việc thiện ác đều thấy hiện ở trước, hoặc vui hoặc sợ, Lục đạo Ngũ uẩn cả đều hiện tiền. Trang sức, nhà cửa, ghe thuyền, xe cộ đẹp đẽ hiển hách, đều từ tham ái của mình hiện ra, tất cả cảnh ác đều biến thành cảnh thù thắng. Chỉ tùy tâm tham ái chỗ nào nặng, nghiệp thức dẫn đến thụ sinh, hoàn toàn không có phần tự do, rồng súc tốt xấu trọn chưa định được..."

3.- Thanh quy mới cho Thiên tông

Sư là người đầu tiên trong Thiên tông lập và kết tập những quy luật hành động hằng ngày của thiên sinh trong một thiên đường. Trước đó tất cả những thiên sinh chỉ là "khách" trong những chùa của tông phái khác - thường là Luật viện (Luật tông) - với những nghi quỹ họ phải tuân theo.

Từ lúc Sư lập ra quy luật mới, nhiều thiên đường được thành lập với những điều kiện thuận lợi đáp ứng nhu cầu của thiên sinh. Sư nhấn mạnh sự kết hợp giữa thiên và các việc lao động trong và ngoài thiên viện như làm ruộng, cuốc đất trồng cây. Câu nói của Sư "một ngày không làm, một ngày không ăn" (nhật nhật bất tác, nhật nhật bất thực 一日不作一日不食) đã gây ấn tượng đến ngày nay.

Theo quy luật mới, thiên sinh làm việc tự nuôi sống (các Tỳ-khâu thời Phật Thích-ca không được phép làm việc) nhưng song song với công việc hằng ngày, Sư vẫn giữ lại truyền thống đi khất thực và cho đó là một phương tiện tu luyện tâm. Những quy luật mới này được ghi lại trong Bách Trượng thanh quy. Mặc dù nguyên

bản của quyển sách này đã mất nhưng các quy luật này vẫn còn được tuân hành nghiêm chỉnh cho đến ngày nay.

Đời Đường niên hiệu Nguyên Hoà năm thứ 9 ngày 17 tháng giêng (814), Sư quy tịch, thọ 95 tuổi. Vua ban hiệu là Đại Trí Thiên sư.

44. ĐÀM TẠNG

[Nói pháp MÃ TỔ - Ân cư HÀNH NHẠC]

Đàm Tạng thọ tâm ấn ở Mã Tổ, sau yết kiến Thạch Đầu được thấu triệt.

Niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ hai, Sư ở ẩn trên chót đỉnh Hành Nhạc (Hành Sơn), ít người đến tham phỏng.

Sau vì đau chân, mới dời đến ở Tây Viên; các thiền khách đến thăm viếng ngày càng đông. Một hôm tự nấu nước tắm, tăng hỏi:

- Sao không sai Sa di?

Sư liền vỗ tay ba cái.

Sư thường nuôi một con Linh Cầu. Đêm đêm đi kinh hành, khi nào chó kéo áo thì mới trở về phương trượng, còn chó thì nằm bên cửa canh. Một đêm nó sủa đồng, chồm lên dữ tợn, đến sáng thấy phía đông nhà bếp có một con trăn lớn dài mấy trượng há miệng thở phì, hơi độc xông ra, thị giả thỉnh Sư tránh chỗ khác. Sư nói:

- Cái chết có thể trốn được sao? Nó đem độc đến, tôi dùng lòng từ để nhận, độc không thực tánh, kích phát thì nó mạnh, còn lòng từ vô duyên, oán thân một đạo

Sư nói xong, trăn cúi đầu từ từ bò đi, chốc lát không thấy nữa.

Một tối có ăn trộm đến, chó cũng cắn y của Sư. Sư bảo ăn trộm:

- Nhà tranh có vật gì ưng ý cứ việc lấy đi, ta chẳng tiếc gì.

Ăn trộm cảm lời Ngài, cúi lạy giải tán.

45. BẢO TÍCH

Ban đầu tham Mã Tổ, làm nhai phường (*). Một hôm đi giữa chợ gặp một người khách mua thịt heo, bảo hàng thịt rằng:

- Lạ miếng ngon, cắt cho một ký.

Hàng thịt buông dao vòng tay nói:

- Trưởng Sứ! Có miếng nào mà không ngon?

Bảo Tích có tỉnh. Lại một hôm Sư ra cửa gặp đám ma. Một người cầm linh khua hát:

Mặt trời nhất định lặn về Tây

Chưa rõ linh hồn đến phương nào?

(Hồng luân quyết định trầm Tây khứ.

Vị thăm hồn linh vắng na phương?)

Ngay lúc đó tang gia đang kêu khóc bi ai dưới màn.

Bảo Tích mừng rỡ cả thân tâm, trở về kể lại cho Mã Tổ, Tổ ăn khả. Sau trụ Bàn Sơn.

(*) Nhai phường: Có nhiệm vụ vào chợ búa để xin vật dụng cho đại chúng.

46. THIỀN SƯ MINH TOẢN

[Thuyết pháp ở HÀNH NHẠC]

Minh Toản tức Lại Tàn, chấp dịch ở Hành Nhạc, nhật đồ thừa mà ăn. Tánh Sư lười biếng, ăn đồ thừa nên có hiệu là Lại Tàn.

Tể tướng Lý Bí đề cao đức hạnh của Sư lên vua Đức Tông, vua sai chiếu mời. Sứ giả đến hang đá tuyên chiếu vua nói:

- Tôn giả hãy đứng lên tạ ơn vua.

Toản làm thỉnh, mũi dài lòng thông. Sứ giả trông thấy cười bảo Ngài chùi mũi. Toản nói:

-Ta hơi sức đâu mà vì người đời chùi mũi.

Rồi không chịu đi.

Thích Sư sắp tế thần núi, lo sửa đường lên. Nửa đêm sấm gió, một khối đá to rơi xuống chắn ngang đường. Người sửa đường đem mười trâu đến kéo, lại thêm mấy trăm người giúp mà hòn đá không nhúc nhích. Sư cười nói:

- Chẳng phiền nhiều sức.

Rồi lấy chân đạp đá, đá lăn tròn rồi rơi xuống, tiếng như sấm nổ. Đường được khai thông, mọi người xem Sư như thần. Ngoài cổng chùa, cạp beo chọt hợp thành bầy. Sư bảo chúng tăng:

- Tôi sẽ đuổi sạch chúng cho các ông. Đưa roi đây!

Chúng lấy roi đưa, Sư vừa ra khỏi chùa. Một con cạp chúa vội vàng vâng lệnh Sư bỏ đi, hổ beo cũng theo đó mà dứt tuyệt dấu vết.

Sư thường có bài ca:

Ngơ ngơ vô sự không cải đổi
Vô sự đâu cần luận một đoạn
Trực tâm không tán loạn,
Việc khác chẳng cần đoạn.
Quá khứ đã qua đi
Vị lai vẫn chẳng tính
Ngơ ngơ vô sự ngồi
Đâu từng có người gọi.
Hướng ngoại tìm công phu

Đều là tên ngu ngốc.
Lương chẳng chứa một hột
Gặp cơm chi biết kêu.
Người đa sự ở đời,
Đuổi theo mà chẳng kịp.
Ta chẳng ưa lên trời,
Cũng chẳng thích ruộng phước.
Đói đến ăn cơm,
Mệt đến thì ngủ.
Người ngu cười ta,
Mà người trí biết.
Chẳng phải si độn,
Thể vốn như nhiên.
Cần đi thì đi,
Cần đứng thì đứng,
Thân khoác manh áo rách,
Chân mặc khổ mẹ sanh.
Nhiều lời và lắm lẽ
Chỉ làm hiểu lầm nhau.
Nếu muốn độ chúng sanh,
Không gì hơn tự độ.
Chớ báng Phật thiên chân
Chân Phật chẳng thể thấy.
Diệu tánh và linh đài
Đâu cần chịu rèn luyện.
Tâm là tâm vô sự
Mặt là mặt mẹ sanh.
Kiếp thạch có di động,
Trong đây không cái biến.
Vô sự vốn vô sự
Đâu cần đọc văn tự,
Dẹp trừ gốc nhân ngã,
Thâm hợp ý trong này.
Các thứ nhọc gân cốt,
Chẳng bằng ngủ trong rừng
Ngơ ngơ ngàng đầu nhìn,
Mặt trời lên cao.
Ăn thức ăn thừa

Đem công dụng công,
Dần dà mờ tối.
Nắm lấy chẳng được,
Không nắm tự thông.
Ta có một lời,
Dứt nghĩ, quên duyên,
Nói khéo chẳng được,
Chỉ đem tâm truyền.
Lại có một lời,
Chẳng qua cho thẳng,
Nhỏ như mảy lông,
Lớn không nơi chốn.
Vốn tự viên thành,
Chẳng nhọc thêm dệt.
Thế sự mang mang,
Chẳng bằng non núi,
Tùng xanh che trời,
Suối biếc chảy dài,
Mây núi đang giăng,
Trăng đêm làm mốc,
Nằm dưới dây leo.
Gối đầu tảng đá.
Chẳng châu thiên tử.
Há khoái vương hầu.
Sanh tử chẳng lo,
Còn lo gì nữa?
Trăng nước không hình.
Ta thường chỉ an,
Vạn pháp đều vậy
Vốn tự vô sanh.
Ngơ ngơ vô sự ngồi,
Xuân đến cỏ tự xanh.

Lửa phân bò chỉ biết màu vàng đẹp mà thôi.

Mốc bạc đầu rành bùn tía mới
Còn chẳng có tâm chùi mũi dãi
Há có công phu hỏi người tục.

(Phân hỏa đản tri hoàng độc mỹ
Ngân câu na thức tử nê tân
Thượng vô tâm tự thu hàn thể
Khởi hữu công phu vấn tục nhân).

47. AN SỸ LÝ NGUYÊN

Thăm Tỳ Kheo Viên Trạch

Xưa An Lộc Sơn vây hãm Đông Thành, Lý Đăng bị cầm giữa thành đến chết. Lý Nguyên là con, phần chí tự thề không làm quan, không lấy vợ, không ăn thịt, bỏ nhà làm chùa Huệ Lâm. Tăng trong chùa là Viên Trạch, kết bạn với Nguyên rồi dẫn nhau đi đạo Nga Mi.

Nguyên muốn đi từ Kinh Châu qua sông Tô lên đường núi, còn Trạch muốn đi theo đường Tà Cốc Trường An. Nguyên nói:

-Tôi đã dứt việc đời, há trở lại đường kinh sư sao?

Trạch làm thinh, hồi lâu nói:

- Đi đúng cố nhiên chẳng do ý người.

Bèn đi theo đường Kinh Châu, thuyền đến Nam Phở, thấy một người đàn bà mặc quần gấm mức nước. Trạch chỉ và khóc nói:

- Tôi không muốn đi đường này cũng vì bà ta.

Nguyên cả kinh hỏi. Trạch nói:

- Bà này họ Vương, tôi sẽ làm con bà. Bà mang thai ba năm rồi, vì tôi không đến nên không sanh được. Nay đã thấy thì không còn trốn thoát được. Ông nên dùng phù chú nguyện giúp tôi sanh mau. Ba ngày sau, lúc tắm đứa bé, mong ông đến với tôi, tôi sẽ cười để làm tin. Và sau mười ba năm, dưới trăng Trung thu, phía ngoài chùa Thiên Trúc ở Hàng Châu sẽ cùng ông tương kiến. Tôi đã ba

đời làm Tỳ kheo tu tập Thiền, ở sông Tương phía Tây chùa Nhạc Lộ có hòn đá to, tôi tọa thiền trên đó.

Nguyên nghe xong thương xót hồi hận. Đến chiều thì Trạch chết. Người đàn bà sanh được ba ngày thì Nguyên đến xem, đưa bé quả nhiên cười. Sau đến kỳ hạn, Nguyên đến chỗ hẹn ước, nghe bên bờ sông Cát Hồng có mục đồng gõ sừng trâu mà ca rằng:

“Ba năm trên đá tinh hồn cũ
Thường trắng, vịnh gió chẳng cần bàn
Hồ thẹn tình người xa đến viếng
Thân này tuy khác tánh còn nguyên.”

(Tam sinh thạch thượng cụ tinh hồn
Thường nguyệt, ngâm phong bất yếu luận
Tâm quý tình nhân viễn tương phỏng
Thử thân tuy dị tánh thường tồn).

Nguyên bèn gọi:

- Trạch Công mạnh không?

Đáp rằng:

- Chân tín sĩ Lý Công! Ông duyên tục chưa hết, cẩn thận chớ gần nhau, chỉ chuyên cần tu thì chẳng đoạ. Rồi sẽ gặp nhau nữa.

Lại ca rằng:

“Thân trước thân sau sự mật mừng
Muốn nói nhân duyên sợ điệp lòng
Ngô Việt núi sông tìm đã khắp
Khua chèo trở lại đến Cù Đường.”

(Thân tiền thân hậu sự mang mang
Dục thoại nhân duyên khủng đoạ trường
Ngô Việt sơn xuyên tầm dĩ biến
Khước hồi yên trạo thượng Cù Đường).

Rồi ần mắt không thấy nữa.

Nguyên ở chùa hơn ba mươi năm, chết lúc hơn tám mươi.

48. THIÊN SƯ PHÁP KHÂM

Pháp Khâm họ Chu ở Côn Sơn, theo Nho nghiệp. Lúc mẹ Ngài mang thai, nằm mộng thấy hoa sen mọc ở thềm cửa, bà lấy một bông cột vào thắt lưng. Tỉnh giấc, không ưa ăn mặn và sanh ra Ngài.

Ngài hình dung kỳ vĩ, thần sắc sáng rỡ, ưa lấy Phật sự để nô đùa. Năm 22 tuổi về kinh ứng thí. Vì đi đường bộ nên ghé nghỉ ở chùa Hạc Lâm. Huyền Sách trông thấy lấy làm kinh dị hỏi:

- Ông làm gì?

- Mong lên kinh đô làm quan.

- Tuy có tước ngũ đẳng đầu bảng làm bậc tôn quý trong tam giới.

- Học được chăng?

- Xem thần khí của ông thì ông thuộc loại sanh ra đã biết. Nếu chịu xuất gia, sẽ ngộ tri kiến của Như Lai.

Pháp Khâm bèn xé bỏ sách vở, khắc khổ thân cận, nương theo Huyền Sách tu tập. Sách thàm nhậm là pháp khí, bảo với môn nhân Pháp Cảnh rằng:

- Gã này sẽ hoằng dương rộng lớn pháp của ta, là bậc Thầy người.

Pháp Khâm ngày đêm gắng gỏi, tam học đều tinh thông. Một hôm thỉnh Huyền Sách chỉ dạy pháp yếu. Huyền Sách bảo:

- Không người nào được pháp của ta.

- lấy gì để truyền.

Pháp Khâm chóng dứt các nghi trệ. Sau từ giã ra đi. Huyền Sách nói:

- Ông theo dòng mà đến, gặp “kính” thì dừng.

Pháp Khâm bèn đi về Nam, thọ đại giới ở chùa Long Tuyên Dur Hàng, rồi đến Lâm An ở phía Đông Bắc một ngọn núi, hỏi tiều phu rằng:

- Đây là núi gì?

- Đây là núi Kính Sơn.

Sư bèn trụ ở đây. Có tăng hỏi:

- Thế nào là đạo?

Pháp Khâm bảo:

- Trên núi có con cá Lý Ngư, dưới đáy nước có bụi dấy.

Mã Tổ sai người đem thư đến. Trong thư vẽ một vòng tròn. Pháp Khâm mở xem, vẽ vào vòng tròn rồi gởi trả.

Mã Tổ lại sai Trí Tạng đến hỏi:

- Trong mười hai giờ, lấy gì làm cảnh?

- Đợi lúc ông đi về, ta sẽ có tin.

- Về ngay bây giờ.

- Nhấn lại phải hỏi Tào Khê.

Vua Đại Tông lưu tâm đến Không môn khiến các đạo sĩ sanh lòng đố kỵ. Tháng 9 niên hiệu Đại Lịch năm thứ ba (768). Đạo sĩ

Sử Hoa tâu xin cùng họ Thích đầu phép. Bèn ở Đông Minh Quán, đặt giá dao làm thang, Sử Hoa leo lên đi như trên đường đá. Các tăng lữ nhìn nhau không dám bước lên. Khi ấy Sa môn Sùng Huệ ở chùa Chương Kính vâng lệnh vua, ở trên cây trong sân chùa, dựng một cái thang, bậc toàn mũi nhọn, sắc trắng như sương, cao hơn thang ở Đông Minh Quán cả trăm thước. Sùng Huệ đi chân không mà lên, đến mút thang dừng lại, leo xuống như đi trên đất bằng rồi đạp trên lửa hừng, thử dầu sôi, ăn miếng sắt, nuốt đinh. Các đạo sĩ trông thấy toát mồ hôi ướt áo bỏ chạy. Mọi người hoan nghinh, tiếng đôn như sấm.

Vua càng thêm kính trọng xuống chiếu ủy lạo, khen ngợi mấy lượt, ban tử y và gọi là Hộ Quốc Tam Tạng, vờ vào cung hỏi:

- Sư đệ tử ai?

- Cao tăng Pháp Khâm núi Kính Sơn là thầy của hạ thần. Thần chưa đủ giới pháp, không dám nhận tử y.

Vua đặc biệt ra lệnh mở đàn giới. Vừa Yết ma, Sùng Huệ ẩn thân trên đàn, không biết ở đâu. Vua càng kính dị, bèn lễ Pháp Khâm làm thầy, sai nội thị cầm chiếu chỉ đi thỉnh. Sư đến, vua đích thân đi đón và hỏi pháp, làm lễ đệ tử.

Pháp Khâm một hôm ngồi trong sân trong, thấy vua đến liền đứng lên. Vua hỏi:

- Vì sao Sư đứng lên?

Sư đáp:

- Đàn việt đâu được ở trên bốn oai nghi mà thấy bản đạo.

Vua đẹp lòng ban hiệu là Quốc Nhất. Chẳng bao lâu Sư muốn từ biệt đi. Vua nói:

Chúng sanh ở đây có người đáng độ, chúng sanh kia há có khác sao?

Pháp Khâm đáp:

- Thực không có pháp để độ chúng sanh.

Pháp Khâm ở kinh đô chỉ một năm. Vua Đại Tông mỗi lần ban tơ lụa, dọn ngự tuyền Sư đều không nhận, chỉ mặc áo vải, ăn rau, đồ dùng bằng sành như lúc thường. Tướng Quốc Dương Oản thấy thế khen:

- Đây là bậc cao sĩ phương ngoại, khó được danh như thế.

Thôi Triệu Công Quần thường hỏi Ngài:

- Đệ tử xuất gia được chăng?

Ngài đáp:

- Xuất gia là việc của đại trượng phu. Há dừng tướng mà làm được.

Quần khen ngợi lời này. Rồi Ngài từ giả trở về núi cũ.

Sư từ Trường An trở về Kính Sơn. Về sau Thích Sử mời về chùa Long Hưng ở Hàng Châu. Pháp Khâm bèn qua lại nơi đó, chẳng chọn chỗ ở nhất định. Ngày 28 tháng 12 niên hiệu Trinh Nguyên năm thứ tám (792) Sư thị tịch ở Long Hưng. Trước đó ba ngày, Sư bảo chúng:

Nên chôn ta ở hồ đất ngoài sân phía Nam, đừng làm quan tài sợ làm trở ngại đất trồng rau của tăng đồ.

Sư thọ 92 tuổi, 70 tuổi hạ. Bi nguyện của Sư sâu rộng, ai thấy mặt nghe danh đều như con được mẹ. Vì thế phía Đông đến núi Thái Sơn giáp biển, phía Tây đến Lũng Thục, phía Nam tiếp Giao Quảng, phía Bắc đến tận phương Bắc (Sóc Phương).

Người học đạo thầy đều kính mộ quay về. Người tham học đều coi Sư là Công Đức Sơn, đến cả trời rồng cùng quy kính hướng về loài khác quy y, đất mọc cỏ Linh Chi, trên trời mưa Cam Lộ. Đèn Thánh soi đêm, mây gấm sáng vờn, mãnh thú ở một bên, chim chóc tụ đầy thất đến ăn trên tay Sư.

Có hai thỏ trắng quỳ lạy trong phương trượng, một gà thường theo nghe pháp, chẳng ăn vật sống. Khi Ngài đến Trường An, nó kêu suốt ba ngày mà chết.

Một con vượn cũng thường ở trong thiên thất, chẳng đi đâu khác. Khi Sư tịch, ba ngày sau cũng chết theo.

49. PHONG CAN – HÀN SON - THẬP ĐẮC

Thị hiện THIÊN THAI

Phong Can, chẳng biết người ở đâu. Niên hiệu Trinh Quán đời Đường, Sư đến ở chùa Quốc thanh núi thiên Thai, cắt tóc ngang mày, mặc áo vải rách, có ai hỏi lý Phật, chỉ đáp hai chữ “tùy thời”. Thường xướng đạo, cuội cọp ra vào, chúng tăng đều kính sợ chẳng ai dám nói chuyện với Sư.

Có Hàn Sơn, Thập Đắc cũng chẳng biết dòng họ, người đời cho là đồ điên khùng, chơi thân với Phong Can.

Hàn Sơn ở núi Hàn Nham cách huyện Đường Hưng bảy mươi dặm về phía tây, nhân đây thành tên.

Thập Đắc thì do Phong Can khi đến Xích Thành, nghe tiếng trẻ con khóc ở bên đường, hỏi thì nói: “Mồ côi bị bỏ ở đây”. Do đó đặt tên Thập Đắc (nhật được), đem về giao cho khổ ở sau viện. Khổ tăng (Tăng coi kho) tên là Linh Tập coi nhà ăn và hương đèn, Thập Đắc bỗng leo lên toà, ngồi đối diện với tượng Phật mà ăn, sau lại ở trước Thánh tăng hô lên:

- Tiểu quả Thanh văn!

Linh Tập liền báo cho các bậc Tôn túc, rồi đổi xuống nhà bếp rửa chén bát. Hằng ngày tăng chúng thọ trai xong, Thập Đắc gạn

lại thức ăn dư bỏ trong ống đồng. Hàn Sơn đến liền công đi. Hàn Sơn dung mạo khô gầy, áo quần tối tả, lấy vỏ cây làm mũ, mang guốc gỗ to. Lúc đến chùa, hoặc đi dạo dưới hiên, hoặc vào bếp chụm lửa, hoặc chơi với mục đồng, có lúc quát tháo, ngửa mặt lên trời mà chửi, hoặc nói: “Than ôi! Than ôi! Tam giới luân hồi!”.

Tăng lấy gậy đuổi thì vỗ tay cười to. Một hôm, hỏi Phong Can rằng:

- Gương xưa chẳng bao lâu, làm sao soi chiếu?
- Bể đài không hình bóng.
- Khi vượn mò thủy nguyệt (*).
- Đây là chẳng chiếu soi, tỉnh Sư nói nữa.
- Vạn đức chẳng đem đến, bảo ta nói cái gì?

Hàn Sơn, Thập Đắc đều làm lễ. Phong Can bảo Hàn Sơn:

- Ông đi dạo Ngũ Đài với ta thì là bạn với ta; nếu không đi, không phải bạn ta.

- Tôi không đi!
- Phong Can nói:
- Ông chẳng phải bạn ta.

Hàn Sơn hỏi Phong Can:

- Ông đi Ngũ Đài làm gì?
- Ta đi lễ Văn Thù.
- Ông không phải bạn của ta.

Phong Can đi Ngũ Đài một mình. Gặp một ông già, Phong Can hỏi:

- Có phải Văn Thù không?

- Há có hai Văn Thù?

Phong Can liền làm lễ. Chợt ông già biến mất. Sau Phong Can trở về Thiên Thai thị tịch.

Hàn Sơn nhân chúng tặng nướng cà, bèn lấy xôi cà đánh vào lưng một vị tăng, tăng quay đầu lại. Hàn Sơn đưa xôi cà hỏi:

- Là cái gì?

Tăng nói:

- Gã điên này!

Hàn Sơn hỏi tăng bên cạnh:

- Ông nói xem ông sư này tốn bao nhiêu tương muối?

Triệu Châu đến Thiên Thai, đi thấy dấu chân trâu. Hàn Sơn hỏi:

- Thượng tọa lại biết trâu chẳng? Đây là năm trăm La hán đạo núi.

- Đã là La hán vì sao lại làm trâu.

Hàn Sơn nói:

- Trời xanh! Trời xanh!

Triệu Châu cười ha ha.

Hàn Sơn nói:

- Cười cái gì?

Triệu Châu nói:

- Trời xanh! Trời xanh!

Hàn Sơn nói:

- Chú nhỏ này lại có tư cách đại nhân.

*

Thập Đắc quét đất, chủ chùa hỏi:

- Ngươi họ gì? Ở đâu?

Thập Đắc buông chổi vòng tay đứng. Chủ chùa mờ mịt.

Hàn Sơn đấm ngực nói:

- Trời xanh! Trời xanh.

Thập Đắc hỏi:

- Ông làm gì vậy?

Hàn Sơn nói:

- Há không nghe nói nhà phía Đông có người chết, nhà phía Tây buồn lây sao!

Rồi vừa múa, vừa cười khóc mà ra.

Thập Đắc lại chặn trâu ở trang xá ca vịnh kêu trời rằng:

- Ta có một hạt châu, chôn ở trong ẩm giới không một ai biết cả.

Chúng tăng thuyết giới. Thập Đắc lừa trâu đến, tựa cửa vỗ tay mỉm cười nói:

- Mờ mịt thay! Chụm đầu làm bộ, cái này thế nào?

Tăng nổi giận mắng:

- Đồ hạ tiện khùng điên! Phá sự thuyết giới của ta!

Thập Đắc cười nói:

Không sân tức là giới!

Tâm tịnh tức xuất gia

Tánh ta cùng ông hợp

Tất cả pháp không sai.

Rồi lừa trâu ra, hô tên tăng đòi trước. Trâu liền ứng tiếng mà đi qua. Thập Đắc lại nói:

- Đòi trước chẳng trì giới, mặt người mà lòng thú. Ngươi nay tạo lỗi này, lại oán hận người nào? Sức Phật tuy rất lớn mà ngươi phụ ơn Phật.

*

Thần hộ Già lam, thức ăn để dưới Tăng trù cứ bị quạ tới phá. Thập Đắc lấy gậy đánh nói:

- Thức ăn ngươi còn không thể giữ được, làm sao hộ Già Lam?

Thần liền báo mộng cho tăng trong chùa:

- Thập Đắc đánh tôi.

Đến sáng, chúng tăng kể lại mộng, đều thấy như nhau. Bèn đến xem tượng thần, quả nhiên thấy có chỗ bị bể. Ai nấy đều kinh dị, đem trình lên Quận huyện. Quận bảo: “Hiền sĩ dấu vết tích là Bồ tát ứng thân” và gọi là Hiền sĩ Thập Đắc.

Lúc đầu Lư Khâu Dận, sắp nhậm Đan Khâu, bị đau đầu, thuốc men trị chẳng lành; gặp một thiền sư tên Phong Can bảo rằng từ Thiên Thai đến yết kiến sứ quân. Ông kể bệnh mình, Phong Can nói:

- Thân ở nơi tứ đại, bệnh từ duyên thân. Nếu muốn trừ nó, phải lấy nước sạch.

Rồi đòi bình nước, đọc thần chú phun lên đầu, lập tức hết đau. Dận lấy làm lạ, bèn hỏi xin cho biết sự an nguy từ đây về sau. Phong Can nói:

- Hãy nhớ đến yết kiến Văn Thù, Phổ Hiền. Hai vị Bồ tát này, thấy thì chẳng biết, biết thì chẳng thấy. Nếu muốn thấy, chẳng được chấp tướng. Chính là Hàn Sơn, Thập Đắc đang lao dịch ở chùa Quốc Thanh.

Dận đến nhậm chức ba ngày rồi đến chùa Quốc Thanh hỏi:

- Chùa này có thiền sư Phong Can chăng? Hàn Sơn, Thập Đắc là ai?

Tăng Đạo Kiểu đáp:

Phong Can nên cũ ở sau Tàng kinh. Nay vắng vẻ không người. Còn Hàn Sơn, Thập Đắc đang ở nhà bếp.

Dận đi vào phòng của Phong Can, chỉ thấy dấu chân cạp. Lại hỏi:

- Ngài Phong Can hỏi ở đây làm gì?

Đạo Kiểu đáp:

- Chỉ phụ giã gạo cúng tăng, rảnh thì ngâm vịnh.

Dận xuống bếp tìm Hàn Sơn, Thập Đắc, thấy đang thổi lửa, rồi vỗ tay cười to. Dận đến lễ bái, hai người quát mắng liên thanh, nắm tay cười to nói:

- Phong Can lấm môm, Phong Can lấm môm! Phật Di Đà chẳng biết, lễ chúng ta làm chi?

Tăng chúng ùa đến, kinh ngạc bảo nhau:

- Vì sao tôn quan lại làm lễ hai gã bần sĩ này?

Hai người bèn nắm tay chạy ra khỏi chùa.

Dận khiến đuổi theo. Hai người lại chạy gấp vào Hàn Nham. Dận lại hỏi tăng:

- Hai người này chịu ở lại chùa này chẳng?

Rồi bèn sai người tìm thăm hỏi để đem về chùa an trí. Dận trở về quận, cất may hai cặp áo sạch cùng hương, thuốc ... đem đến cúng dường, nhưng hai vị không về nữa. Sứ liền đến núi đưa lên thấy Hàn Sơn lớn tiếng hét:

- Giặc! Giặc!

Rồi vào kê đá núi, lại nói:

- Báo cho mấy người, nên cố gắng lên!

Kê đá tự khép lại, chẳng thể đuổi theo. Còn Thập Đắc thì chẳng thấy dấu vết. Sau có tăng đi hái củi ở Nam Phong, cách phía Đông Nam chùa hai dặm gặp một Phạm tăng chống gậy vào núi, gánh một vòng xương nói:

- Lấy Xá lợi của Thập Đắc.

Mới biết Thập Đắc nhập diệt ở đây. Nhân đó gọi núi là Thập Đắc. Dân sai Đạo Kiều tìm thăm di tích. Ở trong rừng, trên lá cây được thư, từ, tụng của Hàn Sơn và các người trong thôn làng hơn ba trăm bài. Thập Đắc cũng có thơ hơn mấy mươi bài đề trên vách đá miếu Thổ địa, được gom góp thành tập.

Thơ Hàn Sơn:

Nhớ lại mười năm trước
Thả bộ Quốc Thanh về
Trong chùa ai cũng nói
Hàn Sơn là kẻ si
Si không biết tầm tư
Riêng ta còn chẳng biết
Thì y biết nỗi gì!
Cúi đầu đừng hỏi nữa
Hỏi được lại làm chi?
Có người đến chửi tở
Tở biết rõ tức thì
Tuy nhiên không ứng đối
Thế mà được tiện nghi.

(*) Thủy nguyệt: Trăng trong nước.

50. THIÊN SƯ ĐẠO LÂM

Sư họ Phan quê ở Phú Dương. Mẹ nằm mộng thấy nuốt ánh sáng mặt trời mà có thai, đến khi sanh hương lạ xông khắp nhà, nên đặt tên Sư là Hương Quang.

Lên chín tuổi Sư xuất gia, hai mươi một tuổi thọ giới. Sau đến Trường An lễ pháp sư Phục Lễ học kinh Hoa Nghiêm, luận Khởi Tín.

Pháp sư Phục Lễ dạy bài tụng Chân Vọng, bắt tu Thiên na. Đạo Lâm hỏi:

- Khởi đầu làm sao quán? Làm sao dụng tâm?

Phục Lễ làm thỉnh chẳng nói. Sư lay ba lễ lui ra. Sau Pháp Khâm đến cung vua, Đạo Lâm đến yết kiến bèn được chánh pháp.

Sư từ khi được tâm ấn của Pháp Khâm, liền đến chùa Vĩnh Phước ở Cô Sơn, có tháp Phật Bích Chi. Lúc đó đạo tục đang làm pháp hội. Ngài chống gậy đi vào, pháp sư Thao Quang hỏi:

- Đây là pháp hội, sao ông làm ồn thế?

Sư đáp:

- Không gây tiếng ồn ai biết là hội.

Sau Ngài thấy núi Tần Vọng, rặng từng xoay vòng quanh như bảo cái bèn leo lên ở. Vì thế được gọi là thiền sư Điều Khòa (ổ chim), lại có một ổ chim khác bên cạnh, tự nhiên quen thuộc, nên Sư còn được gọi là Hòa thượng Thước Sào. (có chỗ gọi Ô Sào Thiền Sư)

Có Lục cung sứ là Ngô Nguyên Khanh, người Hàng Châu, thông minh mẫn ngộ, vua Hiến Tông rất ưa thích. Một hôm ở cung Chiêu Dương, thấy hoa cỏ tốt tươi, đang bồi hồi thưởng ngoạn chợt nghe trên không trung có tiếng:

- Những tướng hư huyền, nở rộ không dừng, hay hoại căn lành, như giả đâu nên hưởng chúng.

Nguyên Khanh bưng tỉnh, muốn thoát trần tục, vào năn nỉ vua, vua cho về nhà. Nhân pháp sư Thao Quang yết kiến Đạo Lâm, ông theo thưa:

- Đệ tử bảy tuổi đã ăn chay, mười một tuổi thọ ngũ giới, năm nay hai mươi hai tuổi, định xuất gia nên đã nghĩ làm quan. Mong Hòa thượng độ con làm tăng.

Ngài Đạo Lâm bảo:

- Đời nay làm tăng, ít người chịu tình khổ, tình hạnh phần nhiều hời hợt.

Nguyên Khanh thưa:

Vốn sạch đâu cần mài giũa

Sẵn sáng không theo chiếu.

(Bồn tịnh phi trác ma

Nguyên minh bất tùy chiếu).

Đạo Lâm nói:

- Ông nếu rõ thể của tịnh trí diệu viên tự không tịch, tức là chân xuất gia, đâu cần tướng bên ngoài. Ông nên làm Bồ tát tại gia, tu bổ thí và trì giới, như bọn ông Tôn Hứa đi.

Nguyên Khanh thưa:

- Lý tuy như vậy nhưng chẳng phải chí của con. Cúi mong Thầy từ bi nhiếp thọ, con thể tuân theo lời Thầy dạy.

Thưa thỉnh đến ba lần mà Đạo Lâm vẫn chẳng nhận. Thao Quang khuyên:

- Cung sứ chưa hề lấy vợ, cũng không nuôi thị nữ. Thiền sư nếu không thấu nhận thì ai độ ông ta.

Đạo Lâm bèn cho xuất gia, thọ giới đặt pháp hiệu là Hội Thông. Từ đó ông ngày đêm tinh tấn tụng kinh Đại thừa, tu tập An ban Tam muội. Rồi bỗng một hôm ông từ giả thầy xin đi du phương. Đạo Lâm hỏi:

- Ông định đến đâu?

Ông thưa:

- Hội Thông vì pháp mà xuất gia. Hòa thượng chẳng rủ lòng lòng chỉ dạy, nay con đến các nơi học Phật pháp.

Đạo lâm nói:

- Nếu là Phật pháp, thì trong đây ta cũng có chút ít.

- Thế nào là Phật pháp của Hòa thượng?

Đạo Lâm rút một sợi vải trên người, đưa lên thổi. Hội Thông bèn ngộ huyền chỉ, đời gọi là thị giả Bồ Mao (lông vải). Hội Thông sau trụ ở Chiêu Hiền, đến đời Vũ Tông phế giáo, ông vào núi sâu ẩn, sau cùng chẳng biết thế nào.

Bạch Cư Dị, tự là Lạc Thiên, đời Đường khoảng 772-846 làm Thái thú Hàng Châu. Niên hiệu Trường Khánh năm thứ hai (822), nhân vào núi yết kiến Đạo Lâm, thấy Ngài ngồi trên ổ chim mới hỏi:

- Chỗ ở của Thiên sư nguy hiểm quá vậy?

Đạo Lâm nói:

- Thái thú còn nguy hiểm hơn nhiều.

Bạch Cư Dị nói:

- Đệ tử địa vị trấn giang sơn, có gì mà nguy hiểm?

Đạo Lâm nói:

- Củi lửa giao nhau, thức tánh chẳng dừng, không nguy hiểm sao được?

Bạch Cư Dị lại hỏi:

- Thế nào là đại ý Phật pháp?

Đạo Lâm nói:

- Các ác chớ làm, những điều thiện vâng làm.

Bạch Cư Dị nói:

- Con nít ba tuổi cũng biết nói thế.

Đạo Lâm nói:

- Con nít ba tuổi tuy nói được mà ông lão 80 tuổi làm không được.

Bạch Cư Dị lại dùng kệ hỏi:

Riêng vào cửa không hỏi khổ không,
Dám đem việc thiền hỏi Thiền ông.
Ngay khi mộng là việc phù sanh,
Hay việc phù sanh ở trong mộng?

(Đặc nhập không môn vẫn khổ không,
Cảm tương thiền sự khấu Thiền ông.
Vi đương mộng thị phù sanh sự,
Vi phục phù sanh thị mộng trung).

Đạo Lâm đáp:

Đến thì không dấu, đi không vết
Khi đi và đến, sự giống nhau
Đâu cần lại hỏi việc phù sanh
Chỉ phù sanh này là trong mộng.

(Lai thời vô tích khứ vô tung
Khứ dữ lai thời sự nhất đồng
Hà tu cánh vấn phù sanh sự
Chỉ thử phù sanh thị mộng trung).

Bạch Cư Dị bèn làm lễ mà lui.

CAO TĂNG DỊ TRUYỆN
高僧異傳
PHẦN III

51. HÒA THƯỢNG HẢI AN TÍN

Hòa thượng hải An Tín nổi pháp ngài Lang Gia, người Quê Phủ, trụ chùa Định Huệ ở Tô Châu tuổi hơn tám mươi. Ngày thường được Chu Phòng Ngữ cúng dường, Sư cũng hay đến nhà này.

Một hôm họ Chu hỏi:

- Hòa thượng đời sau có thể thác sanh trong nhà đệ tử chăng?

Sư cười nhẹ bằng lòng, rồi trở về chùa mắc bệnh mấy ngày mà chết. Hôm chôn cất, nhà họ Chu sanh được một cô con gái. Thiên sư Viên Chiếu khi đó ở Thụy Quang nghe được việc này bèn đến thăm. Cô bé vừa đầy tháng được ẵm ra, vừa thấy Ngài liền cười. Viên Chiếu nói:

- Hải An! Ông làm rồi. Cô bé khóc mấy tiếng rồi chết.

52. THIÊN SƯ QUY TÔNG TUYÊN

Thiên Sư Quy Tông Tuyên, người Hán Châu, nổi pháp Ngài Lang Gia Quảng Chiếu kết thân với Quách Công Phủ.

Chợt một hôm có quan trấn thủ Nam Khang đến, Sư sai người đem thơ cho Công Phủ lại dặn người đưa thơ chớ cho quan huyện trông thấy. Công Phủ đọc thơ thấy ủy thác rằng:

- Tôi còn sáu năm duyên đời chưa hết, hôm nay không chịu nổi áp bức muốn thác sanh vào nhà ông, mong ông chiếu cố cho.

Công Phủ vừa sợ vừa mừng, nửa đêm bà vợ mơ màng thấy Sư vào trong phòng ngủ, bắt giấc thất thanh nói:

- Đây không phải là chỗ Hòa thượng đến.

Công Phủ hỏi duyên cớ, bà vợ kể lại. Công Phủ sai đốt đèn, lấy thơ của Sư cho coi. Quả nhiên sau bà vợ có thai sanh con đặt là Tuyên Quang. Vừa đầy năm đã nhớ hỏi chuyện trước.

Đến ba tuổi, Hòa thượng Bạch Vân Đoan đi qua nhà này, Công Phủ kêu con ra tương kiến, vừa thấy kêu lên:

- Sư Diệt! (cháu).

Hòa thượng Đoan nói:

- Cùng Hòa thượng từ biệt nhau đã mấy năm rồi?

Tuyên co ngón tay nói:

- Bốn năm.

Hòa thượng Đoan nói:

- Tương biệt tại đâu?

- Tại Bạch Liên Trang.

- Lấy gì để chứng nghiệm?

- Cha mẹ tôi ngày mai sẽ mời Hòa thượng thọ trai.

Chợt có tiếng đẩy xe qua ngoài cửa. Hòa thượng Đoan nói:

- Tiếng gì ngoài cửa vậy?

Tuyên làm thế đẩy xe. Hòa thượng Đoan nói:

- Qua thế nào?

- Đất bằng có một rãnh nước.

Đến sáu tuổi không bệnh mà chết.

53. TẶNG DẠ ĐÀI

Tặng Dạ Đài người đất Tây Thục. Thuở bé, Sư học thuật nhìn ăn. Sau gặp sư Đại Trí ở núi Nga Mi, xin xuất gia, thọ giới. Rồi từ biệt thầy, đến với ngài Phục Ngưu ở núi Chung nam. Về sau Sư xuống núi Ngũ Đài, ngày ngày thường chỉ uống nước, ngồi tĩnh tọa, ban đêm thì đi quanh Đài Sơn. Người ta nhân đó gọi Sư là Dạ Đài.

Chu vi Ngũ Đài khoảng 500 dặm, nổi tiếng gió mạnh, đá lớn, lừa ngựa bị thổi bay như quét lá. Sư đi, áo mũ tung rơi, tay cầm gậy sắt, cứ gặp gió thì ngừng, hết gió lại đi. Có lúc trời tối mịt, Sư bị rơi xuống hố, gậy sắt cong vòng mà Sư chẳng sao hết. Gặp cọp, Sư đến trước nó nạp mình, nói:

- Ngươi ăn thịt ta, tức là cùng ta kết mối duyên nhỏ.

Gặp bọn cướp núi, Sư động gậy xuống đất, tiếng gậy vang dội. Bọn cướp kinh hãi bỏ chạy, la lớn:

- Bị Sư Dạ Đài nhiếp phục!

Chúng chẳng dám động đến Sư. Có hôm tuyết lớn rơi đầy núi, mọi người vác xẻng đi kiếm; thấy Sư bị tuyết chôn đến thắt lưng, rét cứng. Họ khiêng Sư về hơ lửa, tắm nước nóng, chập lâu Sư mới hồi tỉnh. Vậy mà vẫn tiếp tục đi đêm như cũ. Sư thường gặp ánh đèn, lửa rừng, mãnh thú, quý quái trong đêm. Cũng có khi gặp được Văn Thù, hoặc hiện hình Tỳ kheo già, hoặc hiện làm phụ nữ đẹp ôm đứa con mới sinh còn trần truồng, chốc lát biến mất. Sư đi như thế đến hơn hai mươi năm.

Năm Quý Mão, Sư đến kinh đô. Thái hậu Từ Thánh ban cho Sư bình bát, tích trượng và một bộ Tử Lang Ca Sa, Sư bèn đến chùa Tháp Viện, lập hội Thiên Bàn (ngàn mâm) rồi đến chùa Long Tuyên lập hội Long Hoa bốn mươi chín ngày. Sau đến núi Ngũ Đài, Nga Mi đúc một chuông u minh nặng một vạn ba ngàn cân, lại đến núi Phổ Đà, Nga Mi thỉnh hai bộ Tạng kinh; đến núi Cửu Hoa lập đạo tràng Thủy Lục. Bao nhiêu tiền gạo còn dư, Sư đem

phân phát cho các tịnh thất và những vị tăng nghèo, không hề bỏ túi riêng một mảy may. Cho nên tăng tục hết lòng tin cậy.

Sau Sư trở lại bốn danh sơn lớn, tinh thần mỗi mệt. Từ đất Thục đến Quảng Lăng, Sư nhuốm bệnh. Có một đạo nhân chặt ngón tay nấu cháo cho Sư dùng, ý mong cầu Sư lành bệnh. Sư mắng rằng:

- Người xuất thế, sao lại học theo thói đàn bà. Hạng ta đã gần đến rồi.

Khỏi bệnh, Sư mua một chiếc thuyền lớn bày tượng Thủy Lục miệng phun lửa không ngớt.

Tháng mười, năm Canh Tuất, từ Thông Châu dong thuyền ra biển. Đi ngang Phước Sơn, Sư vui vẻ muốn dừng lại. Sư giải tán đệ tử, chỉ giữ lại một đạo nhân già theo, rồi lên thuyền. Có hai người khách buôn ở Tấn An xin đi nhờ. Sư nói:

- Người này có duyên.

Bèn bằng lòng cho đi. Thuyền giương buồm đi thật nhanh. Chợt Sư hỏi:

- Trưa chưa?

- Trưa rồi!

Sư sai làm cơm cho hai người khách cùng ăn. Họ lấy tiền cúng dường Sư, nhân đó lễ mười phương chư Phật, Sư nói:

- Ta muốn vào biển!

Mọi người kinh hãi thưa:

- Nay đã ở trong biển rồi, còn muốn vào đâu nữa?

Sư nói:

- Ta nghe bậc Bồ Tát giải thoát, khi tịch diệt các đệ tử chia thân làm ba phần: Một cho loài cầm thú, một cho tôm cá và một cho kiến trùng. Nay ta cũng thế.

Mọi người khóc lóc níu lại. Sư lấy một tờ giấy đưa cho khách, đó là lời của Bồ Tát giải thoát. Chúng vẫn buồn bã níu giữ không buông. Sư nói:

- Các ông hãy vì ta mà lễ Phật.

Mọi người liền cúi lạy, Sư nhảy xuống biển. Họ định lấy buồm, vớt Sư. Ngồi ngay sóng nước, Sư vẫy tay nói:

- Cát buồm đi! Các ông thua ta rồi!

Phút chốc, có một đám sương trắng vàng bao phủ quanh Sư, rồi cuốn đi. Đó là ngày 25 tháng 10 năm Canh Tuất (1610) niên hiệu Vạn Lịch 38.

Vị đạo nhân già trở về thuật lại. Hoa Đình Trần Mi Công bèn ghi chép lại chuyện này.

54. TĂNG THU NGUYỆT

Thu Nguyệt là một vị sư già ở núi Huyền Cơ, Tô Châu. Sư tinh thông giới luật, lễ tụng chuyên cần, lấy uống trà làm Phật sự. Ai đi qua Huyền Cơ cũng đều ghé thăm Sư. Nhưng nếu không phải người cao nhã thì Sư chẳng tiếp, gặp mặt cũng chẳng mời trà nước.

Lúc ấy, đang có giảng tịch của Ngài Thiên Kỳ, người bốn phương rầm rộ kéo đến. Sư vẫn điềm nhiên như không hề hay biết. Có người khuyên Sư nên tùy hỷ ra một lần, Sư chỉ cười chẳng đáp.

Niên hiệu Thiên Khải cải nguyên (1612), Sư từ biệt bạn đạo trong núi, sáng sớm đi thuyền đến bệ Liên Hoa ở Nam Hải, hốt nhiên đến đầu thuyền lễ bái, lớn tiếng niệm Phật rồi nhảy ùm xuống nước. Mọi người vội níu lại nhưng chẳng kịp. Sóng gió nổi lên rất

mạnh, Sư nhắp nhô trên sóng, vãn chấp tay niệm Phật. Tiếng Sư xa dần rồi mất hẳn.

*Kệ rằng:-

Đạ Đài khấp bốn núi lớn, vết chân in khắp nước.

Thu Nguyệt tĩnh lặng đóng cửa thất, chẳng màng đến việc bên ngoài.

Đạ Đài rộng tu phước nghiệp, Thu Nguyệt một việc cũng không làm.

Lời bình:-

Hai Ngài bình sinh trái nhau như thế, đến lúc cuối lại giống hết nhau. Đạ Đài giấu cái tĩnh trong động. Thu Nguyệt gởi cái động trong tĩnh. Dấu vết động tĩnh của hai vị thoát khỏi mé sanh tử không mấy may chướng ngại. Tâm hai vị thật không thể so sánh ai hơn ai kém vậy.

55. THIÊN SƯ GIÁC TÔNG

Thiên sư Giác Tông, tự là Đạo Huyền, biệt hiệu Tùng Khê, họ Nam quê ở Phù Phong. Nhà theo nghiệp Nho, mẹ họ Trần, kính tin Phật pháp. Cứ đầu năm, bà đến chùa Pháp Môn cúng dường trai tăng cho đại chúng.

Một hôm ngủ trưa, bà mộng thấy Thần Công chùa Pháp Môn trao cho một tượng ngọc cao gần một tấc, bà nhận lấy rồi nuốt vào bụng. Tỉnh dậy, biết mình có thai, bà báo cho chồng hay. Chồng bà sai người đến chùa thăm dò, biết được Thần Công chết đúng ngày ấy.

Hai vợ chồng liền dặn nhau:

"Nếu được con trai, sẽ cho cho xuất gia thờ Phật".

Đến ngày sanh, phòng bà có ánh sáng, trên hư không có tiếng Phạm âm, ai nghe cũng lạ lùng. Sư lúc còn bé đã không ăn mặn, không ưa đùa giỡn, chỉ thích ngồi thiền chỗ vắng. Cha mẹ biết rằng Sư không quên nhân cũ, bèn theo lời hứa cho vào chùa.

Gặp lúc quân Mông Cổ xâm lăng, cha con không bảo bọc nhau được. Sư bị bắt ở Vũ Xuyên, và bị đưa vào hầu hạ Quận chúa của quan Thái phó. Sư cẩn thận khác những người hầu khác, quan Thái phó thấy lạ, hứa cho xuất gia. Sư bèn đến chùa Thanh Sơn ở Quy Xuyên, cạo tóc với ngài Lâm Pháp Sư, nhân đó Sư khóc nói:

- Cha mẹ yên lòng, nay con đã được xuất gia rồi.

Chưa đến ba năm, Sư thông suốt các kinh. Sư theo ngài Anh Công ở Vũ Xuyên nghe sơ kinh Hoa Nghiêm, trong năm năm thông suốt chỗ uẩn áo, thâm nhập biển Hoa Tạng, tung hoành không ngại, là bậc long tượng dưới tòa. Sư không hề rời thầy, do đó danh tiếng vang xa. Nhưng Sư vẫn tự cho mình ăn chưa đến lúc no, nên đến chỗ ngài Thánh Nhơn. Thánh Nhơn là bậc cự phách trong nhà Thiền, thấy Sư liền hỏi:

- Nghe ông rành Hoa Nghiêm, sao không giảng kinh độ sanh, đến đây làm gì?

Sư thưa:

- Sanh tử là việc lớn.

Thánh Nhơn nói:

Từ ngày rõ nẻo Tào Khê ấy,

Mới hay sống chết chẳng tương can.

(Tự tụng thức đặc Tào Khê lộ,
Liễu tri sanh tử bất tương quan).

Ông hiểu thế nào?

Sư suy nghĩ, Thánh Nhơn hét, Sư đi ra. Thánh Nhơn kêu lại:

- Thượng tọa!

Sư quay đầu nhìn. Thánh Nhơn nói:

- Rõ ràng nhận lấy!

Sư lãnh hội được ý chỉ này. Ngày hôm sau, Sư lên phương trượng thưa:

- Hôm qua được Hòa thượng hét một tiếng, con có chỗ thấy.

Thánh Nhơn nói:

- Thử đưa ra xem!

Sư phát ray áo đi ra. Thánh Nhơn cười mà chấp nhận.

Nguyên Hiến Tông năm đầu (1251); Phan Sơn sai người đưa thơ đến mời ngài Thánh Nhơn làm chủ pháp tịch Linh Sơn. Thánh Nhơn bảo:

- Không bằng Giác Tông!

Sau Sư vâng lời, lúc ra đi làm bài kệ:

Mười năm chí như sắt,
Cổng huyền đều thấu suốt
Nhảy khỏi rừng góc gai
Đạp bẻ trang đàm vắng
Khéo hướng trên đỉnh cô phong
Linh quang riêng chiếu không thời tiết.

(Thập tải chí như thiết
Huyền quan giai thấu triệt
Khiêu xuất kinh cực lâm
Đạp phá trùng đàm nguyệt

Hào hướng cô phong đánh thượng hành
Linh quang độc diệu vô thời tiết).

Sư lên tòa thuyết pháp trong khoảng mười năm, chúng có hơn vài ngàn. Cõi Phật rộng mở, vàng ngọc sáng ngời, chiếu soi đá sỏi, tông lâm đầy đủ tiện nghi. Linh Sơn hưng thịnh một thời không kém những ngôi chùa lớn.

Niên hiệu Chí Nguyên năm thứ tư (1280), ngài Văn Công trụ trì chùa Long Tuyền ở Đàm Giá, lui về ẩn ở Tây Đường. Sư được bổ nhậm thay thế, pháp tịch cũng thịnh như ở Linh Sơn. Sư chân chính nghiêm túc, vào chúng rất nghiêm trang, ai thấy cũng đem lòng kính sợ. Môn đình của Sư cao vút, không bao giờ chấp nhận cho người mới hợp một lời, khế một cơ; trái lại xem xét kỹ lưỡng, rõ ràng không còn ngờ vực sau mới chịu. Nên hàng nạp tử thấy vách đứng mà thối lui cũng nhiều.

Cũng năm ấy, Sư ngồi tịch. Tháp ở Đàm Giá.

56. TĂNG ĐỒNG TÂN

Đồng Tân tự là Trọng Ích, biệt hiệu Nguyệt Tuyền, họ Quách quê ở Phòng Sơn, Yên Đô. Sư thể phát với Kiên Công ở An Sơn, thường làm việc khổ nhọc để phụng sự đại chúng. Ban ngày làm việc, ban đêm tụng kinh, sự thông minh trí tuệ của Sư phát triển mau lẹ.

Sư muốn đi tham học các nơi, bèn hỏi ý kiến của Đồng Hành, Đồng Hành cười nhạt, Sư bực mình viết một bài kệ dán lên vách rồi bỏ đi:

Đại trượng phu chí khí ngất trời
Ngồi rãnh tâm thường há phải nơi
Tay nắm xuy mao ba thước kiếm
Hàm rộng, châu nọ đoạt như chơi.

(Khí trụ xung thiên đại trượng phu
Tâm thường câu độc khởi năng bào

Thủ đề tam xích xuy ma kiếm
Trực thủ ly long lãnh hạ châu).

Sư đến yết kiến ngài Phương Công ở Thanh An, Phương Công hỏi:

- Muốn đi ngàn dặm, một bước làm đầu. Thế nào là bước đầu tiên?

Sư chấp tay bước tới. Phương Công nói:

- Quả thật gót chân không chấm đất!

Sư phát tay áo, đi ra. Lại đến yết kiến Cảo Công ở Đại Minh. Dưới cây trụ trượng, Sư phát tiết được nhiều vốn riêng. Cuối cùng vẫn cho trong ngực còn có chỗ ngại chưa bạch, Sư nuôn trở lại Thanh An, nhưng Cảo Công bảo không sao và dạy cứ mài dũa nhồi nặn. Thêm ba năm, Sư mới được rỗng rang. Ấn dấu chưa lâu, các bậc kỳ túc lại ủng hộ Sư đưa về An Sơn. Thiền sư Giản ở Hải Vân nhận Sư vào làm Thủ chúng. Luận Công ở Long Tuyền hướng dẫn người đến quy y. Sư vừa cất tiếng, muôn người hoan hô.

Vua Đại Nguyên ngự đến, phân chúng của Sư thành tám nhóm, cử Sư làm chủ chùa Linh Nham ở Trai Nam. Lúc ấy, người khắp nơi kéo đến, Sư không cho họ toàn là người đạo đức, phân biệt rõ hiền ngu. Do đó, miệng tiếng dèm pha. Sư bỏ về An Sơn, nhưng mọi người không chịu, giữ lại. Sư nhớ đến kinh thành gặp nạn binh lửa, tặng kinh hư hao, người học không xem được đầy đủ, cho nên Sư tổn bao nhiêu là y bát, đề xướng kiếm người cùng chí hướng, đích thân đến Giang nam tìm thỉnh.

Trải qua bao năm, chịu đủ nóng lạnh, gian nan khôn khó, mới được toàn vẹn đem về. Sư chạy ngược xuôi, xa gần, đến đâu cũng được người thấy nghe tùy hỷ. Thật là Bạch Mã không cánh ở phương Tây lại vậy. Ở Sơn Đông, mọi người nói với quan Đề Hình là Na Luật Công, dùng lễ Tổ mà đón Sư.

Sau Sư đến viện Quan Âm ở Trai Nam kiết hạ, rồi lâm bệnh, bèn kêu thị giả lại truyền pháp yếu, nói kệ:

Ôi! Đầy da ngổ
Ngu ngơ tương ưng
Chẳng biết khéo léo
Tư tưởng quên luôn
Đến không chỗ theo,
Đi cũng không chốn
Sáu đục rỗng rang
Bốn đẽo mênh mang

(Đốt! Hàm bì đại
Ngọt đề tương ưng
Kỹ lưỡng bất giải
Tư tưởng toàn vong
Lai vô sở tùng
Khứ diệc vô phương
Lục tạc không không
Tứ đục hoàng hoàng)

Lại nói:

- Cái này không còn một chút ngại.

Im lặng giây lâu, Sư nói:

- Buông tay mà đi, mây trời mênh mông.

Kệ xong, nghiêm nhiên mà tịch, thọ 66 tuổi, 45 tuổi hạ. tánh tình Sư khoáng đạt, đạo nhân sáng trong, tiếp vận có cơ biến, Sư sở trường về thi văn, giỏi đàm luận. Phát trần vừa đưa lên, thính chúng ngồi nghe mê mải, suốt ngày không chán, Sư lại hay biện luận khôi hài mà người không dám để đuôi xúc phạm.

Nổi pháp Sư là Tuyết Đậu. Lúc trà tỳ hàng vạn người đưa, hương hoa rải nghệt lối đi. Nếu không có sự hóa độ sâu xa vào lòng người, há được như thế. Sư thật là một nạp tử anh hùng của một thời.

57. THIÊN SƯ NGỌC TUYỀN

Thiên sư Tông Liễn, người quê Thạch Chiếu, Hạp Châu, họ Đồng. Lúc nhỏ, có vị tăng đi ngang qua nhà, thấy Sư mặt mũi sáng sủa, bèn chỉ ngọn đèn hỏi thử rằng:

- Đèn chiếu con hay con chiếu đèn?

Sư nói:

- Đèn không chiếu con, con cũng chẳng soi đèn. Ở giữa không một vật, hai bên thấy công năng.

Tăng lấy làm lạ, khuyên nên đi tham phỏng các nơi. Sư trải qua khắp các pháp tịch, sau đến Nguyệt Am Quả Công, nghe một câu biết đường về.

Sư khai pháp ở Ngọc Tuyền, treo bảng thất là "Cùng Cốc". Lưu Kỳ làm quan trấn ở Hình Nam, đến phỏng vấn Sư ý nghĩa của tên này. Sư nói:

- Tâm hết là "cùng", tánh ngừng là "cốc". Tùy vang ứng tiếng, chẳng vội mà nhanh.

Cơ biện ứng đáp của Sư đại loại như thế, so với với Hạo Công chẳng kém. Sư thường nói:

- Việc này chẳng thuộc có lời hay không lời, chẳng ngại nói hay nín. Người xưa nói một lời, nửa câu đều như binh khí quốc gia, bắt đặc dĩ mới dùng. Nói ngang nói dọc đều cốt mong người vào được đạo, kỳ thực đạo không ở trên chương cú. Người đời nay chẳng thể thẳng một đường mà chứng suốt cội nguồn, chỉ toàn dùng nói năng, chữ nghĩa mà cho là đến được đạo. Đó giống như Trịnh Châu ra cửa của Tào.

Theo như dưới hội của bậc Tông sư, thì đến đâu cũng lấy sự hành cước làm chính. Hễ có chỗ nghỉ, liền đối trước chúng mà quyết trách, ngay dưới một câu thấy được rõ ràng. Vì tông Phật Tô chỉ

thẳng chẳng truyên, cùng các loài hữu tình mãi mãi đời sau, đồng đấng đồng chúng. Nếu chưa phải là chỗ bực đầu, há mở sông hai miếng da môi ra nói Hồ nói Hán sao? ...

Sư khai thị như thế cũng đích đáng rõ ràng, tạo khí thế cho người. Chưa rõ cuối đời Sư thế nào!

58. HÒA THƯỢNG HÀ TỬ

Hòa thượng Hà Tử (hà = tôm) tên Trí Nghiễm ở chùa Tĩnh Am, Hoa Đình. Ngày rằm tháng Bảy, ngoài làng tổ chức lễ Vu Lan. Tăng chúng trong chùa được thỉnh đi gần hết, chỉ còn Sư ở lại chùa. Có cháu của thôn trưởng đến mời tăng, mà không có ai để mời, muốn kéo Sư đi, Sư bảo:

- Hãy về trước sắp đặt, ta sẽ đến sau.

Rồi lên thuyền đi. Giữa đường thấy người câu tôm. Sư bảo ghé lại mua một đấu, xin nước mà ăn sống. Sư nuốt trọn không nhai. Ăn xong, bảo người bán tôm rằng:

- Ta đi dự đám, lúc về sẽ trả ông tiền.

Và hỏi chủ thuyền chèo mau kéo trể. Đến làng, chủ thuyền nhin không nổi, kể lại cho mọi người nghe. Chủ đám nghe được, khinh bỉ không mời ngồi mâm trên, trái chiếu xuống đất, có cơm mà không cúng dường để làm nhục. Sư vẫn tĩnh tuồng, vui vẻ nạp thọ. Lúc về, gặp người câu tôm, Sư cười nói:

- Xui quá! Hôm nay dự trai không có tiền, biết tính sao đây?

Người câu nói:

- Không tiền thì trả tôm lại cho tôi!

Sư đáp:

- Việc này dễ thôi!

Rồi đòi nước uống, mưa ra tôm sông đầy một đấu, đem trả lại. Mọi người lấy làm lạ, nhân đó gọi Hòa thượng Hà Tử.

Đời Sư nhiều chuyện ly kỳ, những người ở bờ sông thường truyền tụng. Đến lúc sắp tịch, Sư lượm cỏ bồ kết thành râu hơn vạn dây, treo ở hiên nhà, nói với mọi người:

- Ta muốn gieo duyên với quý vị.

Bèn ngồi tịch. Mọi người tranh nhau đến cúng tiền, đầy hết các dây treo. Tiền này được dùng để xây dựng Phật Các ở trong chùa. Đến nay, chùa vẫn được gọi là Đạo Tràng Hà Tử.

59. TĂNG THANH TÙNG

Thanh Tùng người ở Phước Châu. Lúc đầu Sư tham vấn Thiền sư Pháp Nhãn. Pháp Nhãn chỉ mưa, bảo Sư rằng:

- Tùng giọt, từng giọt rơi trong con mắt Thượng tọa.

Lúc ấy Sư không hiểu, sau đọc kinh Hoa Nghiêm mới ngộ được ý chỉ này. Nhân vào núi kiếm đất cất am, Sư đến Tứ Minh, lên cao xem bốn phía, ném một viên đá, nói:

- Đá rơi chỗ nào, ta ở chỗ đó.

Rồi kết am. Đến đời vua Trung Hiến Vương, vua nghe danh Sư mời về chùa Linh Ẩn, đặt hiệu là Thiền sư Liễu Ngộ.

Ma Ha Bát Nhã
Không phải thủ, xả
Nếu người chẳng hiểu
Gió lạnh tuyết rơi.

(Ma Ha Bát Nhã
Phi thủ phi xả
Nhược nhân bất hội
Phong hàn tuyết hạ).

Sư thuyết pháp như thế.

Một hôm vua xem kinh Hoa Nghiêm, biết ở Trung Hoa có núi Chi Đề, Bồ tát Thiên Quan trụ ở đó. Vua bèn triệu tập các vị kỳ đức ở các núi đến hỏi nhưng chẳng vị nào biết cả. Chỉ có Sư bảo rằng biết chỗ ấy rất rõ. Vua nói:

- Vậy nếu Sư không đi thì không ai đến được.

Rồi sai người cùng đi với Sư. Đến mé biển, vết tích của cảnh Thánh hiện ra. Đi sâu vào núi ba ngày, bỗng nghe tiếng chuông ngân nga, có vượn trắng dẫn đường. Sư chí tâm đánh lễ, thấy trong rừng rậm có một khoảng đất lớn, lâu các nguy nga, trên có biển đề chữ vàng: "Cảnh của Cô Phật Đại Hoa Nghiêm".

Sư vào chùa, thấy chúng tăng cả vạn người, ngàn vị Bồ tát, nghiêm nhiên ở trên, mùi hương lạ lan tỏa, hào quang chói lòa. Sư mặc tưởng chí thành, tùy hỷ trọn đêm. Đến sáng, thấy mình vẫn ở giữa đám cỏ rừng, cảnh đã thấy chỉ là hóa cảnh. Sư về báo lại vua. Vua liền cho dựng chùa ở đây, đúng như cảnh Sư đã thấy. Vua cho đúc tượng Thiên Quan ngàn thân đưa vào núi bằng thuyền. Đến giữa dòng, sóng to gió lớn, thuyền nặng muốn chìm. Mọi người nhìn nhau không biết tính sao, bèn dìm một nửa tượng xuống nước. Nào ngờ nửa tượng này lại đến đất đó trước. Đó là việc thật lạ lùng.

60. THƯỢNG TỌA HUỆ VIÊN

Thượng tọa Huệ Viên, họ Vu quê ở Toan Tảo, Khai Phong vốn làm nghề nông. Sau Sư xuất gia ở chùa Kiến Phúc, bản tánh chậm chạp, trì độn nhưng làm việc rất chăm chỉ, cẩn thận. Sư nghe Thiền đạo phương Nam rất hưng thịnh bèn xuất du đến chùa Đông Lâm ở Giang Châu, bị tăng chúng trong chùa coi thường lắm.

Một hôm Sư hỏi huynh đệ rằng:

- Thế nào là thiền (禪 thiền = tịch tĩnh)?

Họ đùa:

- Đi hỏi xem! Cái gì kêu được là thiên (蟬 thiên=con ve)!

Sư không hiểu, bèn ngồi quay vào tường suy nghĩ mãi cứng cả lưng. Sau vài tháng, đi ra sân chùa, bỗng trượt chân té nhào, bèn khai ngộ. Sư nhờ một hành giả:

- Tôi không quen bút mực, muốn làm một bài tụng, nhờ ông viết giùm lên vách.

Hành giả cười bằng lòng. Đề rằng:

Gặp lần này, gặp lần này!
Muôn lượng vàng ròng cũng tiêu ngay
Nón đội đầu, bao cột lưng,
Gió mát trăng trong đầu gây quấy.

(Giá nhất giao, giá nhất giao.
Vạn lượng hoàng kim đã hợp tiêu
Đầu thượng lạp, yêu hạ bao
Thanh phong minh nguyệt trượng đầu tiêu).

Ngày ngày đó Sư rời Đông Lâm. Đến khi Thiên sư Tông thấy được bài kệ, giật mình nói:

- Có nạt tử chân tham đến đây! Kệ hay quá! Không thể thêm gì vào nữa!

Rồi cho người đi tìm, nhưng không ai biết Sư đã đi đâu.

61. NGÔN PHÁP HOA

Ngôn Pháp Hoa chẳng biết từ đâu đến, tướng Sư cổ quái, nói năng phóng khoáng, ẩn hiện không lường. Sư thường xắn quần vào chợ, hoặc có khi lấy tay vẽ trên không rồi đứng yên hồi lâu. Sư lại kết giao với bọn hàng thịt, ăn uống theo họ, đạo tục đều gọi Sư là Cuồng tăng.

Lúc Sư đến viện Thất Câu Chi ở chùa Cảnh Đức. Thừa tướng Lữ Hứa Công hỏi về đại ý Phật pháp. Sư đáp:

- Xưa nay không một vật, nhất vị thầy đều chơn.

Tăng hỏi:

- Đòi có Phật không?

Sư đáp:

- Trong chùa có Văn Thù.

Hỏi:

- Sư là phàm hay Thánh?

Sư đưa tay lên nói:

- Ta không trụ nơi này.

Niên hiệu Chí Hòa năm thứ ba (1056), vua Nhân Tông ban đầu không được vui vì chưa có người nối ngôi. Thiên hạ buồn bã. Giám quan Phạm Trấn chủ trương làm một cuộc đại nghĩa, xin chọn người hiền trong hàng tôn thất, cho làm thái tử trong khi chờ đợi hoàng tử ra đời. Thông Phán Tinh Châu là Tư Mã Quang cũng nhân đó mà bàn, dâng sớ cho vua đến ba lần. Một đêm, vua thấp hương thầm khẩn: "Ngày mai sẽ thiết trai ở điện Hóa Thành, kính thỉnh đại sĩ Pháp hoa đến dự, đừng chối từ."

Sáng sớm, vua sai Y Ngưng đứng đón. lát sau, ông ta vào báo rằng sư Pháp Hoa đang vào cửa bên phải. Sư vào thẳng tấm điện (phòng ngủ của vua), thị vệ hét đứng lại mà không được. Vua cười bảo:

- Sư đến theo lời trăm thỉnh đó.

Sư leo luôn lên giường vua và ngồi xếp bằng, thợ trai xong bèn đi.
Vua nói:

- Trẫm vì chưa lập được thái tử, đại thân bản cố gắng kiếm con muộn, không biết có được không? Xin Sư định giùm việc này!

Sư đòi giấy bút, viết:

Thập tam, thập tam
Phàm số thập hành.

Rồi ném bút không nói thêm lời nào. Mọi người không hiểu nổi.
Sau này Anh Tông lên ngôi . Vua là con thứ mười ba của An Hiến Vương, nghiệm lại đúng lời Sư đã viết.

Lữ Thần Công mong đúng vào ngày nhậm chức, đốt sớ thỉnh Sư thợ trai. Sáng hôm sau Sư đến nhà ngôi. Công vừa bước ra, tự nghĩ không biết nên lễ hay không? Sư bèn kêu to:

- Già Lữ! Mau ra đây! Lễ cũng được, không lễ cũng được!

Lữ Công thất kinh bèn đến làm lễ. Thợ trai xong. Lữ Công hỏi việc vị lai thế nào? Sư viết hai chữ "Hào Châu".

Về sau nghĩ việc, đến Hào Châu mới rõ. trường hợp Thiên Y Nghĩa gặp Sư ở Cảnh Đức. Sư vỗ lưng Nghĩa Hoài nói:

- Lâm Tế, Đức Sơn đây!

Nghĩa Hoài nhân đó phần khởi hành Thiên, Sư làm hưng thịnh đạo của Vân Môn, con cháu rõ ràng mới thấy lời Sư thật linh nghiệm.

Ngày 23 tháng 11 năm Canh Tý (1960), Sư thị tịch. Trước đó bảo với mọi người:

- Ta từ vô lượng kiếp đến nay, thành tựu rất nhiều quốc độ, phân thân hoàng hóa rộng rãi. Nay ta sẽ về phương Nam.

Nói xong nằm nghiêng bên phải mà tịch.

Có nơi nói: Sư họ Hứa quê ở Thọ Xuân. Đến năm mười lăm tuổi, Sư đạo Đông Đô, xuất gia ở viện Câu Chi, qua lại giảng tứ rất lâu (nơi giảng kinh). Một hôm đọc ngữ lục Vân Môn, hốt nhiên khế ngộ, bèn được linh thông.

Hà Nam Chí nói: Chí Ngôn họ Hứa, từ Thọ Xương đến chùa Cảnh Đức ở Đông Kinh, bói việc cát hung cho người, viết chữ rất mau, nét cứng cõi mạnh mẽ, thoạt xem khó hiểu, về sau ứng nghiệm. Ai dâng cúng thịt nem, Sư cũng ăn hết, đến sông mưa ra hóa thành cá nhỏ lội theo đàn. Khách đi biển gặp sóng gió sắp chìm, liền thấy Sư quăng dây kéo thuyền đưa đi. Đến bến, khách bước xuống. Sư bảo rằng:

- Nếu không có ta, chẳng biết các ông ra sao!

Khách ghi nhớ dáng mạo của Sư chính là người đã dẫn thuyền. Sau Sư tịch, Nhơn Tống đem họa tượng chân thân của Sư thờ trong chùa, bảng đề Hiển Hóa Thiền sư.

62. HÒA THƯỢNG THIÊN TUẾ Ở TRUNG THIÊN TRÚC

Sư tên Bảo Chương, người ở Trung Ấn Độ. Đời Ngụy Tấn, Sư đi về phương Đông, tự bảo rằng mình đã sáu trăm bảy mươi ba tuổi, sanh vào đời Oai Liệt Vương nhà Chu năm thứ mười hai, tức năm Đinh Mão. Lúc mới sanh bàn tay trái nắm chặt, gỡ ra có viên ngọc, nhân đó đặt tên.

Ban đầu Sư đến Nga Mi, Ngũ Đài rồi về phương nam đến Hành Lô; vào đất Kiến Nghiệp gặp Tổ Đạt Ma ở triều Lương bèn hỏi đạo. Ngộ được vô sanh pháp nhẫn. Lương Vũ Đế trọng vì tuổi đạo mời vào nội đình cúng dường. Chưa bao lâu Sư qua Ngô, thuật kệ:

Lương Thành ngộ đạo sư

Tham thiền rõ tâm địa
Phiêu linh đạo tam Triết
Khấp hết non nước đẹp.

Rồi đi thăm khắp danh sơn Lương Triết, ưa thích cảnh Thiên Trúc đẹp đẽ, Sư liền cất am ở đến bốn mươi lăm năm. Rồi Sư đến Thiên Thai ở Tứ Minh, dạo khắp các danh sơn, du lịch nhiều nơi.

Niên hiệu Trịnh Quán thứ mười lăm (641) đời Đường, Sư trở lại Trúc Phong. Khá lâu lại dời đến Bảo Nham, Phổ Giang. Niên hiệu Hiên Khánh thứ hai (657), ngày đầu năm, Sư bắt đầu đắp tượng, chín ngày hoàn thành, giống Sư như hệt. Xong, Sư bảo với đồ đệ:

-Ta ở tạm thế gian này ngàn năm. Từ lúc đến Trung Hoa, thâm thoát đã qua bốn trăm năm. Nay dư ra hết bảy mươi hai năm rồi.

Sư nói kệ xong liền tịch. Người đời gọi Sư là Hòa thượng Thiên Tuế. Sư có dặn rằng:

- Sau khi ta tịch, có vị tăng sẽ đến lấy xương ta, đừng cản.

Năm mươi bốn năm sau, trưởng lão Thích Phù đến đó làm lễ, cửa tháp mở ra, được xương của Sư, toàn bộ tỏa ánh sáng. Nhân đó Trưởng lão giữ lại làm một tháp khác để thờ, tôn Sư làm Thủy Tổ khai sơn ở Trung Thiên Trúc.

Tán rằng:

Người sống bao lăm
Sương sớm mất tăm
Sanh Chu đến Đường
Vốn tạm thế thôi
Đông đời Đạt Ma
Tâm ấn mới truyền
Ai bảo Phật pháp
Chỉ ở Đông Thiên?

(Nhân thọ kỷ hà

Triều lộ thệ xuyên
Sinh Chu, thiệp Đường
Bổn tạm tắc nhiên
Đông trì Đạt Ma
Tâm ấn thủy truyền
Thục vân Phật pháp
Độc tại Đông Thiên?)

63. THIỀN SƯ HOÀN TRUNG đời ĐƯỜNG
- Ở Núi ĐẠI TỬ

Sư tên Hoàn Trung, họ Lư, quê Bồ Phán, sanh ra đã có dị tướng, tiếng nói như chuông. Sư xuất gia tại chùa Đồng Tử ở Tỉnh Châu, thọ tâm ấn với Thiền sư Bá Trượng Hoài Hải, kết am tranh ở núi Nam Nhạc.

Một hôm Nam Tuyên đến hỏi:

- Thế nào là chủ trong am?

Sư đáp:

- Trời xanh, trời xanh!

Nam Tuyên nói:

- Trời xanh để đó, thế nào là chủ trong am?

Sư nói:

- Hội thì hội liền, chớ có nghĩ suy toan tính.

Nam Tuyên phất áo đi ra. Triệu Châu hỏi Sư:

- Bát Nhã lấy gì làm thể?

Sư nói:

- Bát Nhã lấy gì làm thể!

Triệu Châu cười to, bỏ đi.

Sáng hôm sau, Sư thấy Triệu Châu quét sân, bèn hỏi:

- Bát Nhã lấy gì làm thể?

Triệu Châu bỏ chổi, vỗ tay cười to. Sư liền về phương trượng.

Sau Sư trụ núi Đại Từ ở Triết Giang, thượng đường dạy chúng rằng:

- Sơn tăng không biết đáp câu hỏi, chỉ hay biết bệnh.

Lại nói:

- Nói được một trượng, chẳng bằng hành một tác.

Lúc người học quá đông, trên núi thiếu nước, Sư định dời chỗ. Đêm mộng thấy thần nhân báo rằng:

- Xin Ngài chớ lo điều chi! Tôi sẽ sai đồng tử nhỏ ở Nam Nhạc đào suối để Sư dùng.

Sáng mai, thấy hai con cọp dùng móng bới đất, nước tự phun lên, ngọt như mạch nha. Có tăng từ Nam Nhạc đến nói:

- Tiểu đồng tử! Suối cạn vậy!

Do đó Đông Pha có đề thơ rằng:

Tháp đá sừng sững trên đỉnh Đông
Lão này mới đến, trăm thần mong
Hổ đòi miệng suối cúng hành khước
Rồng làm hoa sóng dâng chân tăng
Đến nay du nhân tắm rửa xong
Nằm nghe tiếng vang của diệu không

Nên biết lão này truyền như thế
Chớ nghĩ đến đi như nhân gian.

(Đình đình thạch tháp đông phong thượng
Thử lão sơ lai bách thần ngưỡng
Hổ di tuyền nhãn sấn hành khước
Long tác lãng hoa cung vũ chương
Chí kim du nhân quán trạc bãi
Ngọa thình không giai hoàn âm hưởng
Cổ tri thử lão như thử truyền
Mạc tác nhân gian khứ lai tưởng).

Ngày 15 tháng 3 niên hiệu Hàm Thông thứ ba (862), Sư không bệnh mà tịch, thọ 83 tuổi, 54 tuổi hạ. Vua Y Tông ban thụy là Đại Sư Tánh Không, tháp là Định Huệ.

Tán:

Tu hành chân thật
Tâm ngộ không bờ
Nam Tuyền, Triệu Châu
Đổi đáp nêu cao
Ở chốn hàn tuyền
Hổ đến giúp nhau
Đức này cảm đầy
Gió mát trời trong.
(Lý tiền chân thật
Tâm ngộ vô tề
Nam Tuyền, Triệu Châu
Kích dương thù đối
Cư chi hàn tuyền
Hổ bào dĩ tề
Duy đức tư ảnh
Phong thanh nhật lệ).

64. ĐẠI SĨ HẢI VÂN

Ấn Giảng người Ninh Viễn, Phong Cốc, Sơn Tây, họ Tống con của Vi Tử. Sư sanh niên hiệu Thái Hòa năm Nhâm Tuất đời Kim (1202), nhân phẩm cao quý, khôi vĩ. Thuở nhỏ Sư thông minh đỉnh ngộ.

Năm bảy tuổi cha đưa chương Khai Minh Tông Nghĩa của Hiếu Kinh cho xem. Sư hỏi:

- Khai là tông gì? Minh là nghĩa gì?

Cha kinh dị, biết không phải là người thường, bèn đưa Sư đến thăm ngài Truyền Giới Nhan Công. Nhan Công muốn xem căn khí của Sư, mới trao bài Thảo Am Ca (Thảo Am Ca của ngài Thạch Đầu Hy Thiên) cho Sư đọc. Đến chỗ "Hoại cùng chẳng hoại, chủ vẫn đó". Sư hỏi rằng:

- Chủ ở đâu?

Nhan Công hỏi lại:

- Chủ nào?

Sư thưa:

- Người lia hoại và bất hoại.

Nhan Công bảo:

- Đây là khách vậy!

Sư nói:

- Chủ đấy!

Nhan Công trầm ngâm rồi thôi.

Sư tìm đến lễ ngài Trung Quán Chiêu Công làm thầy. Năm mười một tuổi, được thọ đại giới. Thượng tọa Hồng Ngạn mới hỏi Sư rằng:

- Nay thọ đại giới rồi, vì sao mà làm tiểu tăng?

Sư đáp:

- Vì tăng nhỏ nhưng giới lớn.

Sư hỏi thử lại:

- Thượng tọa giới lớn hay nhỏ.

Đáp:

- Thân tôi dĩ nhiên đã già.

Nói chưa dứt lời, Sư lớn tiếng nói:

- Đừng phân biệt nữa!

Một hôm Thượng tọa sai tăng đi ra ngoài. Sư vỗ lưng tăng, đợi vị tăng này quay đầu trở lại, Sư giơ một ngón tay lên. Tăng theo đó vỗ lưng Sư, Sư cũng giơ một ngón tay lên. Thượng tọa rất ngạc nhiên.

Năm mười hai tuổi, ngài Trung Quán nghe Sư tham vấn, bèn dạy:

- Hãy ngừng mọi tâm muốn biết về văn tự ngữ ngôn. Chỉ để tâm như cây cầu, như tro nguội. Hết sức dụng công cho thuần thực, ngộ giải cho chân thật. Một phen chết hẵn (đại tử), sạch mọi tập khí dư thừa. Đến thời tiết đó tự nhiên rõ biết, lại cùng ta gặp gỡ.

Sư kính cẩn nghe dạy.

Một hôm Sư theo ngài Trung Quán đi, Trung Quán hỏi:

- Thiên sư Pháp Đăng nói: "Xem việc nhà người rộn ràng hãy nói nương sức ai?" Ông làm sao hội?

Sư liền kéo tay Trung Quán. Trung Quán bảo:

- Tên dã hồ tinh này!

Sư thưa:

- Vâng, vâng!

Năm mươi ba tuổi, vua Thành Cát Tư Hãn thống trị thiên hạ, Sư ở Ninh Viễn, ngoài thành bị bao vây, nhiều người xúi Sư để tóc. Sư bảo:

- Nếu theo phép nước, thì mất tăng tướng.

Bèn giữ như cũ.

Năm mươi tám tuổi, quân Nguyên lại chiếm Nam Thành. Tứ chúng giải tán, chạy trốn. Một mình Sư ở lại hầu ngài Trung Quán. Trung Quán nói:

- Ta tuổi đã già, con còn trai tráng. Ngày nay vàng đá đều bị đốt hết, thì có ích gì? Con nên đi đi!

Sư khóc thưa:

- Nhân quả không sai, sống chết có mạng. Làm sao con bỏ Thầy mà cầu thoát thân được? Nếu thoát được, cũng chẳng xứng làm người.

Trung Quán thấy Sư tâm thành, dặn dò:

- Ông có nhân duyên lớn ở Sóc Mạc. Ta với ông cùng đến phương Bắc vậy.

Hôm sau thành bị hạ. Nguyên soái Sử Thiên Trạch trông thấy Su, tức giận hỏi:

- Ngươi là ai?

Đáp:

- Tôi là Sa môn.

Sử hỏi:

- Có ăn thịt không?

Hỏi:

- Thịt gì?

- Thịt người.

Su bảo:

- Người không phải thú vật. Thịt cạp beo còn chẳng nên ăn, huống gì là thịt người.

Sử Thiên Trạch nói:

- Ngày nay, ngươi ở dưới mũi thương của quân lính, có thể toàn mạng được sao?

Su đáp:

- Ất phải nhờ cậy Ngài giúp đỡ.

Sử Thiên Trạch rất hài lòng. Lại có Nguyên soái Lý Thất Ca hỏi:

- Ông đã làm tăng, vậy thuộc thiên hay giáo?

Su đáp:

- Thiên giáo đều là lông cánh của tăng, như nước dùng người phải gồm cả vẩn vờ.

Lý nói:

- Đúng rồi, nhưng ông theo bên nào?

Sư nói:

- Chẳng theo cả hai.

Lý hỏi:

- Ông là gì?

- Thầy chùa.

Rồi tiếp:

- Thầy tôi cũng đang ở đây.

Hai vị này thấy Sư còn nhỏ tuổi mà chẳng sợ sệt, ứng đáp khác thường, liền cùng nhau đến gặp ngài Trung Quán. Nghe ngài chỉ dạy chí thiết, bèn rất vui vẻ thưa:

- Có cha này phải có con này vậy.

Rồi lễ Trung Quán làm thầy và cùng Sư kết nghĩa đá vàng.

Đến đây, Quốc vương ban ân lớn, mời về viện Hương Tuyền, Hưng An, ban hiệu ngài Trung Quán là Từ Văn Chính Giác Đại Thiên Sư, còn Sư là Tịch Chiêu Anh Ngô Đại Sư, mọi nhu yếu đều do quan chu cấp. Khi ngài Trung Quán thị tịch. Sư khát thực rồi về canh tháp cho Ngài. Một hôm nghe trên không có tiếng kêu tên mình, Sư chợt tỉnh, bèn dời về ở đạo viện Tam Phong. Lại hỏi Người, Người nói:

- Việc con muốn thành, nên đi chớ trệ ở đây.

Tờ mờ sáng, Sư về Yên Kinh. Qua Tùng Phô mắc mưa, phải núp dưới núi. Nhân sấm chớp mà đại ngộ. Sư tự rờ lên mặt nói:

- Hôm nay mới biết mày ngang mũi dọc, mới tin lời các lão Hòa thượng trong thiên hạ chẳng mê hoặc người.

Trước đây lúc ngài Trung Quán sắp tịch, Sư hỏi:

- Con nên nương theo ai để rõ việc lớn này?

Trung Quán bảo:

- Nương Khánh Tâm Mười!

Sư đến Yên Kinh vào chùa Đại Khánh Thọ, mới tin lời ngài Trung Quán nói. Sư đến yết kiến lão nhân Trung Hòa Chương Công. Trước đó một hôm, lão nhân đêm mộng thấy một dị tăng cầm gậy đến phương trượng ngồi lên tòa sư tử. Hôm sau Sư đến, Trung Hòa cười bảo:

- Người này đúng là người đêm qua đến mộng của ta.

Sư hỏi:

- Con không đến mà đến, làm thế nào gặp nhau?

Trung Hòa nói:

- Tham nên thực tham, ngộ nên thực ngộ. Chớ đánh chôn rùng!

Sư nói:

- Con nhân sấm chớp toi bời, mới biết mày ngang mũi dọc.

Trung Hòa bảo:

- Chỗ này thì ta khác.

Sư hỏi:

- Thầy thế nào?

Trung Hòa nói:

- Răng là một miếng xương, tai là hai miếng da.

Sư thưa:

- Nên nói riêng có.

- Lâm!

Sư hét:

- Giặc cỏ đại bại!

Trung Hòa bèn thôi. Ngày sau, Trung Hòa lại đưa chuyện: "Thủ tọa lương đường cùng hết" của Lâm Tế. Sư đưa nắm tay đấm một cái. Lúc ấy Trượng đường chấn động, Trung Hòa ấn ký cho Sư.

Lúc xuất thế, Sư thường ngồi đại đạo tràng theo lời mời của Thái sư, Quốc vương cùng các trọng thần. Trong thất, Sư thường dùng bốn lời "vô y" để khám nghiệm người học, chẳng ai đương nổi. Một hôm, Sư gặp vài vị tăng dưới hiên, liền hỏi mà không người khế hợp, Sư bèn đánh. Đến vị cuối cùng, Sư hỏi:

- Ông đi đâu đây?

Tăng thưa:

- Tìm Hòa thượng.

- Tìm ông ta làm gì?

- Để đánh đau một trận.

Sư hỏi:

- Lấy cái gì đánh?

Tăng nhìn quanh nói:

- Không đem gậy theo!

Sư bèn đánh bốn roi nói:

- Cái tên đánh trống này!

Chúng bỏ chạy. Sư gọi lại:

- Các Thượng tọa!

Mọi người quay đầu. Sư bảo:

- Là cái gì?

Tháng Giêng, năm Đinh Dậu, Sư được ban thêm hiệu Tiên Thiên Trấn Quốc Đại Sĩ. Mùa Đông năm Kỷ Hợi, Sư vâng mệnh làm trụ trì chùa Đại Khánh Thọ. Năm Nhâm Dần, vua Hốt Tất Liệt mời Sư đến dưới trướng hỏi về đại ý Phật pháp. Vua rất vui, theo Sư thọ Bồ tát giới. Nhân đó Sư tâm rằng:

- Trong pháp Phật, bàn về việc Miếu Đường, trong phẩm Vương Pháp Chính Luận có nói rõ, không khó không dễ, chỉ sợ vua không thể làm hết. Vua nên gặp các bậc đại hiền, thạc nho trong thiên hạ hỏi việc trị loạn, hưng vong xưa nay, có chỗ nên nghe vậy.

Vua vui lắm, ban cho Sư áo hoa dát châu, một đại y bằng kim tuyến không cần may, cung phụng Sư theo lễ thầy trò. Lúc sắp từ biệt vua, vua hỏi:

- Phật pháp từ đây thọ trì thế nào?

Sư nói:

- Lòng tin khó sanh, tâm Bồ đề khó phát, nay vua đã phát sanh được, cần phải hộ trì chuyên nhất chẳng quên. Không nên thấy lỗi của Tam Bảo, hằng nhớ sự bất an của dân chúng, khéo vỗ về họ, thường phạt cho rõ ràng. Ngài nên chấp chánh vô tư, nghe theo người hiền, nhận lời can gián. Trong mọi lúc, tất cả việc làm của Ngài sẽ thuận theo Phật pháp vậy.

Sư đi rồi, có một số người ác bụng lời chê bai Phật pháp. Vua hạch tội họ và gia đình, đồng thời sai sứ báo cho Sư hay. Sư tâu lại:

- Gương sáng trên đài, tốt xấu tự hiện, mũi thần trong tay, thường phạt vô tư, cần được chánh niệm hiện tiền, có thể giết tà kiến, ngoại ma, nhưng nhà vua nên lấy lòng khoan thứ mới phải.

Vua càng thêm kính phục mời Sư về làm Tăng thống ban cho muôn lượng bạch kim. Nơi chùa Hạo Thiên, Sư lập hội lớn để cầu phước cho đất nước.

Hoàng đế Mông Ca lên ngôi lưu tâm mọi việc. Mùa hạ năm Bính Thìn (1256), Húc Oai Liệt Vương, ban cho gậy vàng, ca-sa kim tuyến, xin Sư dùng pháp ngữ khai thị. Tháng bảy, Sư họp các kỳ cựu, chọn vài vị tài giỏi, để coi sóc việc sau. Mùa hạ năm Đinh Ty (1257), nói kệ xong, Sư bảo:

- Các ông chớ ồn náo, ta muốn nằm nghỉ.

Thị giả vội vàng kêu người chủ sự đến. Sư nằm theo thế kiết tường nhẹ nhàng mà tịch, thọ 56 tuổi. Trà tỳ được xá lợi vô số.

Vua Hốt Tất Liệt xây tháp ở chùa Đại Khánh Thọ, ban hiệu là Phật Nhật Viên Minh Đại Sư, dòng Lâm Tế đời thứ mười sáu.

65. TUYỀN ĐẠI ĐẠO

Cốc Tuyền, người Tuyền Nam, lúc nhỏ rất thông minh, nhưng ăn ở như bần, nói năng lớn lối, thiếu khiêm nhường, không ai ưa. Ông

bỏ nhà làm Sa môn, mà không giữ giới luật, làm theo ý mình, tăng chúng gai mắt nên hễ Sư vào tông lâm là bị đuổi đi, Sư cũng chẳng bận tâm.

Sư đến Phần Dương, ngài Thiện Chiếu lấy làm lạ, ngầm thọ ký. Sư lại trở về Nam, sóng phóng lãng, qua lại đôi lần trong vùng Hồ Tương, đến Đạo Ngô gặp Từ Minh. Ở Đạo Ngô có ao, độc long ẩn dưới đó. Dù chỉ lá rụng thôi, sóng cũng dậy động, rồi mưa giông sấm sét suốt ngày. Đi qua ao này không ai dám thờ. Buổi chiều, Sư cùng Từ Minh trở về. Trời thu nóng bức, Sư nắm áo Từ Minh rủ:

- Dám tắm không?

Từ Minh giựt tay áo lại bỏ đi thẳng. Sư cởi áo nhảy xuống ao, sấm sét nổi dậy, gió tanh thổi đến, mưa như trút nước, cây cối ngã rạp. Từ Minh ngồi trong đám cỏ, nghĩ bụng Cốc Tuyên chắc chết. Lát sau mưa tạnh chợt thấy Sư trôi đầu lên bờ khi.

Sau Sư trụ Nam Nhạc, hang Lại Toàn. Rồi dời về am Ba Tiêu, rồi đến am Bảo Chân. Sư đề thơ trên vách Ba Tiêu rằng:

Am Ba Tiêu ta đây
Ẩn sau lớp lớp mây
Cảnh lạ quanh co chưa rảnh đếm
Trước thấy từng nhỏ ba bốn cây
Lạnh đến đốt sam khô
Đói ăn củ khoai bự
Nay mà bỏ nó đi
Không biết ai đến ở?

(Dư thử Ba Tiêu am
U chiếm đôi vân xứ
Bàn bàn dị cảnh vị hạ sở
Tiên khán ải từng tam tứ thọ
Hàn lai thiêu khô sam
Ngạ san đại tử dụ
Nhị kim khí chi khứ
Bất truy lai trụ).

Sư trụ Bảo Chân, đêm ngồi dưới ngọn Chúc Dung, bị một con trăn lớn quấn quanh mình. Sư lấy dây lưng cột ngang mình nó. Sáng ra chống gậy đi tìm, thấy dây lưng treo trên ngọn tùng, té ra tùng thành yêu. Sư thường đến huyện Hành Sơn, thấy hàng thịt đang xẻ thịt, liền đứng cạnh, điệu bộ thiếu não, chỉ thịt rồi chỉ vào miệng mình. Đồ tể hỏi:

- Ông cầm hả?

Sư gật đầu. Đồ tể tội nghiệp cắt một miếng thịt bỏ vào bát Sư. Sư vui vẻ đi ra, rồi ngoái vào cảm ơn. Cả chợ đều cười ồ lên, Sư vẫn thản nhiên, treo bầu rượu lớn đầu gậy vào núi. Gặp người hỏi trong bầu có gì? Sư trả lời:

- Tương đại đạo.

Rồi làm kệ:

Ta lại quản gì trời của anh,
Quản gì đất của anh,
Khoác cái áo giấy rách,
Cứ việc nằm ngủ khò.
Mặc kệ mặt trời lên phương Đông,
Mặt trăng lặn phương Tây,
Vinh nhục ăn thua gì đến ta.
Hưng vong chẳng dính dáng
Một cây trụ trụ, một bầu hồ lô.
Chạy hết núi Nam qua núi Bắc
Nuôi một đầy tớ tên Điều Cổ (con trâu thuần)
Ta sai lượm củi, múc nước suối,
Hoặc gọi ngồi cùng trong núi đá.
Tặng hẳn bài kệ rằng:
Ta có sơn đồng tên Điều Cổ,
Không tụng kinh, chẳng lễ Tổ.
Biết đốn cây ngừa đông lạnh
Áo quần tùy phận rách chẳng vá.
Biết trồng rau, hay cắm khoai

Ngàn núi muôn núi đi chẳng sợ
A ha ha!! Có chỗ yên ổn nào hơn nữa?

(Ngã hựu thùỳ quản nễ thiên
Thùỳ quản nễ địa,
Trước cá phá chỉ áo
Nhất vị công đả thùỳ
Nhất nhâm kim ô đông thượng
Ngọc thổ tây đọa,
Vinh nhục hà dự ngã
Hưng vong bất tương quan
Nhất điều trụ trụợng,
Nhất hồ lô gian
Tẩu nam Sơn dữ Bắc Sơn
Súc nhất nô danh Điều Cổ
Tự linh thập tân cấp giản
Hoặc hô đối tọa nham thạch gian
Tặng chi dĩ kệ viết:
Ngã hữu sơn đồng danh Điều Cổ
Bất tụng kinh, bất lễ Tổ
Giải bàn cốt đốt ngữ đông hàn
Tuỳ phận y thường phá bất bỏ
Hội tài sơ, năng chủng dụ
Thiên sơn vạn sơn khứ vô cụ
A ha ha!
Hữu thậm thảo xứ ỷ?)

Có thượng tọa đến tham vấn hỏi:

- Am chủ ở đâu?

Sư hỏi:

- Ai đó?

Đáp:

- Tặng hành khước.

Hỏi:

- Đến làm gì?
- Lễ bái am chủ.
- Vừa lúc am chủ không có nhà.
- Chính là Ngài mà!

Sư bảo:

- Đã nói không có nhà mà còn nói cái gì là ngài với ngài ...

Rồi vác gậy đuổi ra. Ngày kế ông lại đến, cũng bị đuổi ra. Một hôm lại đến, Sư nắm đứng lại hỏi:

- Chỗ ta ở đây, đầy phần tiêu của cạp beo qua lại. Con quỷ này ba lần đến, hai lần đi, ông muốn gì?

Tăng thưa:

- Người ta bảo am chủ từng thân gặp Phần Dương, nên tôi đến tìm.

Sư hớn hờ cười áo nói:

- Ông bảo ta đã gặp Phần Dương, xem có gì kỳ đặc không?

Sau Sư gặp Từ Minh, làm kệ rằng:

Xa nhau đã nửa năm,
Biết còn ai chuyện thiền với tôi!
Tương Sơn một dây vò
Ông nuôi đồ chúng, tôi vui giấc say.

(Tương biệt nhi kim hựu bán niên
bất tri thủy cộng đối đàm thiền!
Nhất ban tứ sắc Tương Sơn lý

Nhữ tự khuông đồ, ngã tự miên).

Tự Minh cười mà thôi, rồi sai Nam Công (Huệ Nam) lại gặp Sư. Hai bên trò chuyện, Nam Công kinh hãi nói:

- Khấp trong năm châu mới có được đạo nhân méo này chẳng?

Khoảng niên hiệu Gia Hựu, Sư vì người sàm báng nên đang ở Kinh Do, Thanh Tăng bị bắt giam vào ngục ở Xâm Châu. Trời nóng nực, Sư phải gánh đất, qua ngã tư đường. Sư buông gánh xuống nói:

Sáng nay 6 tháng 6
Cốc Tuyên bị bỏ cuộc
Không phải lên thiên đường
Ắt là xuống địa ngục.

(Kim triều lục nguyệt lục
Cốc Tuyên bị chí khúc
Bất thị thương thiên đường
Tiện thị nhập địa ngục).

Nói xong cười nhẹ, thần nhiên thoát xác. Trà tỳ xá lợi đêm không nổi. Người đất Xâm dựng khám thờ. Sư thọ 94 tuổi.

66. ĐỒ ĐỘC SÁCH

Sư tên Trí Sách, họ Trần ở Thiên Thai, tự hiệu là Đồ Độc Nham Chủ.

Sư thông minh đỉnh ngộ khác thường, phong cách cao vời, có chí xuất trần.

Năm mươi sáu tuổi, Sư cạo tóc, học tập kinh luật, thông suốt nghĩa lý hơn hẳn mọi người.

Năm mươi chín tuổi, Sư đến chùa Quốc Thanh, yết kiến ngài Tịch Thất Quang, hốt nhiên được tính ngộ.

Ngài Tịch Thất hứa khả cho Sư và nói với các Trưởng lão trong tông lâm rằng không ai vượt qua nổi Sư.

Ngài Vô Thị ở chùa Dục Vương, ngài Đại Viên ở chùa Vạn Thọ là những bậc danh đức một thời đều kính phục Sư.

Đại Viên nói:

- Thọng nhơn Trí Sách là người "không dũa gọt mà đẹp, không cần đỡ mà thẳng".

Khi Sư từ giã, Đại Viên đưa ra cửa, vỗ lưng Sư nói:

- Bảo sở gần đây, thành này chẳng thực.

Sư gật đầu. Sư đến Dự Chương yết kiến ngài Điền Ngưu, Vân Cư ở Đạo Do, đường bị tuyết lấp đầy, Sư phải ở lại bốn mươi hai ngày. Một hôm nghe tiếng bảng trưa. Su hoát nhiên đại ngộ. Ngài Điền Ngưu ấn khả rằng:

- Ông thật xuất cách, siêu vượt Phật Tổ, ngày sau dựng lập tông môn, chỉ cần một con lân như thế là đủ rồi. Sư Chơn Tịnh nếu còn, thấy ông cũng bái phục.

Điền Ngưu cơ biện cao vút, chẳng ai chạm nổi mũi nhọn này. Sư cùng Ngài bình uận kim cổ như gió cuốn suối tuôn, người nghe hết lòng khâm phục.

Sư từ biệt Điền Ngưu, cất am ở phía Tây sông Hoài. Khi ngài Đại Viên dòi về Đại Khê, Sư được mời làm Đệ nhất tòa. Sư hay đến phương trượng thăm hỏi, có hôm thấy Đại Viên buồn bã gục đầu chẳng nói, Sư hỏi:

- Sao Thầy buồn vậy?

Đại Viên nói:

- Chúng tui đông đảo như hội Tuyết Phong, Quy Sơn mà toàn là những người nói chuyện trời đất, thành ra không có người kể thế. Ý ông thế nào?

Sư thưa:

- Tham học chỉ sợ không có gốc. Nếu có gốc rồi thì thuyết pháp cho tượng đất cũng bằng các bậc cao sơn khắp nơi.

Đại Viên than;

- Con ta tri thức hơn người. Vị rượu ngon, canh ngọt không phải hạng tầm thường biết được.

Sư quay về phương Đông, phân tòa ở chùa Quốc Thanh. Ngài Thủ Am Nguyên Phương ở chùa Hộ Quốc nói với Sư rằng:

- Ông trở về đây như ngọn Tam Sơn (ba ngọn núi) to lớn, hay như ngọn hải triều.

Sư xuất thế ở chùa Phổ Trạch tại Hoàng Nham, vì ngài Diên Ngưu mà thấp hương. Sau trải qua các nơi như Thái bình ở Thai Châu, Tường Phủ ở Cát Châu, Đẳng Từ ở Việt Châu và Đại Năng Nhon, Sư đến chỗ nào đạo pháp chỗ ấy hưng thịnh. Cuối cùng Sư trở về Hộ Quốc Hoa Tạng, đến ở Kính Sơn. Tuy đã già, Sư vẫn cố gắng hành Tồ đạo, chúng đông hơn ngàn người. Sắp tịch, Sư gọi môn nhon đến dặn dò hậu sự, rồi nói:

- Các ông làm văn tế cho ta nghe!

Sư sửa áo ngồi nghe, đến chỗ "Thượng hưởng". Sư trợn mắt cười. Qua hai ngày sau, Sư an nhiên thị tịch, thọ bảy mươi sáu tuổi, sáu mươi tuổi hạ. Môn nhon xây tháp thờ toàn thân Sư ở chân núi Đông Vồng.

Sư tánh tình ngay thẳng, cư xử nói nín nghiêm túc như thế, đặc biệt không thích giao du phù phiếm, kính mộ người lành, bằng không thì dù thân thích cũng tuyệt nhiên không tiếp xúc.

Sư thuyết pháp độ người, quang minh lỗi lạc nổi tiếng một thời. Người ngưỡng vọng Sư mà hướng về như mây ùn, sóng bủa. Họ

mong được gần gũi, nói cười một lần với Sư, cũng lấy làm hân hạnh.

Thực là bên bờ trong đời mạt pháp, rất hiếm hoi vậy!

67. THÁI ÚY LỮ HUỆ KHANH

Thời NGŨ TỔ PHÁP DIỄN

Thường quán pháp giới Hoa Nghiêm. Nhân ngày rảnh rỗi, dạo núi Ngũ Đài. Chợt mây mù bốn phía nổi lên, gió giông, sấm chớp, tiếng mưa chấn động núi rừng. Khanh khiếp sợ.

Giây lát, trời mưa hơi ngớt, thấy một Đồng tử áo vá, trùm tóc mà đến, tay cầm kinh đến hỏi:

- Quan nhân tìm gì ở đây?

- Mong gặp Đại sĩ.

- Muốn gặp làm gì?

- Thường xem kinh Hoa Nghiêm, ý chỉ rất sâu rộng. Tôi muốn mong Đại sĩ giảng dạy diệu giải. Ngõ hầu kinh điển được lưu hành, người có đại tâm được khai ngộ.

- Diệu ý của chư Phật rất giản dị minh bạch. Bậc Tiên Đức chú giải có thể hiểu, như một phẩm Thập Địa, văn giải thích chẳng quá vài trang giấy. Ngày nay người ta chú giải loạn xạ gần trăm quyển, càng cách xa ý Thánh. Thật có thể nói phá nát đại đạo.

- Đồng tử mặt mũi như thế mà dám quở trách tiền bối sao?

Đồng tử cười nói:

- Quan nhân lầm rồi. Ở đây một ngọn cây, một cọng cỏ đều là cảnh giới Văn Thù. Ngay chỗ xúc sự hàng ngày của ông không bị mê mờ, đó thật là Văn Thù.

Khanh liền xuống lễ bái, vừa đứng dậy. Đồng tử hiện thân Đại sĩ, cười sư tử ẩn hiện trong mây mà tan.

68. NAM AN VÂN PHONG tự VIÊN

Đạo Viên, Người Nam Hùng, tánh tình thuần hậu. Thuở trẻ Sư đi du phương, tuy tham vấn nhiều nơi mà vẫn chưa thấu triệt. Sau Sư nghe danh Thiền sư Nam ở am Tích Thúy núi Hoàng Bá đến nương.

Một hôm, Sư đang ngồi yên dưới bảng, nghe hai ông tăng đưa ra nhân duyên Bách Trượng Dã Hồ.

Một tăng nói:

- Chỉ như "Không mờ nhân quả" cũng chưa thoát khỏi thân dã hồ.

Tăng kia lên tiếng:

- Thế thì "Chẳng rơi nhân quả" cũng từng đọa vào thân dã hồ sao?

Đạo Viên sợ hãi, lạ lùng, bất giác đứng dậy khỏi am. Sư đi qua khe suối hốt nhiên đại ngộ. Gặp Nam Công, Sư trình bày mọi sự, nói chưa xong lệ đã tràn đầy má. Nam Công bảo hầu bên giường, Sư vùi xuống ngủ, thức dậy làm kệ:

Chẳng rơi, chẳng mờ
Chẳng tục vốn không úy kỵ
Trượng phu chí khí như vua
Đâu chịu túi che, mền đây.
Một cây lang lật mặc tung hoành
Chớ rùng nhảy vào bầy sư tử.

(Bất lạc, bất muội
Tăng tục bốn vô kỵ hủ
Trượng phu khí trụ như vương
Tranh thọ nang tàng bị cái
Nhất điều lang lật nhậm tung hoành.

Dã hồ khiêu nhập kim mao đội).

Nam Công cười to. Về sau, Sư lại làm bài kệ "Gió, phước" như sau:

Chẳng phải gió hề chẳng phải phước
Mây trắng như xưa che núi xanh
Năm đến lão già đà hết sức
Trong lúc lãng xãng trộm chút nhàn.

(Bất thị phong hề bất thị phan,
Bạch vân y cựu phú thanh san
Niên lai lão đại hồn vô lực
Thu đắc mang trung ta tử nhàn).

Lão nhân Vân Am thường số giải hai bài kệ này, hết lời khen ngợi, bảo rằng cơ phong của Sư không kém ngài Anh Thiệu Vũ. Sau Sư xuất thế ở chùa Đại Dữ Vân phong. Không biết cuối đời Sư ra sao.

69. THƯỢNG TỌA THÁI NGUYÊN

Thượng tọa Thái Nguyên Phù, lúc đầu ở chùa Quang Hiếu Dương Châu. Sư giảng kinh Niết Bàn, hôm ấy có Thiền giả bị tuyết cản trở phải ở lại vùng này, nhân vậy đến nghe Sư giảng, đến chỗ "Tam nhân Phật tánh, tam đức Pháp thân". Sư bàn rộng về diệu lý Pháp thân. Vị thiền giả phá ra cười. Sư giảng xong, mời Thiền giả uống trà và thưa:

- Tôi vốn chí hẹp hòi, cứ y văn mà giải nghĩa. May nhờ Ngài thấy được mà cười. Mong Ngài chỉ dạy.

Thiền giả nói:

- Sự thật tôi cười vì tọa chủ không biết Pháp thân.

Sư thưa:

- Tôi hiểu như thế có chỗ nào không đúng?

Thiền giả nói:

- Mời Tọa chủ nói lại một lượt đi!

Sư bảo:

- Lý Pháp thân như bầu thái hư, dọc suốt ba đời, ngang trùm mười phương, cuốn gọn tám cực, bao quát âm dương, tùy duyên cơ cảm, không đâu chẳng khắp.

Thiền chủ nói:

- Không phải tôi bảo Thầy nói không đúng. Nhưng đó chỉ nói được bên cạnh Pháp thân, chứ thực chưa hề biết Pháp thân.

Sư nói:

- Đã thế, xin Thiền đức cho tôi được nghe.

- Nhưng liệu Tọa chủ có chịu tin chẳng?

- Tôi đâu dám chẳng tin.

Thiền giả nói:

- Tọa chủ thử ngưng giảng một tuần, đóng cửa ngòi yên, thu nhiếp tâm niệm, các duyên thiện ác một lúc buông hết.

Sư theo lời khuyên, từ đầu hôm đến canh năm, nghe tiếng đánh trống, hốt nhiên khế ngộ. Sư liền đến gõ cửa Thiền giả. Thiền giả hỏi:

- Ai đó?

Sư thưa:

- Tôi đây!

Thiên giả quát:

- Tôi bảo ông chuyên trì đại giáo, thay Phật thuyết pháp, sao giờ giữa đêm lại nằm say sưa giữa đường vậy?

Sư thưa:

- Thiên đức ! Từ trước đến giờ, tôi giảng kinh đều lấy lỗ mũi của cha mẹ sanh ra. Từ nay về sau, tôi trọn không dám thế nữa.

Thiên giả nói:

- Ông đi đi! Bữa khác gặp!

Sư bèn bãi giảng, đi khắp các nơi, danh vang khắp chốn. Sư dạo khắp vùng Chiết Giang, lên pháp hội Kính Sơn. Một hôm Sư đến trước đại Phật điện. Có tăng hỏi:

- Thượng toạ đã từng đến Ngũ Đài chưa?

- Rồi.

- Có thấy Ngài Văn Thù chăng?

- Thấy.

- Thấy Ngài ở đâu?

- Thấy trước điện Phật ở Kính Sơn.

Vị tăng này sau đến Môn Châu, kể lại cho Tuyết Phong, Tuyết Phong nói:

- Sao chẳng bảo ông ta lại đây!

Sư nghe được liền đến. Vừa đến chân núi, Sư dừng nghỉ ở nhà nghỉ (giải viện), lấy cam chia cho mọi người. Trường Khánh hỏi:

- Đem từ đâu đến?

Sư đáp:

- Từ ngoài núi.

- Lặn lội xa xôi, gánh được đến đây không phải dễ.

Sư kêu lên:

- Cam, cam!

Ngày hôm sau Sư lên núi, Tuyết Phong hay tin bèn nhóm chúng. Sư lên pháp đường quay nhìn Tuyết Phong, rồi nhìn xuống tri sự. Ngày mai mới lên lễ bái, thưa:

- Hôm qua con xúc phạm Hòa thượng.

Ngài Tuyết Phong nói:

- Biết là việc quanh co thì thôi.

Một hôm, Tuyết Phong thấy Sư liền chỉ mặt trời, Sư phát tay mà đi. Tuyết Phong nói:

- Ông không chấp nhận ta sao?

Sư nói:

- Hòa thượng lắc đầu, con vẫy đuôi. Có chỗ nào con không chấp nhận đâu?

Tuyết Phong nói:

- Rốt ráo cũng không kiêng tránh.

Một hôm chúng tăng vẫn tham, Tuyết Phong nằm ngủ trong phòng. Sư bảo:

- Trong khắp năm châu, may có lão Hòa thượng này đáng nể chút ít.

Tuyết Phong liền ngồi dậy đi ra.

Ngài thường hỏi Sư:

- Nghe nói Lâm Tế có ba câu phải không?

- Dạ phải.

- Câu thứ nhất ra sao?

Sư đưa mắt nhìn Ngài. Tuyết Phong nói:

- Đây vẫn còn là câu thứ hai. Thế nào là câu thứ nhất?

Sư xoa tay mà lui ra.

Từ đó, Tuyết Phong biết Sư là bậc đại pháp khí, vào thất ấn giải cho Sư. Sư nhờ đó khế hợp với đạo, bèn ở lại đây, trông coi nhà tắm.

Một hôm Huyền Sa lên thăm Tuyết Phong. Tuyết Phong nói:

- Ở đây có một con chuột già, đang ở trong nhà tắm.

Huyền Sa nói:

- Đợi tôi khám nghiệm cho Hòa thượng!

Nói xong, Ngài đi xuống nhà tắm, gặp Sư đang xách nước, Huyền Sa nói:

- A! Gặp được Thượng tọa đây!

Sư nói:

- Đã gặp nhau rồi.

Huyền Sa nói:

- Gặp nhau ở kiếp nào?

Sư nói:

- Nói mớ làm chi?

Huyền Sa bỏ về phương trượng, trình lại Tuyết Phong, nói:

- Tôi đã khám phá xong.

Tuyết Phong hỏi:

- Khám phá ra sao?

Huyền Sa kể lại, Tuyết Phong bảo:

- Ông thua rồi!

Cổ Sơn hỏi Sư;

- Lúc cha mẹ sanh, cái lỗ mũi ở chỗ nào?

Sư bảo:

- Lão huynh nói trước đi!

Cổ Sơn nói:

- Như đời nay vậy. Còn ông nói sao?

Sư không chấp nhận. Cô Sơn hỏi:

- Chứ làm sao?

Sư bảo:

- Đưa giùm cái quạt lại đây!

Cổ Sơn đưa quạt rồi hỏi lại. Sư phe phẩy quạt không đáp. Cổ Sơn mờ mịt, đấm Sư một đấm.

Sau Cổ Sơn nhận lời mời của vua về kinh. Tuyết Phong đưa ra cửa, cùng đến pháp đường mới nói:

- Một mũi tên Thánh sắp bắn thẳng vào thành vua!

Sư nói:

Ông ta chưa được đâu!

Tuyết Phong nói:

- Ông ta thấu triệt rồi.

Sư nói:

- Không tin, để tôi đi khám nghiệm cho.

Rồi đuổi theo đến giữa đường, hỏi:

- Sư huynh đi đâu vậy?

- Vào thành vua.

- Lỡ khi gặp ba quân vây hãm thì sao?

- Tự có con đường thông khác.

- Vậy là đã bỏ cung mất điện rồi.

Cổ Sơn nói:

- Có chỗ nào mà không tôn quý?

Sư bèn phất áo trở về. Tuyết Phong hỏi thăm. Sư nói:

- Mũi tên ấy bị bẻ gãy giữa đường rồi!

Rồi kể lại chuyện trên. Tuyết Phong nói:

- Ông bị thua rồi! Ông ta nói được đấy!

Sư nói:

- Lão già này máu lạnh mà cũng còn chút tình cổ hương.

Sư đứng trước kho, có người hỏi:

- Thế nào là chạm mắt tức Bồ đề?

Sư đá con chó một cái, chó kêu ăng ẳng bỏ chạy. Tăng không hiểu,
Sư bảo:

- Con chó nhỏ không tiêu được một đập!

Bảo Phước đang xẻ dưa thấy Sư đến. Bảo Phước nói:

- Nói được thì cho ông ăn!

Sư nói:

- Dưa đây!

Bảo Phước đưa Sư một miếng, Sư cầm lấy bỏ đi.

Sư không xuất gia, mọi người gọi Sư là Thượng tọa Thái Nguyên Phù. Sau Sư về Duy Dương, Thượng thư họ Trần lưu lại cúng dường. Một hôm Sư bảo Thượng thư rằng:

- Mai tôi sẽ giảng một biến kinh Đại Niết Bàn để báo đáp tình của Thượng thư.

Đúng hẹn, Thượng thư thiết trai. Sau khi trà nước xong, Sư thăng tòa, làm thỉnh hồi lâu, đập thước xuống bàn một một cái, nói:

- Tôi nghe như vậy.(Như thị ngã văn ...)

Rồi gọi:

- Thượng thư!

- Dạ.

Sư nói:

- “Nhất thời PHẬT TẠI.”

Và tịch luôn.

70. ĐẠI TĨNH - TIÊU TĨNH

Thượng tọa Tĩnh ở chùa Quốc Thanh. Nhơn Hòa thượng Huyền Sa dạy chúng:

- Bọn các ông nếu có thể một đời như đưa ma mẹ, ta bảo đảm các ông sẽ tham cứu đến nơi đến chốn.

Sư bèn hỏi:

- Chỉ như trong kinh nói: "Không được đem tâm sở tri đo lường tri kiến vô thượng của Như Lai", lại là sao?

Huyền Sa nói:

- Ông cho rằng tham cứu được triệt để tâm sở tri, lại có thể đo lường được chăng?

Sư theo đó tin nhập (nhận được). Sau Sư trụ Thiên Thai hơn ba mươi năm không xuống núi, thông suốt tam học, giữ hạnh độc cư. Ngoài lúc thiền tịch, Sư thường xem Long Tạng, mọi người xa gần đều kính trọng Sư, gọi Sư là Thượng tọa Đại Tĩnh. Có người hỏi:

- Đệ tử mỗi lần ngồi thiền ban đêm, tâm niệm cứ bay nhảy, chưa biết phải nhiếp phục thế nào, xin Thầy thương xót chỉ dạy.

Sư đáp:

- Ông nên đem tâm bay nhảy tham cứu lại chỗ bay nhảy, sẽ thấy nó không chỗ nơi, lúc ấy tâm bay nhảy đâu còn! Rồi trở lại xem xét cái tâm tham cứu, tâm năng cứu bèn yên. Trí năng chiếu đã không, cảnh sở duyên cũng lặng lẽ. Lặng mà không lặng, vì chẳng có người năng lặng. Chiếu mà không chiếu vì không có cảnh bị chiếu. Cảnh và trí đều lặng, tâm tự nhiên an, ngoài không theo nhánh nhóc, trong không trụ vào định, hai đường đều dứt, một tánh an vui. Đây cũng là yếu đạo về nguồn vậy.

Sư nhân thấy nghĩa huyền hóa trong kinh bèn làm một bài kệ, để hỏi người học:

Nếu bảo các pháp đều huyền có
Tạo các tội ác đâu có lỗi
Tại sao nghiệp tạo lại chẳng tiêu
Mà mượn lời Phật đem dạy dỗ.

(Nhược đạo pháp giai như huyền hữu
Tạo chư quá ác ưng vô cử
Vân hà sở tác nghiệp bất vong
Nhi tạ Phật từ hưng tiếp dụ?)

Lúc ấy có Thượng tọa Tiểu Tĩnh đáp rằng:

Nhân huyễn gây huyễn, huyễn xoay vắn
Nghịch huyễn hay vùi quả báo huyễn
Chẳng rõ huyễn sanh các huyễn khổ
Biết rõ như huyễn, huyễn vô vi.

(Huyễn nhân hưng huyễn, huyễn luân vi
Huyễn nghiệp năng chiêu huyễn sở tri
Bất liễu huyễn sanh chư huyễn khổ
Giác tri như huyễn, huyễn vô vi).

Hai Thượng tọa Tĩnh cùng chết ở núi này. Ngày nay ở chùa Quốc Thanh còn có dấu tích.

71. TĂNG ĐÔNG TÙNG

Chẳng ai biết Sư là người như thế nào, chỉ biết Sư cơ biến khôn lường, đối đáp với ai như có cảm ứng, người nghe ngờ vực, về sau đều linh nghiệm.

Nhạc Vũ Mục (Nhạc Phi) thường đem binh qua hỏi Sư rằng:

Tiếng róc rách đâu đây?
(Hà xứ hưởng quyên quyên?)

Sư tiếp đó trả lời:

Nói trúc suối trong xài
(Tiếp trúc dẫn thanh tuyền).

Nhạc bảo:

Xuân hạ thường như thế.
(Xuân hạ thường như thử).

Sư trả lời:

Thu Đông cũng vậy thôi.
(Thu đông diệc tự nhiên).

Nhạc lấy làm lạ. Trước đó, Sư trồng khoai, rồi lấy ngói gạch chồng chất lên che lại, không cho ai thấy. Đến lúc Nhạc đi qua, Sư mời để khoai, rồi móc ngói gạch ra, moi khoai nấu canh, đủ cho quân ăn. Nhạc càng thêm lạ lùng. Sư lại biểu Nhạc miễn, để tương ở dưới. Đợi Nhạc đói mới đưa cho và nói:

- Muốn ăn, khuấy đều lên, có tương.

Nhạc không hiểu, đề thơ lên vách mà đi. Sau gặp họa, mới hối hận đã không theo lời Sư.

Tần Cối cho là Sư thường cố vấn Nhạc, bèn sai Lý Cát đến giết Sư. Sư biết trước, viết một bài thơ:

Vội vàng tom góp cà sa rách,
Chuông trống lâu đài chẳng đoái hoài,
Mây trắng phất tay về động cũ,
Trăng trong quẫy gậy đến ven trời.
Ngọn tùng thương hạc vừa làm tổ,
Bên rào nhớ cụm hoa năm rồi.
Phải đem mèo chó theo mình chạy,
Chớ để lưu lạc vào nhà người.

(Cấp mang thu thập phá cà sa,
Chung cổ lâu đài mặc quản tha,
Tụ phất bạch vân quy cổ động,
Trượng thiêu minh nguyệt đáo thiên nha.
Khả lân từng đánh tân sào hạc,
Du ức ly biên cựu chủng hoa.
Hảo bả khuyến miêu tùy đới khứ,
Mặc giáo lưu lạc tha nhân gia).

Sư lại lấy một tượng Phật đặt giữa cầu phía Tây, đề thơ lên vách:

Lý Cát từ đông đến
Ta hướng tây chạy dài
Không nhờ Phật lực lớn
Có lẽ làm trò hôi.

(Lý Cát từng đồng lai
Ngã hướng tay đầu tầu
Bất thị Phật lực đại
Cơ hồ tác tràng xú).

Rồi trốn vào núi, cách am cũ không đến hai dặm. Lý Cát đến nơi, trông thấy thì muốn đuổi theo. Thấy tượng Phật, định dời đi. Ai ngờ, thoáng chốc biến thành cả ngàn vị Phật. Lý Cát luống cuống không biết làm sao bèn tán thán rồi trở về. Sau Sư ngồi tịch tại nơi ở ẩn. Cây cầu đặt tượng được gọi là "chiếc cầu ngàn Phật".

72. TÈ TĂNG VIỄN

Tề Tăng Viễn trụ chùa Tiết ở Lương Châu, giao du với bọn ăn chơi, chẳng giữ luật hạnh. Một đêm mộng thấy thần nhân đến máng rằng:

- Ông là người xuất gia, sao lại làm những việc xấu ác như thế, lấy gương soi mặt xem!

Tỉnh dậy, Sư đến vũng nước nhìn, thấy bên mắt có vết đen, cho là vết bẩn, lấy tay chùi. Ai ngờ lông mi rụng theo. Sư kinh hãi, từ đó tự trách lỗi mình, thành tâm cải hối. Sư thường mặc áo xấu, mang giày rách, ăn ngày một bữa, sớm tối chí thành vừa sám hối, vừa khóc sụt nước mắt.

Hơn một tháng sau, lại mộng thấy vị thần hôm trước, vẻ mặt tươi cười bảo Sư:

- Biết lỗi có thể sửa được, đó là người trí. Nay ta tha cho ông đó!

Sư vừa sợ vừa mừng, mồ hôi tuôn khắp người. Trên mặt hai hàng mi mọc lại.

Sư đích thân trải qua hai quả báo, tin biết nhân quả ba đời chẳng hư dối. Từ đó thành tâm phụng trì giáo pháp, không hề lui sụt. Sau Sư trở thành một vị danh tăng.

73. SƯ PHỔ MINH

Sư Phổ Minh tự là Tịch Chiêu, ở am Diệu Thường, Gia Thiên. Từ lúc cạo đầu, thọ cụ túc giới, Sư ngày ngày tụng kinh Pháp Hoa không ngừng, muôn việc thế gian không hề bận tâm. Sư vào núi Cổ Hàng đóng cửa đọc tụng, tụng xong ngồi tĩnh tọa mà thôi. Rắn, chuột, chim chóc ban ngày đùa giỡn trước mặt Sư. Gặp khách đến gõ cửa, chúng đều bỏ chạy và bay đi. Nếu chạy không kịp, Sư lấy tay ôm hết vào lòng, lấy y che lại. Khách về, chúng lại nhảy ra đùa giỡn như cũ.

Một hôm có người bệnh đến, Sư lấy tay xoa đỉnh đầu, người đó liền hết bệnh, bèn lạy Sư xin làm đệ tử. Được ít lâu, Sư bảo đệ tử:

- Ngày mười tám tháng năm ta thị tịch.

Đệ tử thưa:

- Tháng năm không được tốt.

Sư nói:

Thế thì tháng tám vậy.

Sư dặn dò đệ tử rồi trở về Gia Thiên. Tháng tám, đệ tử đến tìm Sư, gặp Sư đang quét sân, Sư cười:

- Ông không đến thì ta quên mất!

Sư sai đánh chuông họp chúng, viết kệ:

Cái lão già này,
Tuyệt không tính toán
Thiền chẳng biết tham
Kinh chẳng biết xem
Một đời vụng về vô dụng
Dấu vết bờ núi rặng tùng
Tĩnh như bàn thạch Thái Sơn.

Động như sấm rền điện chớp.

(Giá cá lão hán,
Toàn vô tư toán
Thiền bất hội tham
Kinh bất hội khán.
Sinh bình bá chuyết vô năng
Hối tích thanh tùng nham bạn.
Tĩnh như bàn thạch Thái Sơn
Đông nhược lôi oanh xé điện).

Rồi ném viết, ngồi ngay mà tịch. Trà tỳ, ánh lửa năm màu xông lên cao, hương lạ suốt đêm không tan. Lưỡi Su không bị cháy, gõ vào có tiếng. Su tịch hơn một tuần, ở Cổ Hàng người ta còn thấy ánh sáng tỏa trên trời cao.

Su đi ở tự tại, thật là người trì tụng có kết quả.

74. THIỀN SƯ PHÁP KHÁNH

Thiền sư Pháp Khánh ở chùa Đại Giác, phủ Hàm Bình. Sư ban đầu trụ ở chùa Phổ Chiếu, Tứ Châu. Sau dời đến chùa Thiếu lâm ở Tung Sơn, rồi lên phương Bắc, và đến ở Đông Kinh. Một hôm thị giả Su đọc ngữ lục của Động Sơn, đến chỗ thiết trai ngu si. Thị giả bảo:

- Cổ nhân thật kỳ lạ!

Sư nói:

- Khi ta chết rồi, ông gọi thử xem. Nếu ta sống lại, là cũng có đạo lực vậy.

Sau biết trước giờ chết, làm bài tụng:

Năm nay mồng năm tháng năm
Tứ đại sắp rời chủ cũ
Xương trắng theo gió bay vèo

Khởi chiếm đất đai thí chủ.

(Kim niên ngũ nguyệt sơ ngũ
Tứ đại tương ly bốn chủ
Bạch cốt đương phong dương khước
Miễn chiếm đàn na địa thổ).

Sư đem vật dụng giao hết cho thị giả, cúng trai soạn cho tăng chúng. Vừa nghe tiếng chuông đầu hôm, Sư ngồi tịch. Thị giả nhớ lại việc cũ, bèn đến kêu. Sư mở mắt ứng tiếng nói:

- Thế nào?

Thị giả thưa:

- Hòa thượng tại sao lại mình trần chân trụi mà đi?

Sư bảo:

- Lúc mới sanh lại có những gì?

Thị giả ép Sư mặc áo. Sư bảo:

- Để lại cho người sau dùng.

Thị giả bảo:

- Ngay lúc ấy thế nào?

Sư nói:

- Cũng chỉ như thế.

Rồi Sư viết thêm bài kệ:

Bảy mươi ba năm như điện chớp
Lên đường vì anh thông một tuyến
Trâu sắt nhảy dựng qua Tân La

Đập phá hư không bảy tám mảnh.

(Thất thập tam niên như xé điện
Lâm hành vị quân thông nhất tuyến
Thiệt Ngưu bột phá quá Tân La
Tràng phá hư không thất bát phiến).

Sur thọ 73 tuổi, tịch ngày 5 tháng 5 niên hiệu Hoàng Thống năm thứ ba (1143) nhà Tống.

75. ĐỘ

Huyện Hoàng Mai phía Đông tỉnh Hồ Bắc, có lưu truyền một câu truyện như vậy:

"Trương truyền, Tứ Tổ Đạo Tín, truyền pháp ở Hoàng Mai. Có cư sĩ Trương Hoai Hoai ở làng Trương Độ, trông tùng ở núi Hoàng Mai sau chùa Tứ Tổ suốt sáu năm. Được gọi là Tài Tùng Đạo Giả".(ông đạo trông tùng)

Vào năm bảy mươi lăm tuổi, vị đạo nhân này đến Tứ Tổ Đạo Tín cầu pháp, mong được y bát và đại pháp. Tứ Tổ trầm tư một lúc rồi nói:

- Tuổi của ông đã cao như thế, có thể gánh vác gia nghiệp của Như Lai sao? Chẳng bằng đổi kiếp hãy trở lại.

Tài Tùng Đạo Giả đánh lễ cáo từ. Tứ Tổ gọi lại, ban cho một bài kệ:

Trên Chu gia trang gặp cô gái,
Pháp y, thiên trọng ôm trong lòng
Hóa thành đào tiên chui vào bụng.
Sông đục theo dòng bỏ xác thân.

(Chu gia trang thượng ngộ quân sai {thoa}
Pháp y, thiên trọng quả tâm hoài
Vu hóa tiên đào đầu nhập phúc.
Trọc hà phó thủy thoát thi hài).

Sau khi từ giả Tứ Tổ mà đi, Tài Tùng Đạo Giả từ núi Phá Ngạch hướng về Nam, đi khoảng ba mươi dặm, thấy mặt trời lặn, trời đã hoàng hôn, gặp một thiếu nữ đang giặt áo và rửa chén bát bên bờ sông, bèn đến vái chào và hỏi thăm đây là đâu. Thiếu nữ đáp:

- Đây là Chu gia trang, đất này tên là Trạc Càng.

Tài Tùng Đạo Giả nghe nói xong, liền nhảy xuống sông tự vận. Thần Hộ Pháp liền đem hòn phách của Tài Tùng Đạo Giả hóa làm trái đào tiên, bỏ vào bát cơm mà thiếu nữ đang rửa.

Thiếu nữ tên Chu Phụng Thu, là con của Chu viên ngoại, thấy đào tiên mùi thơm ngon lành hấp dẫn, liền ăn ngay, chẳng ngờ từ đây có thai. Việc này vợ chồng viên ngoại sau khi biết được, cho rằng con gái không chồng mà chửa, làm bại hoại môn phong, nên nổi trận lôi đình, trục xuất Phụng Thu ra khỏi nhà. Phụng Thu có miệng khó thốt nên lời, đành phải xin ăn qua ngày. Không bao lâu cô sanh một đứa con, đời sống của hai mẹ con càng thêm khốn quẫn. Đứa bé vì thiếu áo, thiếu cơm, từ bé thân thể đã mùi phần ốm yếu, đến bảy tuổi mà chưa biết nói. Người mẹ đặt tên là Á Đồng (bé Câm).

Đời Tùy Dương Đế niên hiệu Đại Nghiệp thứ năm (609), gặp mùa gặt lúa, người mẹ dẫn Á Đồng đi xin ăn trở về quê, qua nông thôn lượm mót những hạt lúa rơi trên đất. Người làng chê cười người mẹ, Á Đồng lớn tiếng hét thối, trách mắng người làng không được vô lý. Lần đầu tiên Á Đồng mở miệng nói, người mẹ vui mừng nước rơi như mưa. Rồi dắt đứa bé về quê Trạc Càng. Nhân đây, Trạc Càng đời xưa, hiện tại có tên là Tân Khai Khẩu, ghi việc Á Đồng mở miệng lần đầu.

Người mẹ dắt Á Đồng về quê nhà xin ăn. Ngày nọ đến chùa Tứ Tổ, người trong chùa thấy mẹ con quần áo lam lũ, rất chán ghét, định đuổi ra khỏi cửa, vừa may Tứ Tổ Đạo Tín từ trong điện bước ra, thấy Á Đồng thông tuệ khá ái, bèn nói:

- Đáng tiếc con tuổi còn nhỏ quá, nếu không thì có thể theo ta xuất gia làm tăng.

Á Đồng nghe xong nói:

- Lúc con già đến, thì Sư chê con già, nhỏ đến, lại chê con nhỏ.

Tứ Tổ sực nhớ chuyện cũ, biết đây là Tàì Tùng Đạo Giả, đổi đời trở lại, bèn thuật rõ cho người mẹ, rồi gọi Á Đồng lại với mình, xuống tóc đặt pháp danh là Hoằng Nhẫn. Á Đồng rời mẹ, theo Tứ Tổ Đạo Tín học tập Phật pháp, về sau quả nhiên hoằng dương Phật pháp to lớn, thành Ngũ Tổ thiên tông.

Vả lại chẳng cần truyền thuyết dân gian chân thật nhiều hay ít. "Đường Kỳ Châu Đông Sơn Hoằng Nhẫn Truyện" của Thích Tán Ninh ghi rằng: "Hoằng Nhẫn bảy tuổi, học pháp với ngài Đạo Tín, tánh tình trung hậu, thường bị đồng bạn trêu chọc mà lặng thinh chẳng đáp, chỉ siêng năng làm việc, làm lụng hăng hái". Về sau Huyền Trách, đệ tử ngài Hoằng Nhẫn viết "Lãng Già nhân vật chí", lập truyện ngài Hoằng Nhẫn, miêu tả Ngài là "hoài bão trình thuần, ít nói chuyện thị phi, không buồn để ý cảnh có – không, bốn oai nghi đều là đạo tràng, ba nghiệp đều là Phật sự", "Sống không trau chuốt văn chương, mà nghĩa phù hợp với lý huyền", bảo trì thiên phong chân chất của Tứ Tổ Đạo Tín.

Chùa Tứ Tổ còn gọi là chùa Chính Giác, hoặc là nhân đất mà đặt tên chùa Song Phong, nằm ở lưng núi Song Phong, cách thành huyện Hoàng Mai 15 km về phía Tây. Núi Song Phong còn gọi là Tây Sơn, hoặc núi Phá Ngạch. Nhìn xa, hai ngọn núi này như hai lưỡi kiếm báu, vút thẳng lên mây. Nhìn gần lại giống như một giá bút, thật là núi non xanh đẹp, khí thế hùng vĩ.

Đời Đường năm đầu tiên, Tứ Tổ Đạo Tín lúc truyền pháp ở đây, quy mô của chùa rất rộng lớn. Trương Hựu thi nhân đời Đường, lúc dạo núi Song Phong, có làm một bài thơ, mô tả chùa Tứ Tổ rất sinh động:

Trăng sáng như nước, chùa đầu núi.
Ngược mặt nhìn trời, đá cũng đi.
Đêm vắng hiên sâu lời người bật,
Một cảnh tùng lau, tiếng hạc về.

(Nguyệt minh như thủy sơn đầu tự.
Ngưỡng diện khán thiên thạch dã hành.
Dạ tĩnh thâm lang nhân ngữ định.
Nhất chi tùng động hạc lai thanh).

Nhưng chùa Tứ Tổ hoang phế đã lâu, chẳng trở lại phong quang ngày cũ. gần đây vì nhu cầu tham quan, mới bắt đầu chỉnh trang. Chỉ có tháp Từ Vân vẫn còn, sừng sững đứng trên sườn núi phía Tây Bắc của chùa. Theo sách Ngũ Đãng Hội Nguyên có ghi:

"Tứ Tổ Đạo Tín vào ngày mùng 4 tháng 9 nhuận năm Tân Hợi (651), đời Đường Cao Tông niên hiệu Vĩnh huy, chột dạy môn nhân rằng:

- Tất cả các pháp, thầy đều giải thoát, mỗi người các ông hãy tự hộ niệm, lưu hóa vị lai.

Nói xong ngồi yên mà tịch, thọ 72 tuổi".

Đồ chúng dựng tháp thờ phụng Tứ Tổ, nên gọi là tháp Chân Thân. Theo một ông già hơn 80 tuổi ở đất ấy nói, thì tháp này chưa bị phá hoại, trong tháp là chân thân của Tứ Tổ.

Tháp Từ Vân, vốn tên là tháp Tỳ Lô, cao 5m, làm bằng gạch xanh, kết cấu theo lối gỗ, tầng dưới là toà Đại Tu Di, trên bốn vách có chạm trở các thứ đồ án hoa chim. Vua Đường Đại Tông ban thụ hiệu cho tháp là "Tháp của Đại Y Thiên sư Từ Vân", nên lại có tên là tháp Từ Vân.

Chùa Ngũ Tổ ở Đông Sơn, cách huyện Hoàng Mai 16 km về phía Bắc, nên có tên chùa là Đông Sơn. Theo lời ghi chép thì Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn, bảy tuổi ở Tây Sơn, theo Tứ Tổ học thiền. Sau khi đắc pháp, bắt đầu giảng kinh thuyết pháp ở Đông Thiên Tự, phía Tây thành Hoàng Mai, sau vì đạo tràng nhỏ hẹp, bèn xây cất chùa Đông Sơn ở Đông Sơn, từ đây pháp tịch hưng thịnh, người cầu pháp tấp nập trên đường. Chùa Ngũ Tổ Đông Sơn, xây dựng vào đời Đường, niên hiệu Hàm Hanh (670-673), đến đời Minh, niên hiệu Vạn Lịch (1573-1619) được xây cất lại. vào đời Thanh, niên

hiệu Hàm Phong (1851-1886), bị binh lửa thiêu hủy, lại trùng tu lần nữa. Năm Dân Quốc thứ hai mươi bảy (1938), bị phi cơ Nhật Bản oanh tạc, Đại Hùng Bảo Điện bị san bằng. Trong việc chỉnh tu chính ngay trước mắt, không cách gì tìm lại được phong quang ngày trước.

Trong chùa Ngũ Tổ có điện Ma Thành, hiện đổi thành phòng triển lãm, triển lãm những văn vật đào được ở Hoàng Mai bao năm qua. Tương truyền vào đời Minh, có một Hòa thượng ở chùa Ngũ Tổ xuống núi hóa duyên, không xin vật thực, không cần tiền bạc, chỉ cần ngói gạch xây dựng đại điện, thân sĩ và dân chúng nơi đó thấy vậy cảm động, rời rú nhau gánh đá, vác ngói lên chùa Ngũ Tổ. Ngày khánh thành chùa, để kỷ niệm dân chúng Ma Thành có tinh thần hộ trì Phật pháp nên đặt tên là điện Ma Thành.

Lại có điện Thánh Mẫu, thờ mẹ của Ngũ Tổ Hoảng Nhẫn, bà Chu Thái phu nhân. Theo truyền thuyết, mẹ của Ngũ Tổ, lúc trẻ vì không chồng mà mang thai, không được cha mẹ làng xóm chấp nhận, nên phải mang Ngũ Tổ đi xin ăn qua ngày. Sau tuổi già, lại nương Ngũ Tổ mà sống, Ngũ Tổ để mẹ ở trong chùa, mỗi ngày gánh nước, vác củi, nấu cơm cho chúng, chịu đủ cực nhọc, Ngũ Tổ không chút thương tiếc. Không bao lâu bà vãng sanh. Sau khi bà chết, Ngũ Tổ liệm chôn sơ sài, khiến chúng trong chùa bất mãn, cho Ngũ Tổ là người bất hiếu, hoàn toàn không nhớ đến sự cực khổ mà mẹ Ngài phải chịu suốt đời vì mình, nên rú nhau đòi đi, không muốn theo Ngũ Tổ nữa. Ngay lúc ấy, Chu Thái phu nhân chợt hiện trên không trung, nói kệ:

Quý Sư chẳng nên lui sụt tâm đạo
Con tôi đã vì tôi lo xong đời trước
Nghiệp chướng nhiều kiếp đã trừ sạch
Bồ đề như xưa chúng toàn thân.

(Chu sư bất tất thối đạo tâm
Ngô nhi vị ngã liễu tiền nhân
Lũ thế nghiệp chướng tất tanh trừ
Bồ đề y cựu chúng toàn thân).

Lúc này, đại chúng mới biết Ngũ Tổ vì hóa độ cho mẹ, đã khổ tâm mà làm thế, bèn rủ nhau góp tài sản dựng lên điện Thánh Mẫu, thờ mẹ hiền một đời. Điện này đến nay vẫn còn, tượng của Chu Thái phu nhân đã sớm bị phá hoại, hiện đã có tượng mới, để người cúng kiến.

Trong điện Chân Thân thờ Ngũ Tổ Hoàng Nhẫn, có một bức đối rất đáng tôn sùng, không biết thủ bút của ai, vào đời nào.

Vế trên là:

Phật pháp hữu nhân, Phật pháp hữu duyê
Hữu nhân, hữu duyên, giai thành Phật quả.

Vế dưới:

Tổ truyền nhất y, Tổ truyền nhất bát
Nhất y, nhất bát, nãi thị Tổ Sư.

Lúc đi thăm các chùa ở Đại Lục, tôi rất nhiều cảm khái. Vì bị người phá hoại, cổ tích khó tìm; vì sự điều linh của tăng tài, phần nhiều bị đơn vị văn vật quản lý. Trong chùa xưa, tiếng trống chiều hồi chuông sớm vắng tiếng, chẳng biết bao giờ huệ mạng lại được tiếp tục, chánh pháp lại trùng hưng!

(Chu Chí Mẫn - Dịch theo báo Phổ Môn)

76. CHÂN TƯỞNG

... Thiền sư Cảnh Hư, một đêm dẫn một cô gái về chùa, rồi đưa cô vào phòng mình, đóng cửa lại, cùng ở với cô trong phòng, không cho ai quấy rối.

Đồ đệ Mãn Không trong lòng rất bất an, bèn làm gan đến tìm Thiền sư Cảnh Hư. Vừa đến trước cửa, rõ ràng thấy cô gái tóc xõa bờ vai đang nằm trên giường, dáng thon thả thướt tha, sau lưng cũng trắng trẻo mịn màng, mà Thiền sư lại ngồi bên giường mân mê thân thiếu nữ.

Nhìn tận mắt, trong lòng ông giận tức bội phần, không nhịn được liền to tiếng hỏi:

- Sư phụ! Thầy làm như thế lại cho là Bạc nhân thiên sư phạm sao? Thầy có xứng đáng với Phật Tổ, đại chúng mười phương không?

Thiên sư Cảnh Hư dừng tay lại, quay mình nhẹ nhàng từ tốn đáp:

- Ta sao lại không thể mô phạm cho đại chúng?

Mãn Không lấy tay chỉ cô gái trên giường, lớn tiếng nói:

- Thầy nhìn đó!

Thiên sư cũng ôn tồn nói:

- Ngươi xem đi!

Lúc thầy trò nói chuyện, cô gái trên giường đã từ từ quay mình lại. Chỉ thấy cô gái này có bộ mặt, lỗ mũi, lông mi đều vắn vẹo một đồng rất đáng sợ, miệng cũng bị thối rữa méo mó hơn một nữa, đang ngược nhìn họ dờ khóc dờ cười.

Té ra cô gái nằm trên giường là một cô gái hủi.

Lúc ấy, Thiên sư Cảnh Hư lấy thuốc trong tay đưa ra trước mặt đồ đệ, thân nhiên nói:

- Đúng vậy, bây giờ ngươi đến thật đúng lúc!

Đồ đệ lúc này mới đại ngộ, vội vã quỳ xuống, xin thầy tha thứ.

(Vương Ngọc Bội – Trích dịch Tạp chí Phổ Môn Đài Bắc)

CAO TĂNG DỊ TRUYỆN
高僧異傳
PHẦN IV

PHỤ LỤC 33 VỊ TỒ

77. ƯU BA CÚC ĐA

Duyên khởi Vua A Dục tạo tháp

Quốc vương Tần Đầu Bà La, vua nước Ba Liên Phất Ấp, sanh người con tên A Dục (Vô Ưu), thân hình thô xấu, khó coi. Khi vua láng giềng là Hằng Hưu Thi La làm phản, trong các người con, vua chỉ chọn A Dục đi chinh phạt nhưng cấp binh giáp hư nát và vài chục quân. Tùt tùm lo lắng thì A Dục cười nói:- Nếu ta có mạng làm vua thì tự nhiên sẽ có người đến giúp.

Vừa nói xong, binh giáp dưới đất bỗng vọt lên. A Dục liền đem quân đi đánh giặc. Dân chúng nước kia nghe trên không trung có tiếng truyền:

- Vương tử A Dục sẽ làm vua cõi này, các người chớ dấy nghịch.

Do đó, các nước đều được bình định đến sát bờ biển. Lúc ấy, vua cha ngoại bệnh, quần thần bèn phò A Dục đến, muốn lập làm vua. Vua Tần Đầu Bà La nghe được chẳng vui liền băng hà. A Dục nghĩ thầm:

- Ta xứng đáng làm vua thì chư Thiên tự nhiên sẽ làm lễ quán đảnh cho ta, lấy lụa trắng quấn đầu.

Nghĩ xong có thiết luân bay đến, A Dục làm vua Diêm Phù Đề thống lãnh một thiên hạ. Vua theo phép tắc chôn cha rồi tức vị, A Dật Lô Đà làm đại thần. Khi ấy quần thần tự đem thẻ đến lập công, sanh tâm cao ngạo. Vua biết ý liền ra lệnh chặt những cây có hoa quả và trồng gai góc. Ra lệnh ba lần mà quần thần không theo, vua liền cầm gương giết hết. A Dật Lô Đà khuyên vua: Nên lập người đạo phủ. Khi đó có một người hung ác tên Lê Tử, tự khoe

khả năng. Vua bèn lập một căn nhà chỉ mở một cửa, trong bày cách thức trị tội giống như địa ngục. Đao phủ tâu vua:

- Nếu ai bước chân vào đây thì không cho ra.

Vua bằng lòng.

Một hôm có con một thương gia, chán khổ thế gian, xuất gia học đạo, rồi đi du hành qua các nước, lần lượt khát thực và bước lầm vào căn nhà ấy. Vị sa môn trông thấy trong nhà có xe lửa, lò than ... sợ hãi, dựng tóc gáy vội vàng quay ra, nhưng bị đao phủ chặn lại và đón bắt. Vị Tỳ kheo trong lòng thương tiếc hối hận, mắt đầm lệ van nài được gia hạn sống thêm một tháng để tu nhưng đao phủ không cho. Nằn nì cho đến còn bảy ngày thì ông ta bằng lòng. Tỳ kheo bèn nỗ lực tinh tấn, tọa thiền, ngưng tâm. Đến ngày thứ bảy, thì gặp lúc vua đem cung nữ tống vào giao cho đao phủ. Đao phủ bèn cô ta bỏ vào cối, lấy chày giã, phút chốc thịt nát xương tan. Tỳ kheo trông thấy chán ghét cùng cực biết rằng thân mình chẳng còn bao lâu cũng sẽ như thế; ông dứt hết mọi kiết sử thành bậc A La Hán. Khi ấy, đao phủ bào ngài rằng:

- Kỳ hạn đã hết.

Tỳ kheo đáp:

- Tâm tôi được giải thoát, đã đoạn trừ hết các hữu. Nay thân hình này chẳng còn tiếc nuôi.

Đao phủ liền nắm Tỳ kheo quăng vào chảo dầu sôi, sai người đốt lửa. Lửa chẳng nóng. Ông ta liền tự tay đốt lửa phừng phừng lên. Rồi mở nắp chảo, thấy vị Tỳ kheo kia đang ngồi trên hoa sen. Ông ta thấy việc lạ liền báo nhà vua. Vua liền dẫn mọi người đến xem. Tỳ kheo bay lên không trung như cánh nhạn chúa rồi làm đủ phép biến hóa, hướng về nhà vua nói kệ:

Tôi là đệ tử Phật
Được các lậu đã dứt
Sanh tử khủng bố lớn

Nay tôi đã thoát được.

Vua A Dục nghe xong, sanh lòng kính tín đối với Phật, bạch Tỳ kheo rằng:

- Lúc Phật chưa diệt độ, có thọ ký điều gì chăng?

Tỳ kheo đáp:

- Phật thọ ký: "Sau khi ta diệt độ hơn một trăm năm, ở nước Ba Liên Phát Ấp có ba ức nhà. Vua nước ấy tên A Dục, sẽ làm Chuyển Luân Vương cõi Diêm Phù, dùng chánh pháp cai trị, sau lại phân chia xá lợi của ta, lập 84,000 tháp khắp cõi Diêm Phù Đề". Nay vua tạo địa ngục này, giết hại vô lượng. Nên vâng theo lời Phật thọ ký, y pháp tu hành.

Vua A Dục chấp tay làm lễ:

- Tôi mắc tội lớn, cúi mong Phật tử cho tôi sám hối, chớ trách móc sự ngu si của tôi.

Tỳ kheo độ vua A Dục xong theo hư không mà đi. Khi ấy, vua muốn bước ra khỏi căn nhà, đao phủ chặn lại. Vua nói:

- Ngươi muốn giết ta chăng?

- Đúng thế.

Vua bảo:

- Ai vào đây trước?

- Tôi.

Vua nói:

- Nếu vậy, người phải chết trước. Rồi sai tả hữu bắt đao phủ bỏ trong bồn keo, lấy lửa đốt và sai phá địa ngục này, khiến mọi người nhẹ nhõm.

Vua đến thành Vương Xá đem xá lợi trong tháp Phật làm 84,000 hòm vàng, bạc, lưu ly, pha lê, lại làm bình báu, sai các quý thần tạo 84,000 tháp. Tôn giả Da Xá duỗi tay phóng 84,000 tia sáng, sai quý "mau lẹ" đặt khắp thôn xóm, thành ấp ở Diêm Phù Đề cứ mỗi ức nhà đặt một tháp. Ở nước Chấn Đán (Trung Hoa) có 19 tháp.

Xưa, Thế Tôn cùng các tỳ kheo đi theo thôn xóm khát thực, giữa đường gặp hai đứa bé, một tên Xà Da, một tên Tỳ Xà Da đang nghịch cát chơi. Từ xa trông thấy Thế Tôn, đầy đủ ba mươi hai tướng trang nghiêm. Xà Da nghĩ thầm:

- Ta nên đem bột miến cúng Phật.

Rồi bèn lấy tay vốc cát bỏ vào bình bát của Thế Tôn. Tỳ Xà Da cũng chấp tay tùy hỷ. Chú bé phát nguyện:

- Do công đức căn lành bố thí này xin được làm vua một thiên hạ, và ngay đời này được cúng dường chư Phật.

Thế Tôn mỉm cười bảo A Nan:

- Sau khi ta diệt độ một trăm năm. Đứa bé này ở nước Ba Liên Phất Ấp làm Chuyển Luân Vương thống lãnh một thiên hạ, họ Khổng Tước, tên A Dục, dùng chánh pháp trị dân. Rồi lại phân phát xá lợi của ta, tạo 84,000 tháp. A Nan, ông đem cát trong bát này rải chỗ kinh hành của Như Lai. A Nan vâng theo lời Phật dạy.

Vua A DỤC tham lễ ƯU BA CÚC ĐA

Nước Ba Liên Phất Ấp có Thượng tọa tên Da Xá, vua A Dục rất kính lễ, lập tịnh xá Kê Tước, thỉnh Da Xá trụ trì. Đến khi ấy, lại đến Kê Tước bạch Da Xá rằng:

- Có Tỳ kheo nào được Phật thọ ký để làm Phật sự không? Tôi sẽ đến đây cúng dường, cung kính.

Da Xá đáp:

- Lúc Phật Bát Niết Bàn, du hành đến nước Ma Thâu La, bài ngài A Nan: "Sau khi ta Bát Niết Bàn một trăm năm, sẽ có con trưởng giả tên Ưu Ba Cúc Đa xuất gia học đạo, hiệu là Vô Tướng Phật."

Vua hỏi:

- Vậy đã xuất thế chưa?

Đáp:

- Đã xuất thế rồi, đang ở trong núi Ưu Bàn Trà.

Vua nghe xong liền muốn đến đó mới sai sứ giả báo trước. Ngài Ưu Ba Cúc Đa nghĩ, nếu vua đến thì thị tòng đi theo sẽ sát hại vô số côn trùng. Nên đáp sứ giả:

- Tôi sẽ tự đến chỗ vua.

Ưu Ba Cúc Đa đi đến vương cung, vua rất vui mừng đến trước Tôn giả cúi lạy, quì gối, chấp tay thưa:

- Nay con thống lãnh cõi Diêm Phù Đề, làm Chuyển Luân Vương cũng chẳng vui bằng gặp Tôn giả, như được gặp Phật, sung sướng vô cùng. Đệ tử Như Lai có khả năng như thế.

Vua lại hỏi:

- Tôn giả nhan mạo đoan chánh còn tôi hình dung thô xấu. Vì sao vậy?

Ngài Ưu Ba Cúc Đa nói kệ:

Lúc tôi hành bố thí

Tâm sạch, tài vật tốt
Chẳng như vua bổ thí
Đem cát cúng cho Phật.

Vua lại bạch:

- Xin Tôn giả chỉ cho chỗ Phật thuyết pháp, du hành và Phật thọ ký chỗ tháp các đại đệ tử nên lễ bái cúng dường.

Ưu Ba Cúc Đa đáp:

- Lành thay, lành thay!

Và dẫn vua đến các nơi ấy, chỉ từng chỗ một. Vua cúng dường xong, đến tháp A Nan, Tôn giả nói:

- Vị này là thị giả Phật, đa văn bậc nhất, tuyền tập kinh Phật.

Vua bèn truyền đem trăm ức trân bảo cúng dường tháp này và bảo quần thần rằng:

- Thân thể của Như Lai, tánh pháp thanh tịnh, Ngài đều có thể phụng trì, nên cúng dường nhiều hơn. Ngọn đèn chánh pháp thường còn ở đời, tiêu diệt sự ngu si tăm tối này, đều do từ Ngài mà ra, nên ta cúng dường nhiều hơn.

Vua lại đến dưới cây Bồ đề, tay bung lò hương, hướng bốn phương làm lễ mong các bậc đệ tử hiền thánh của Như Lai ở các phương đều đến tụ hội. Khi ấy có ba vạn A La Hán tề tựu. Vua thấy tại tòa thứ nhất không có người, bèn hỏi lý do. Tôn giả Hải Ý nói:

- Đây là chỗ dành cho ngài Tân Đầu Lô. Vị này đã đích thân gặp Phật. Vua hỏi:

- Nay ở đâu?

Hải Ý nói:

- Hãy đợi chốc lát.

Nói xong ngài Tân Đầu Lô từ hư không hạ xuống. Vua mời đến tòa ngai và đánh lễ. Ngài chẳng thèm nhìn. Vua bèn hỏi:

- Con nghe nói Tôn giả thân thấy Phật đến phải chăng?

Ngài Tân Đầu Lô lấy tay vén lông mi lên hỏi:

- Hội chăng?

Vua đáp:

- Chẳng hội.

- Long vương ao A Nậu Đạt từng thỉnh Phật thọ trai, lúc ấy tôi cũng dự trong số đó.

Ưu Ba Cúc Đa nhân một hôm đến nhà một lão Tỳ kheo ni vừa vào cửa liền đưng bễ bát. Tỳ kheo ni nói:

- Lục quần Tỳ kheo hạnh rất thô, mấy lần đến nhà tôi, cũng chưa hề như vậy. Tôn giả nổi vị Tổ sao hạnh thô thế!

Cúc Đa bèn thối đi.

Có người chấp thân kiến, cầu ngài Ưu Ba Cúc Đa độ cho. Ngài bảo:

- Pháp cầu độ cần phải tin lời ta, không được trái lời ta dạy.

Người ấy đáp:

- Đã đến với Thầy, cố nhiên phải vâng lời.

Ngài bèn hóa ra một cây cao vút bên triền núi hiểm trở, bảo người ấy leo lên cây. Rồi dưới gốc cây, hóa ra một hầm lớn, sâu rộng

ngàn khuỷu. Ngài bảo ông ta buông chân, ông ta vâng lời buông hai chân. Ngài khiến buông một tay. Ông ta đáp:

- Nếu buông tay nữa, rớt xuống hầm chết.

Ngài nói:

- Trước đã giao ước thọ giáo, sao lại trái ý ta?

Khi ấy người kia sợ yêu mến thân liền tiêu diệt, ông ta buông tay rơi xuống. Chẳng còn thấy cây, thấy hầm, bèn chứng đạo quả.

78. PHỤC ĐÀ NAN ĐỀ

Truyện y bát cho Nan Sanh (Hiếp Tôn giả). Ngày xuất gia, ánh sáng lành chiếu chỗ ngồi có hai mươi một viên xá lợi hiện lên.

79. HIẾP TÔN GIẢ

Phía Bắc Thiên Trúc có Vô Trước xiển dương tông giáo, em là Thiên Thân. Ban đầu người em theo Tiểu thừa, làm luận năm trăm bộ. Vô Trước thấy em căn duyên sắp thuần thực, bèn giả bệnh kêu đến. Khi gần tới, Ngài sai một đệ tử đi rước. Đêm cùng ngủ trong quán trọ, đệ tử tụng kệ:

Nhược nhơn dục liễu tri
Tam thể nhất thiết Phật
Ưng quán pháp giới tánh
Nhất thiết duy tâm tạo.

Thiên Thân nghe, hoá nhiên khai ngộ, hỏi hận tội đã bài xích Đại thừa khi xưa, đều do lưỡi tạo. Liên ngồi dậy lấy dao bén định cắt lưỡi.

Ngài Vô Trước biết được, duỗi cánh tay, nắm lại đỡ rằng:

- Em vì ngộ Đại thừa vì thời tiết đến, xưa dùng lưỡi hủy báng, nay nên dùng lưỡi tán thán. Nếu cắt lưỡi đi, thì còn lợi gì?

Thiên Thân bèn thôi, đội sao mà đi. Đến chỗ ngài Vô Trước, lắng nghe từ chỉ rồi tạo luận Đại thừa năm trăm bộ. Người đời gọi là Luận Sư Ngàn Bộ.

Một hôm Vô Trước nhập Pháp Quang định, ban đêm lên cung trời Đâu Suất thỉnh vấn Bồ tát Di Lặc về nghĩa kinh Kim Cang. Ngài Di Lặc bèn thuyết tám mươi bài tụng, ngài Vô Trước phân mười tám trụ xứ, tạo luận hai quyển. Thiên Thân ước đoán hai mươi bảy nghi, tạo ba quyển luận. Thiên Thân lại giảng Bà Sa Luận cho chúng, đem bài giảng mỗi ngày làm một bài tụng nhiếp hết nghĩa. Lại đi khắp các nước, các luận sư các nơi không thể hiểu nổi. Do đó Ngài lại tự tạo trường hàng để giải thích bài tụng tức Câu Xá Luận.

Một hôm Thiên Thân từ nội cung của đức Di Lặc xuống. Vô Trước hỏi rằng:

- Nhân gian bốn trăm năm, trời kia chỉ có một ngày đêm. Đức Di Lặc ở trong một thời (giờ) thành tựu cho năm trăm ức Thiên tử chứng Vô sanh pháp nhẫn, chưa rõ thuyết pháp gì?

Thiên Thân nói:

- Cũng chỉ thuyết pháp này. Chỉ là Phạm âm thanh nhã khiến người ưa nghe.

80. PHÚ NA DẠ XA

Tông Cảnh Lục nói: "Tây Thiên trong núi Vân Đà Sơn có một La Hán tên Phú Lô Na, Mã Minh đến gặp thấy ngồi yên trong rừng, chí khí cao vời không sanh lòng đố kỵ, Mã Minh bảo:

- Sa Môn thuyết pháp. Tôi có chỗ sáng tỏ muốn khuất phục ông. Tôi nếu không hơn sẽ chặt đầu tạ lễ.

La Hán làm thình, mặt không lộ vẻ thua hay thắng; Mã Minh đến gõ mấy cái cũng không trả lời. Mã Minh bèn lui suy nghĩ:

- Ta thua rồi! Ông ta đã thắng ta. Ông ta lặng thinh không nói, ta không thể khuất phục được. Ta dùng lời nói, tuy như lời có thể khuất phục mà tự ta chưa thể thoát khỏi lời. Thật đáng xấu hổ.

Ngài bèn xin xuất gia.

Thuyết này cùng Truyền Đăng không đồng.(khác nhau)

81. MÃ MINH

Dạ Xa bảo chúng:

"Đại sĩ này xưa là vua nước Tỳ Xá Lợi, vì nước ấy có một loại người khỏa thân, như ngựa lộ hình. Vua vận thần thông, phân thân làm trăm, những người ấy được áo mặc. Sau Ngài sanh vào Ấn Độ, Mã nhân cảm luyến kêu thương, nên gọi là Mã Minh, sau thuyết pháp dẹp các dị luận".

Có một ngoại đạo đến đòi luận nghĩa, nhóm các quốc vương, đại thần và bốn chúng tụ họp tại luận trường.

Mã Minh nói:

- Nghĩa của ông lấy gì làm tông?

Ngoại đạo đáp:

- Hễ có ngôn thuyết, tôi đều có thể phá.

Mã Minh bèn chỉ quốc vương nói:

- Hiện nay đất nước khang ninh, quốc vương trường thọ. Mời ông phá đi!

Ngoại đạo khuất phục.

82. LONG THỌ

Ngài được phó pháp, trong 90 ngày tụng thông kinh sách ở Diêm Phù Đề, lại nghĩ:

- Kinh Phật cõi đời tuy diệu mà cú nghĩa chưa hết, ta nên phu diễn thêm để khai ngộ người sau.

Ngài liền dùng thần lực đến Long cung mở rương bảy báu lấy kinh điển Phương Đẳng trong 90 ngày thông hiểu rất nhiều. Long Vương nói:

- Ngài xem kinh hết chưa?

Ngài đáp:

- Kinh của ông vô lượng chẳng coi hết được. Chỗ tôi đạt đủ gấp 10 lần ở Diêm Phù.

Long Vương nói:

- Các kinh trên trời Đạo Lợi hơn đây gấp trăm ngàn ức lần.

Ngài ở Long Cung tu hành, thâm nhập vô sanh. Rồng đưa Ngài ra khỏi cung, từ đây về sau Ngài hoằng dương Phật pháp rộng lớn, tạo các luận Đại vô úy ... mấy mươi vạn kệ (Trung Quán Luận là một phẩm, Đại Trí Độ Luận).

Kinh nói:

Sau khi Phật Niết Bàn,
Đời vị lai sẽ có
Tỳ kheo Nam Thiên Trúc
Có hiệu là Long Thọ
Hay phá tông Hữu – Vô
Hiện pháp Đại thừa ta
Đắc sơ hoan hỷ địa
Vãng sanh An Dưỡng Quốc.

Ngài vào Long cung xem tạng kinh, thấy kinh Hoa Nghiêm có 3 bản.

Bản thượng có 13 thể giới vi trần số kệ, 1 tứ thiên hạ vi trần số phẩm.

Bản trung có 498,800 bài kệ, 1,200 phẩm.

Bản hạ có 100,000 bài kệ, 48 phẩm.

Bản thượng chỉ có Phật mới biết được.

Bản trung chỉ có Bồ tát trụ địa mới biết được.

Ngài bèn ghi chép bản hạ, trở về Ấn Độ. Ấn Độ truyền đến Trung Hoa 80 quyển kinh, 39 phẩm. Phẩm chia ra làm bảy chỗ, chín hội.

Hội 1: Ở Bồ Đề đạo tràng thuyết 6 phẩm, 11 quyển, ngài Phổ Hiền làm hội chủ.

Hội 2: Ở điện phổ Quang Minh thuyết 6 phẩm, 4 quyển, ngài Văn Thù làm hội chủ.

Hội 3: Ở trời Đạo Lợi, thuyết 6 phẩm, 3 quyển, Pháp Huệ làm hội chủ.

Hội 4: Ở trời Dạ Ma, thuyết 4 phẩm, 3 quyển, Công Đức làm hội chủ.

Hội 5: Ở trời Đâu Suất, thuyết 3 phẩm, 12 quyển, Kim Cang Tràng làm hội chủ.

Hội 6: Ở trời Tha Hóa, thuyết 1 phẩm, Kim Cang Tạng làm hội chủ.

Hội 7: Lại ở điện Phổ Quang Minh, thuyết 11 phẩm, 13 quyển. Phổ Hiền và Như Lai. Phẩm Phổ Hiền nói về nhân bình đẳng, phẩm Như Lai Xuất Hiện nói về quả bình đẳng.

Hội 8: Ba lần ở Phổ Quang Minh Điện, thuyết 1 phẩm, 7 quyển.
Cũng ngài Phổ Hiền làm hội chủ.

Hội 9: Trong rừng Thệ Đa thuyết 1 phẩm, 21 quyển, thì Như Lai cùng Thiện hữu.

Đây là bản hạ, phân trước 3 vạn 6 ngàn kệ. Còn 6 vạn 4 ngàn kệ, 9 phẩm ở Ấn Độ.

83. CA NA ĐỀ BÀ

Đề Bà đắc pháp rồi, danh vang khắp nơi. Nhưng vẫn lo người không tin lời mình. Khi ấy ở Thiên Trúc có thờ tượng Trời Đại Tự Tại, ai cầu gì được nấy.

Đề Bà đến miếu xem, vạn chúng đi theo vào. Quả nhiên tượng tròn mắt như nổi giận. Đề Bà nói:

- Thần thì phải xứng là thần, sao lại nhỏ nhen thế! Chính đáng là phải dùng oai linh để cảm hóa người, dùng trí đức để dạy dỗ vật, chứ sao lại mượn vàng làm thân, pha lê làm mắt để mê hoặc đời. Đó chẳng phải chỗ người trông mong.

Rồi bắc thang vào vai tượng, leo lên đục con người của tượng ra. Người xem sanh nghi nói:

- Trời Đại Tự Tại lại bị một chú Bà Là Môn nhỏ bắt nạt sao?

Đề Bà nói:

- Thần minh cao xa nên lấy việc gần để thử tôi. Tôi được tâm của Ngài nên mới dám làm thế.

Nói xong, bày các thứ cúng dường. Đêm ấy trời Đại Tự tại giáng xuống thọ nhận đồ cúng và nói:

- Ông được tâm tôi, người được hình tôi. Ông đem tâm cúng, người đem vật chất dâng. Người biết mà kính ta là ông. Người sợ

mà vu oan ta là mọi người. Nhưng ông tuy cúng rất tốt đẹp, nhưng thiếu cái tôi cần.

Đề Bà nói:

- Thần cần vật gì?

Trời Đại Tự Tại nói:

- Tôi thiếu con mắt trái, cho ta được chăng?

Đề Bà cười, móc mắt mình đưa ra. Càng móc càng sanh hoài không hết. Từ sáng đến chiều, mắt móc mấy vạn. Thần khen:

- Lành thay, Ma nạp! Thật là bố thí cao thượng nhất. Ông muốn cầu gì?

Đề Bà nói:

- Tôi đã sáng tâm, không cần nhờ ở ngoài.

Sau Đề Bà đến thành Ba Liên Phát, nghe các ngoại đạo muốn ngăn chướng Phật pháp, tính kế đã lâu. Đề Bà bèn cầm tràng phan vào trong chúng kia, họ bèn hỏi:

- Sao ông không đi trước?

Đề Bà nói:

- Sao ông không đi sau?

- Ông hình như người bần tiện?

- Ông giống người cao quý.

- Ông hiểu pháp gì?

- Ông trăm thứ chẳng hiểu.

- Tôi muốn được Phật.
- Tôi rõ ràng được Phật.
- Ông đâu đáng được.
- Tôi vốn đã được đạo, còn ông thực chẳng được.
- Ông đã chẳng được, tại sao nói được?

Đề Bà nói:

- Ông có ngã do đó chẳng được. Còn ta không ngã nên ta đáng được.

Họ bèn chịu thua, hỏi Đề Bà:

- Ông tên gì?
- Tôi tên Ca Na Đề Bà.

Người kia trước đã nghe tên Đề Bà, bèn hỏi lỗi đến tạ tội. Trong chúng còn thay nhau vấn nạn, Đề Bà dùng biện tài vô ngại chiết phục hết.

* Bên Trung Hoa thời này nhằm đời Hán Cao Đế năm Canh Thìn.

Hán Vũ Đế, niên hiệu Nguyên Thú năm thứ hai (121 trước Công Nguyên). Tướng quân Phiêu Kỵ về phương Nam để dẹp Hung Nô, khi qua Cư Duyên bắt vua Hưu Đồ, được một người vàng cao hơn một trượng. Vua cho là đại thần đặt ở cung Cam Tuyền, không tế tự, chỉ đốt hương lễ bái mà thôi. Ở đây đạo Phật lưu thông chậm.

84. LA HẦU LA ĐA

La Đa lấy tay phải nâng bát vàng lên đến Phạm cung lấy cơm thơm về thiết trai đại chúng. Đại chúng không ăn được nên đem tâm chán ghét. La Đa nói:

- Chẳng phải lỗi của ta, mà do nghiệp của các ông.

Rồi bảo Nan Đề cùng ăn, chúng lấy làm lạ, La Đa nói:

- Ông chẳng ăn được đều do đây vậy. Nên biết người chia tào với ta tức là Phật thời quá khứ Ba La Thọ Vương, xót thương loài người mà thị hiện. Bọn ông cũng ở trong kiếp Trang nghiêm, đã chứng Tam quả mà chưa chứng vô lậu.

Chúng nói:

- Thần lực của thầy ta, điều này đáng tin. Còn nói ông ta là Phật quá khứ thì chúng con trộm ngờ.

Nan Đề biết chúng sanh ngã mạn bèn nói:

- Thế Tôn lúc tại thế, thế giới bằng phẳng, chẳng có gò nổi, sông suối, ngòi lạch, nước rất ngon ngọt, cây cối tươi tốt, đất nước hưng thịnh. Không có tám khổ, hành mười thiện. Từ khi ngài nhập diệt ở song thọ hơn 800 năm, thế giới gò trũng, cây cối khô héo. Người không có lòng tin, chánh niệm nhỏ ít, chẳng tin chân như, chỉ thích thần lực.

Nói xong lấy tay phải ấn xuống đất cho đến mé Kim Cương luân, lấy nước cam lồ đựng vào bình lưu ly, đem vào hội. Đại chúng vừa thấy, tức thời khâm mộ, hối lỗi làm lễ.

85. TẶNG GIÀ NAN ĐỀ

Ngài khi phó chúc xong, tay phải vịn cây mà tịch. Đại chúng bàn luận:

- Quần chúng quy tịch dưới gốc cây là điềm che mát cho người sau.

Họ định đem toàn thân lên đất cao, dựng tháp. Nhưng chúng dùng toàn lực cũng không nâng lên được, bèn đem mấy voi tới kéo cũng

không động. Bèn thiêu thân ngay tại gốc cây, cây càng thêm tươi tốt.

*

Niên hiệu Hồng Gia năm thứ hai. Quang Lộc đại phu là Lưu Hướn, tuyền truyện thần tiên, nói:

- Từ Hoàng đế trở xuống đến nay. Người đăc tiên đạo được 149 người mà 74 người đă thấy kinh Phật.

Lại nói:

- Xem khắp sách vở, thường thường thấy có kinh Phật.

Niên hiệu, Nguyên Thọ nguyên niên năm Kỷ Mùi (2 trước Công nguyên), Cảnh Hiến đi sứ nước Đại Thệ Nguyệt trở về đợc kinh Phù Đồ, người đời ấy không ai biết.

86. CƯU MA ĐA LA

Cưu Ma Đa La là con Bà La Môn nước Đại Nguyệt Thệ, xưa là trời Tự Tại Thiên Dục giới lục thiên, thấy Bồ tát Anh Lạc, chợt khởi lòng tham ái, bị đọa xuống trời Đạo Lợi, nghe Kiều Thi Ca thuyết Bát nhả Ba la mật, do đợc pháp thù thắng nên lại sanh lên Phạm Thiên. Vì căn tánh lạnh lợi, khéo thuyết pháp yếu, chư thiên tôn làm Đạo sư. Thời tiết kế tục Tổ vị đến, Ngài giáng sanh nước Nguyệt Thệ.

87. BÀ TU BÀN ĐẦU

Xưa Như Lai tu ở Tuyết Sơn có ổ Dã Thước ở trên đỉnh. Phật thành đạo rồi, Dã Thước thọ báo làm vua nước Na Đề. Phật thọ ký rằng:

- Ông đến 1,000 năm sau sanh trong nhà Tỳ Xá Khu ở thành La Duyệt, cùng một bào thai với Thánh.

Nay quả không sai.

Sau độ Ma Noa La con thứ hai vua nước Na Đê. Trước, nước Na Đê có voi dữ làm hại, Noa La sanh thì voi ngừng, ba mươi năm không ai biết lý do. Khi Tổ Bàn Đầu thuật lại vua nghe thì có sứ giả đến báo có 10,000 voi lớn đang phá thành, vua lo lắng. Tổ nói đưa Ma Noa La ra thì yên. Vua thử sai Ma Noa La ra. Ma Noa La ra đến cửa thành phía Nam, vỗ bụng hét lớn, thành bị chấn động, bày voi điên đảo, chạy tán loạn. Lúc ấy dân chúng mới biết nước được an ổn là nhờ Ma Noa La.

88. MA NOA LA 1

Khi được truyền kệ, bày hạc bay lên vừa kêu vừa đi.

Ma Noa vọt lên hư không làm 18 phép thần biến trở về tòa chỉ xuống đất, phát ra một dòng suối thần. Ngài lại nói kệ:

Tâm địa thanh tịnh tuyền
Năng nhuận ư nhất thiết
Tùng địa ư đồng xuất
Biển mãn thập phương tế.

Hạc Lạc Na vui vẻ kính vâng phụng hành.

Ngài truyền pháp xong, ngay chỗ ngồi lặng lẽ thị tịch. Chúng hỏa táng và lượm xá lợi xây tháp thờ.

Tháp xá lợi có bốn mặt:

Trước: Vua Thi Tỳ cắt đuôi tặng ó để cứu bò câu.

Sau: Vua Từ Lực chích thân đốt đèn.

Trái: Thái tử Tát Đòa nhào xuống bờ vực để hổ ăn thịt.

Phải: Vua Nguyệt Quang thí bỏ đầu báu, đều là tiền thân của Phật.

1 Xin xem Tiểu sử Ngài trong cuốn "33 vị Tổ Thiên Tông" của Hòa thượng Thích Thanh Từ, trang 122.

89. BỒ ĐỀ ĐẠT MA

Thuyết pháp Nam Ấn Độ:

Bát Nhã Đa La thị tịch, Bồ Đề Đạt Ma giáo hóa ở bốn quốc. Có hai sư là Phật Đại Tiên và Phật Đại Thắng Đa, vốn cùng Đạt Ma đồng học Thiên quán Tiểu thừa. Sau Phật Đại Tiên cùng Đạt Ma gặp Bát Nhã Đa La, tu theo chánh pháp. Còn Phật Đại Thắng Đa chia đồ chúng làm 6 tông:

- 1- Hữu tướng tông.
- 2- Vô tướng tông.
- 3- Định huệ tông.
- 4- Giới hạnh tông.
- 5- Vô đắc tông .
- 6- Tịch tĩnh tông.

Rồi triển hóa riêng.

Đạt Ma than:

- Họ có một thầy đã là lọt vào vết chân trâu, huống là phân làm sáu tông. Ta nếu chẳng trừ, họ sẽ bị cột mãi trong tà kiến.

Nói xong, hiện chút thần lực, đến chỗ tông Hữu Tướng hỏi:

- Tất cả các pháp, cái nào là thực tướng?

Trong chúng có một tôn trưởng là Tát Bà La đáp:

- Ở trong các tướng, không lẫn các tướng đó gọi là thực tướng.

- Ở trong các tướng mà không lẫn thì làm sao định được?

- Ở trong các tướng thật không có định; nếu nhất định các tướng sao gọi là thực?

- Các tướng chẳng định gọi là thực tướng, nay người chẳng định, sẽ được thực tướng chẳng?

- Tôi nói chẳng định chẳng phải nói các tướng. Nên nói các tướng, nghĩa của nó cũng thế.

- Người nói bất định là thực tướng, thì định mà bất định vậy là chẳng phải thực tướng.

- Định đã bất định thì không phải thực tướng, nhưng cái biết tôi chẳng phải, cái đó bất định bất biến.

- Nay ông bất biến, thì cái gì là thực tướng? Đã biến thì qua rồi, nghĩa này cũng vậy.

- Bất biến sẽ còn, còn mà không chỗ nơi nên biến là thực tướng để định cái nghĩa này.

- Thực tướng bất biến, biến thì chẳng phải thực. Ở trong có, không, sao gọi là thực tướng?

Tát Bà La thâm biết thánh sư huyền giải, thâm đạt ý chỉ. Bèn lấy tay chỉ hư không nói:

- Đây là hữu tướng của thể gian, cũng có thể thành không. Nên thân này của con, có được như thể không?

- Nếu hiểu thực tướng, tức thấy không phải tướng. Nếu rõ không phải tướng thì sắc này cũng vậy. Nên ở trong sắc mà không mất sắc thể. Ở trong phi tướng mà chẳng ngại có. Nếu hiểu như thế, thì đây gọi là thực tướng.

Chúng kia nghe xong, tâm ý rỗng rang, đánh lễ tín phục.

*

Bồ Đề Đạt Ma lại đến tông Vô tướng hỏi:

- Người nói vô tướng, làm sao chúng được?

Trong chúng có Ba La Đề đáp:

- Tôi gọi vô tướng là tâm không hiện.

- Tâm người không hiện, làm sao rõ được?

- Tôi rõ vô tướng, tâm không thủ xả. Ngay lúc rõ cũng không có người đang (rõ).

- Ở các tâm có không, không có thủ xả, lại không có người đang (rõ). Thì các sự rõ biết là không.

- Nhập Phật tam muội còn không sợ đắc, huống là vô tướng mà muốn biết nó.

- Tướng đã chẳng biết thì ai nói có không? Còn không sợ đắc, sao gọi là tam muội?

- Tôi nói không tướng là chúng mà không chỗ chúng, chẳng phải tam muội nên tôi nói tam muội.

- Chẳng phải tam muội, làm sao có tên gọi? Ông đã chẳng chúng; không phải chúng thì chúng cái gì?

Ba La Đề nghe xong, ngộ được bốn tâm, lễ tạ và sám hối những sai lầm cũ.

Đạt Ma thọ ký:

- Ông sẽ đắc quả, không bao lâu sẽ tự chúng. Nước này có ma, chẳng bao lâu ông sẽ hàng phục chúng. Nói xong Ngài biến mất.

Đến tông Định Huệ hỏi:

- Ông học định huệ, là một hay hai?

Trong chúng có Bà Lan Đà đáp:

- Định huệ của tôi, không một không hai?

- Đã không một, hai sao lại gọi là định huệ?

- Tại định mà không phải định. Ở huệ mà không phải huệ, một mà không một, hai cũng chẳng hai.

- Đáng một mà chẳng một, đáng hai mà chẳng phải hai, đã chẳng phải định huệ, thì theo định huệ nào?

- Chẳng một, chẳng hai, mà định huệ hay biết; chẳng phải định, chẳng phải huệ cũng lại như thế.

- Huệ chẳng phải định thì làm sao biết? Chẳng một, chẳng hai thì ai định, ai huệ?

Bà Lan Đà nghe rồi, tâm nghi tan biến.

*

Ngài đến tông Giới Hạnh hỏi:

- Cái gì gọi là giới? Thế nào gọi là hạnh? Giới hạnh này là một hay là hai?

Trong chúng có một hiền giả thưa:

- Một, hai hay hai, một đều do kia sanh. Y theo giáo không nhiễm. Đây gọi là giới hạnh.

- Ông nói y giáo tức có nhiễm, một hay hai đều phá, sao nói y giáo? Hai cái này trái ngược. Hạnh chẳng đến được, trong ngoài chẳng rõ, sao gọi là giới?

- Ta có trong ngoài, điều đó đã biết rõ, đã được thông đạt, thì đó là giới hạnh. Nếu nói trái ngược; đều phải hoặc đều trái. Còn nói đến thanh tịnh thì tức là giới, tức là hạnh.

- Điều phải, điều trái sao nói là thanh tịnh?

Đã được thông thì sao lại nói trong ngoài?

Hiền giả nghe xong, hổ thẹn chịu phục.

*

Ngài đến tông Vô Đắc hỏi:

- Ông nói vô đắc là không đắc cái đắc nào?

Đã không chỗ đắc thì cũng là đắc cái vô đắc.

Trong chúng có Bảo Tĩnh đáp:

- Tôi nói vô đắc, chẳng phải đắc cái vô đắc. Nên nói đắc đắc, vô đắc tức là đắc.

- Đắc đã không đắc, đắc cũng chẳng phải đắc. Đã nói đắc đắc, thì đắc đắc cái nào?

- Thấy đắc chẳng phải đắc, chẳng phải đắc là đắc. Nếu thấy không có đắc gọi là đắc đắc.

- Đắc đã chẳng phải đắc, thì đắc đắc chẳng có đắc. Đã không có chỗ đắc, thì lấy cái đắc nào để đắc?

Bảo Tĩnh nghe rồi, chóng trừ lưới nghi.

*

Ngài đến tông Tịch Tĩnh hỏi:

- Sao gọi là tịch tĩnh? Ở trong pháp này?

Cái gì tịch? Cái gì tĩnh?

Có một tôn giả đáp:

- Tâm này bất động gọi đó là tịch, ở pháp không nhiễm gọi là tĩnh.

- Bỏ tâm nếu không tịch, cần mượn tịch tĩnh; xưa nay đã tịch đâu cần tịch tĩnh?

- Các pháp vốn không, vì không nên không, ở cái không kia không nên gọi là tịch tĩnh.

- Không không đã không, các pháp cũng vậy. Tịch tĩnh không tướng, cái gì tĩnh? Cái gì tịch?

Người ấy nghe chỉ dạy, hoát nhiên khai ngộ. Rồi từ đó năm chúng đều quy y Ngài.

33 Bài Tán Hình Tượng TỔ SƯ (của ngài HÁM SƠN)

Tổ thứ 1

TÔN GIẢ MA HA CA DIẾP

(Maha-Kasyapa)

Thân hình sắc vàng

Kim chi sắc hình

Kim cang là tâm

Kim cang vị tâm

Vâng gìn huệ mạng

Phụng trì tuệ mạng

Thường chuyển pháp luân

Thường chuyển pháp luân

Thế Tôn nâng hoa
Thế Tôn niêm hoa

Khẽ mỉm miệng cười
Phá nhan nhất tiếu

Đến nay khiến người
Chí kim linh nhân

Nghĩ suy chẳng đến.
Tư nghi bất đáo.

Tổ thứ 2

TÔN GIẢ A NAN (Ananda)

Nghe nhiều như biển
Đa văn như hải

Uống dòng rượu pháp
Âm súc pháp lưu

Chư Phật còn mắt
Chư Phật xuất một

Chẳng rời đầu lưới
Bất ly thiệt đầu

Pháp êm dịu hóa
Cổ hoàng pháp hóa

Tiết phách thành lệnh
Tiết phách thành lệnh

Thế nên thầy ta
Thị cố ngã sư

Là chánh trong thiên

Vi thiên trung chính.

Tổ thứ 3

TÔN GIẢ THƯỜNG NA HÒA TU (Sanakavasa)

Căn linh Bát Nhã
Bát Nhã linh căn

Kiếp trước đã chứng
Túc sanh dĩ chứng

Nên Sư sắp sanh
Cố sư tương xuất

Cỏ lành ứng trước
Thụ thảo tiên ứng

Dùng tâm ấn tâm
Dĩ tâm ấn tâm

Như lửa vào lửa
Như hỏa đầu hỏa

Đường hẹp gặp nhau
Hiệp lộ tương phùng

Không có chỗ trốn
Định một xứ đóa.

Tổ thứ 4

TÔN GIẢ ƯU BA CÚC ĐA (Upagupta)

Một người tâm không
Nhất nhân tâm không

Cung ma chấn động

Ma cung chân động

Cầm mũi kim cương
Ác kim cương phong

Ai dám đùa giỡn
Thùy cầm khinh lộng

Nếu chịu quay đầu
Nhược khăng hời quang

Tâm cuồng chóng hết
Cuồng tâm đốn hiết

Lễ bái quy y
Lễ bái quy y

Các tội tiêu diệt
Chư tội tiêu diệt.

Tổ thứ 5

TÔN GIẢ ĐỀ ĐÀ CA (Dhrtaka)

Đã ngộ bản tâm
Dĩ ngộ bản tâm

Như trời soi đêm
Như nhật chiếu dạ

Mộng sanh tử này
Thị sanh tử mộng

Ánh sáng siêu việt
Quang minh siêu việ

Pháp thầy vốn không
Sư pháp bản vô

Tâm con chẳng có
Ngã tâm bất hữu

Như không hợp không
Như không hợp không

Lưỡi không ra miệng
Thiệt bất xuất khẩu.

Tổ thứ 6

TÔN GIẢ DI GIÁ CA (Miccaka)

Đều do đây đến
Đô nhân thử lai

Chẳng vì việc khác
Bất vì biệt sự

Gặp nhau giữa chợ
Náo thị tương phùng

Tự bày pháp khí
Tự thị kỳ khí

Huyền kiến chưa đến
Huyền kiến vị nhiên

Sớm biết hôm nay
Tảo tri kim nhật

Cứ lo buôn bán
Đương hành mãi mại

Chẳng kể giá cả
Bất luận giá trị.

Tổ thứ 7

TÔN GIẢ BÀ TU MẬT (Vasumitra)

Từ đường nóng đến
Tùng nhiệt lộ lai

Chợt gặp bạn thân
Hốt phùng thân hữu

Một lời luận nghĩa
Nhất ngôn luận nghĩa

Chóng biết chưa có
Đốn tri vị hữu

Xin vị cam lồ
Khất cam lồ vị

Chỉ pháp hư không
Thị hư không pháp

Nếu nói có được
Nhược vị hữu đắc

Rơi bảy rụng tám
Lạc thất lạc bát.

Tổ thứ 8

TÔN GIẢ PHẬT ĐÀ NAN ĐỀ (Buddhanandi)

Chẳng phải không nói
Bất thị bất ngôn

Nói không đến được
Ngôn chi bất cập

Chẳng phải không đi
Bất thị bất hành

Vốn không tung tích
Bổn vô tung tích

Nay gặp người này
Kim ngộ kỳ nhân

Mới mở miệng được
Nãi khả khai khẩu

Từ đây liền đi
Tùng thử tiện hành

Chẳng rơi hang ổ
Bất đọa khòa cứu.

Tổ thứ 9

TÔN GIẢ PHỤC ĐÀ MẬT ĐA (Buddhamitra)

Ở trong thai mẹ
Trụ mẫu thai trung

Qua sáu mươi năm
Kinh lục thập niên

Chỉ đợi thầy đến
Chỉ đãi sư lai

Mới thỏa duyên trước
Phương toại tiền duyên

Trên đánh quang minh
Đánh thượng quang minh

Nguyên là sẵn có

Nguyên thị bốn hữu

Vừa vót liền thầu
Nhất quát tiện thầu

Như sư tử rống.
Như sư tử hồng.

Tổ thứ 10

HIỆP TÔN GIẢ (Parsva)

Chỉ đất thành vàng
Chỉ địa biến kim

Theo tay mà hiện
Tùy thủ nhi hiện

Thánh nhân liền đến
Thánh nhân tức chí

Còn gì mau hơn?
Hà đẳng khoái tiện

Tợ như hang trống
Tợ hồ không cốc

Ứng tiếng đáp vang
Ứng thanh đáp hưởng

Thì biết tâm ta
Thị tri ngã tâm

Vốn không qua lại.
Bồn vô lai vãng.

Tổ thứ 11

TÔN GIẢ PHÚ NA DẠ XA (Punyaysas)

Phật chẳng biết Phật
Phật bất thức Phật

Mắt chẳng thấy sắc
Nhãn bất kiến nhãn

Lại kiếm nơi khác
Cánh hương tha mịch

Nên bị kiểm điểm
Cố tao kiểm điểm

Toan nói vẹn toàn
Tương vi hồn toàn

Sớm bị phá vỡ
Tảo bị giải phá

Mãnh tình đưa ra
Mảnh tình tương lai

Mới biết lời rưng.
Phương tri thoại đọa.

Tổ thứ 12

TÔN GIẢ MÃ MINH (Asvaghosha)

Ngựa kêu bình thương
Mã chi bi minh

Sẵn tự có nhân
Cố tự hữu nhân

Đất vọt cô gái
Địa dũng nữ tử

Nguyên chẳng phải người
Nguyên phi kỳ nhân

Ma vốn không ma
Ma phi bản ma

Phật cũng chẳng Phật
Phật diệc phi Phật

Mắt chánh xem lại
Chánh nhãn khán lai

Rốt là vật gì?
Cánh thị hà vật.

Tổ thứ 13

TÔN GIẢ CA TỶ MA LA (Kapimāla)

Từ dị học đến
Tùng dị trung lai

Được tri kiến chánh
Đắc chánh tri kiến

Đường gặp rắn độc
Lộ phùng độc xà

Tâm từ bi hiện
Từ bi tâm hiện

Lại hỏi rồng độc
Cánh vấn độc long

Đều muốn điều phục

Đồ yếu điều phục

Mắt thấy tâm hay
Nhân kiến tâm tri

Như vang lìa hang
Như hương xuất cốc.

Tổ thứ 14

TÔN GIẢ LONG THỌ (Nagarjuna)

Trong rỗng dạy rỗng
Long trung hóa long

Lấy độc chống độc
Dĩ độc công độc

Tôn giả tay khéo
Tôn giả diệu thủ

Một lời điều phục
Nhất ngôn điều phục

Phật tánh tam muội.
Phật tánh tam muội

Thê như hư không
Thê ngược hư không

Trăm ngàn pháp môn
Bách thiên pháp môn

Đều vào đây hết.
Tận nhập kỳ trung.

Tổ thứ 15

TÔN GIẢ CA NA ĐỀ BÀ (Kanadeva)

Bỏ kim vào bát
Dĩ châm đầu bát

Diệu khế mắt lời
Diệu kế vong ngôn

Dạy nghĩa Phật tánh
Thị Phật tánh nghĩa

Trăng tròn hiện tiền
Mãn nguyệt hiện tiền

Đến nhà trưởng giả
Chí trưởng giả gia

Đem kim kéo chỉ
Tương châm dẫn tuyến

Mượn nhân duyên người
Giả tha nhân duyên

Làm phương tiện mình.
Vi kỷ phương tiện.

Tổ thứ 16

TÔN GIẢ LA HẦU LA ĐA (Rahulata)

Theo dòng được nguồn
Tâm lưu đặc nguyên

Suối cùng non tận
Thủy cùng sơn tận

Chợt gặp người này
Hốt kiến kỳ nhân

Biết ngay là Thánh
Tri kỳ vi thánh

Bung com thơm đến
Hương phạn kinh lai

Chia tòa dâng ăn
Phân tòa cung thực

Đại chúng cùng uống
Đại chúng đồng ẩm

Cam lồ như mật
Cam lồ như mật.

Tổ thứ 17

TÔN GIA TẶNG GIÀ NAN ĐỀ (Saghanandi)

Chẳng thích cung vua
Bất lạc vương vung

Trời mở một đường
Thiên khai nhất lộ

Chạm thẳng cuối nguồn
Trực đẽ cùng nguyên

Chẳng biết lý do
Bất tri kỳ cố

Dưới đám mây tía
Tử vân chi hạ

Chỗ nương của Thánh
Thánh giả sở y

Quả được đồng tử

Quả đắc đồng tử

Hội cơ chư Phật.
Hội chư Phật cơ.

Tổ thứ 18

TÔN GIẢ GIÀ DA XÁ ĐA (Gayasata)

Bảy ngày chẳng sanh
Thất nhật bất sanh

Chẳng rơi các ám
Bất đạo chư ám

Thân thể thơm sạch
Kỳ thể hương khiết

Xưa nay thanh tịnh
Bồn lai thanh tịnh

Gõ cửa một lời
Khẩu môn nhất ngữ

Đáp không là ai?
Đáp vô giả thù

Mạnh mẽ gọi tỉnh
Mãnh nhiên hóa tỉnh

Ngay đó biết về
Đương hạ tri quy.

Tổ thứ 19

TÔN GIẢ CƯU MA LA ĐA (Kumarata)

Đã sanh thiên đường

Ký sanh thiên thượng

Chẳng nên dục ái
Bất ưng khởi ái

Một niệm chưa quên
Nhất niệm vị vong

Liên chẳng tự tại
Tiện bất tự tại

Do sức Bát Nhã
Dĩ Bát Nhã lực

Lại thăng cõi Phạm
Phục thăng Phạm thế

Nên đến truyền đăng
Cổ lai truyền đăng

Là việc nhà mình.
Thị kỳ gia sự.

Tổ thứ 20

TÔN GIẢ XÀ DẠ ĐA (Jayata)

Vô sanh vốn đủ
Vô sanh bốn cụ

Chẳng cần cầu chân
Bất dụng cầu chân

Gặp duyên thì phát
Ngộ duyên thì phát

Như hoa gặp xuân
Như hoa phùng xuân

Cầu thì vội quá
Cầu chi thái cấp

Cách đạo càng xa
Khứ đạo chuyển viên

Ngay đó biết về
Đương hạ tri quy

Đến đường quay lại.
Tự lộ nhi phả.

Tổ thứ 21

TÔN GIẢ BÀ TU BÀN ĐẦU (Vasubandhu)

Sáng tối đồng thể
Minh ám đồng thể

Thánh phàm một đường
Thánh phàm nhất lộ

Chỗ đến sâu xa
Lai xứ u vi

Chẳng biết thế nào?
Mạc trì kỳ cố

Người chỗ khó quên
Thục xứ nam vong

Lại cầu bạn lữ
Cánh cầu bạn lữ

Chợt lại gặp nhau
Hốt nhĩ tương phùng

Chấp nhận tâm mình.

Khẳng tâm tự hứa.

Tổ thứ 22

TÔN GIẢ MA NOA LA (Manorhita)

Được thọ ký rồi

Tùng thọ ký lai

Chẳng làm việc khác

Bất vi biệt sự

Đồng loại theo nhau

Đồng loại tương tòng

Duyên gặp liền ngộ

Duyên hội tất ngộ

Ôi bày hạc kia

Ta bĩ hạc chúng

Bay kêu đã lâu

Phi minh ký cửu

Chỉ ở một lời

Nhất ngôn chi ngôn

Chóng biết sẵn có.

Đốn tri bốn hữu.

Tổ thứ 23

TÔN GIẢ HẠC LẶC NA (Haklena)

Từ đánh Tu Di

Tùng Tu Di đánh

Cầm vòng vàng lai

Tri kim hoàn lai

Ôi! Chúng hạc kia
Ta bĩ hạc chúng

Tình cảnh đáng thương
Kỳ tình khá ái

Gặp được sư tử
Đắc sư tử nhi

Rống tiếng rống lớn
Tác đại hô hồng

Có khí xuyên trời
Hữu khí quán thiên

Thí nghiệm việc sau.
Thí nghiệm kỳ hậu.

Tổ thứ 24

TÔN GIẢ SƯ TỬ (Aryasimha)

Gặp nhau đòi châu
Tương kiến sách châu

Mở tay liền có
Khai thủ tiện hữu

Vì trước đã giao
Dĩ tiên sở phó

Từ biệt không lâu
Biệt lai bất cửu

Biết thiếu nợ trước
Tri hữu túc khi

Riêng đến đáp đến
Đặc lai phụng thù

Đầu kê gươm nhận
Tương đầu lâm nhận

Sữa trắng tuôn trào
Bạch nữ hoành lưu.

Tổ thứ 25

TÔN GIẢ BÀ XÁ TU' ĐA (Basiasita)

Cầm kiếm Bát Nhã
Binh Bát Nhã kiếm

Năm châu như ý
Ác như ý châu

Tuy nói tạm đến
Tuy vân tạm đáo

Hạnh này chẳng hư
Thử hạnh bất hư

Bỗng gặp người ác
Ngẫu ngộ ác nhân

Khéo được bạn tốt
Khấp đắc hảo bạn

Nhân tà đánh chánh
Nhân tà đả chánh

Tiện lợi cả hai.
Lưỡng đắc kỳ tiện.

Tổ thứ 26

TÔN GIẢ BÁT NHƯ MẬT ĐA (Punyamitra)

Từ dòng Sát lợi
Tùng sát lợi chủng

Tiếp ngọn truyền đăng
Tục truyền đăng diệm

Nói pháp chẳng rõ
Chân tự bất minh

Cơ hồ mất hẳn
Cơ hồ thất hãm

Vào trong phố chợ
Tùng não thị trung

Chợt gặp cố nhân
Hốt phùng cố nhân

Nấp hộp vừa vắn
Hàm cái tương hợp

Bèn được rõ chân.
Nãi đặc kỳ chân.

Tổ thứ 27

TÔN GIẢ BÁT NHÃ ĐA LA (Prajnatara)

Chớ bảo không nhân
Mạc vị vô nhân

Gặp nhau liền thấy
Tương phùng tiện kiến

Chỗ đến tự nhiên
Lai xứ tự nhiên

Không nhờ phương tiện
Bất giả phương tiện

Nay nhân châu này
Kim nhân kỳ châu

Bèn được người ấy
Nãi đặc kỳ nhân

Đào ao được trăng
Khai trì đặc nguyệt

Mua đá được (thêm) mây.
Mãi thạch nhiều vân.

Tổ thứ 28

TÔN GIẢ BỒ ĐỀ ĐẠT MA (Bodhidharma)

Tâm sư thật gấp
Sư tâm thậm cấp

Đến đây quá sớm
Kỳ lai thái tảo

Một lời chẳng hợp
Nhất ngữ bất đầu

Tâm này chẳng xong (rõ)
Thử tâm bất liễu

Ngồi lạnh Thiếu Lâm
Lãnh tọa Thiếu Lâm

May được Thần Quang

Hạnh đắc Thân Quang

Một tay rơi rụng
Nhất tí đọa lạc

Đạo này thịnh hưng.
Kỳ đạo đại xương.

Tổ thứ 29

ĐẠI SƯ HUỆ KHẢ

Vượt thuyền riêng đến
Hàng hải đặc lai

Biết bao khổ tâm
Đa thiếu khổ tâm

Trong nước Trung Hoa
Chân Đán quốc lý

Chỉ được một người
Kỳ đắc nhất nhân

Tim không thể được
Mích bất khả đắc

Như nước tùy bình
Như thủy nhậm khí

Lấy đây trao truyền
Dĩ thử truyền gia

Đây là đệ nhị.
Thị vi đệ nhị.

Tổ thứ 30

ĐẠI SƯ TĂNG XÁN

Suốt thân là bệnh
Thông thân thị bịnh

Chẳng biết từ đâu
Bất tri lai xứ

Chợt gặp y vương
Hốt phùng y vương

Tĩnh hẩn duyên có
Mãnh tĩnh kỳ cố

Tâm rỗng xương cứng
Tâm không cốt cương

Lại đi hành cước
Thả tiện hành cước

Gặp người có sức
Ngộ hữu lực giả

Một gánh giao cho.
Nhất đảm phó thác.

Tổ thứ 31

ĐẠI SƯ ĐẠO TÍN

Tuổi trẻ xuất gia
Thiếu niên xuất gia

Lợi căn nhậm lệ
Lợi căn tiếp tậ

Hơn sáu mươi năm
Lục thập dư niên

Hông không dính chiếu
Hiệp bất chí tịch

Người học tụ tập
Học lữ vân trần

Đâu tiếp trẻ con
Hà đãi tiểu nhi

Vì có hẹn xưa
Dĩ hữu túc ước

Người xem chẳng biết.
Quán giả bất tri.

Tổ thứ 32

ĐẠI SƯ HOÀNG NHÃN

Lai lịch chẳng tỏ
Lai lịch bất minh

Xuất thân đúng lúc
Xuất thân kháp hảo

Một việc chưa xong
Nhất kiện vị hoàn

Hai nhà đều rõ
Lưỡng gia đô liễu

Trong núi Phá Đầu
Phá đầu sơn trung

Trên đường Hoàng Mai

Hoàng Mai lộ thượng

Qua lại tự do
Vãng lai tự do

Đủ tướng đại nhân.
Cụ đại nhân tướng.

Tổ thứ 33

ĐẠI SƯ HUỆ NĂNG

Búa tiêu vừa ném
Tiêu phủ tài phao

Lấy đá cột eo
Dĩ thạch trụ yêu

Linh căn trồng lâu
Linh căn cử thực

Từ đây nảy nhánh
Tùng thử trừ điều

Nguồn từ Tào Khê
Nguyên xuất Tào Khê

Trôi khắp đại địa
Hoành lưu đại địa

Thẳng đến bây giờ
Trực chí vu kim

Không đâu chẳng phải.
Vô xứ bất thị.

HẾT